



VINAMILK



**TIÊU CHUẨN TOÀN CẦU
TIẾN BƯỚC 5 CHÂU**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | **2019**

ĐIỂM NHẤN NĂM 2019



Tổng doanh thu (hợp nhất)

56.400
tỷ đồng



Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)

10.554
tỷ đồng



Giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam

2,2 tỷ
đô la Mỹ



Vốn hoá

202.907
tỷ đồng



Tổng thị phần của Vinamilk

Tăng 0,2%



Số nước xuất khẩu

53



Số lượng nhân viên

9.803



Tổng số điểm bán lẻ

251.000



Trang trại chuẩn GLOBAL G.A.P đang hoạt động

12
trang trại



Tổng đàn bò sữa

130.000



ĐIỂM NHẤN NĂM 2019

Năm 2019 – một năm của thay đổi để tăng trưởng. Vinamilk tiếp bước hoàn thành nửa sau của kế hoạch 5 năm 2017-2021 bằng việc nghiên cứu phát triển đa dạng danh mục sản phẩm, tung và tái tung sản phẩm mới; tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu; đầu tư chiến lược và nhiều hoạt động đổi mới khác.



Năm 2019, Vinamilk tiếp tục thành công trong hoạt động xuất khẩu khi đã thành công tiến bước vào một thị trường rộng lớn và đầy tiềm năng, Trung Quốc.



Phát triển **02** thị trường mới trong năm



Tham gia **15** hội chợ, hội nghị quốc tế



TUNG VÀ TÁI TUNG GẦN 20 SẢN PHẨM



Vinamilk trở thành nhà tài trợ chính cho các đội tuyển bóng đá Quốc gia Việt Nam. Vào ngày 02/07/2019, Vinamilk và Liên đoàn Bóng đá Việt Nam (VFF) đã ký kết Hợp đồng tài trợ chính với sứ mệnh đầy ý nghĩa "Vì một Việt Nam vươn cao". Thông qua việc ký kết Hợp đồng tài trợ này, Vinamilk luôn mong muốn đồng hành và hỗ trợ mọi điều kiện tốt nhất cho các đội tuyển bóng đá Việt Nam trên hành trình chinh phục những đỉnh cao mới.



M&A

Vinamilk chính thức sở hữu 75% CTCP GTN-Foods, qua đó tham gia điều hành CTCP Sữa Mộc Châu. Thương vụ M&A này giúp Vinamilk có bước tiến lớn về phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi. Quy mô đàn bò do Vinamilk và Mộc Châu Milk quản lý và khai thác sữa đạt khoảng 155.000 con.



Hệ thống trang trại

Vinamilk tự hào sở hữu hệ thống Trang trại chuẩn GLOBAL G.A.P lớn nhất châu Á trải dài từ Bắc vào Nam. Vào ngày 27/03/2019, công ty chào đón thêm thành viên "Resort" bò sữa Vinamilk Tây Ninh, là "resort" lý tưởng cho các cô bò hạnh phúc. Cũng trong cùng năm, "Resort" bò sữa Organic với quy mô hàng đầu châu Á được khởi công xây dựng trên cao nguyên Xiêng Khoảng, Lào vào tháng 5.



VINAMILK ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ MÔI TRƯỜNG:

- + Bắt đầu từ việc giới thiệu túi vải thân thiện, nhằm giảm thiểu các chất thải nhựa.
- + Thay đổi bao bì theo hướng bảo vệ môi trường: bỏ vòng nhựa bao quanh nắp chai nước.

Công ty sẽ tiếp tục hành trình xanh này trong thời gian tới với các hoạt động cộng đồng khác.



MỤC LỤC

10



Chương I Thông tin chung

- 12 1.1 Thông điệp Chủ tịch HĐQT
- 14 1.2 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 16 1.3 Tóm tắt thông tin tài chính 2014 - 2019

18



Chương II Giới thiệu công ty

- 20 2.1 Lịch sử hình thành và phát triển
- 22 2.2 Thông tin cổ phần, cổ đông
- 26 2.3 Mô hình hoạt động của Công ty
- 27 2.4 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý
- 28 2.5 Giới thiệu nhân sự chủ chốt
- 38 2.6 Giới thiệu Ban thư ký
- 39 2.7 Giới thiệu Kiểm toán nội bộ

56



Chương III Báo cáo hoạt động 2019

- 58 3.1 Tổng quan ngành sữa năm 2019
- 60 3.2 Báo cáo của Hội đồng quản trị
- 66 3.3 Báo cáo của Ban Điều hành

104



Chương IV Chiến lược phát triển đến năm 2021

108



Chương V Quản trị công ty

- 110 5.1 Báo cáo Quản trị công ty
- 124 5.2 Báo cáo Quản trị rủi ro

128



Chương VI Phát triển bền vững

132

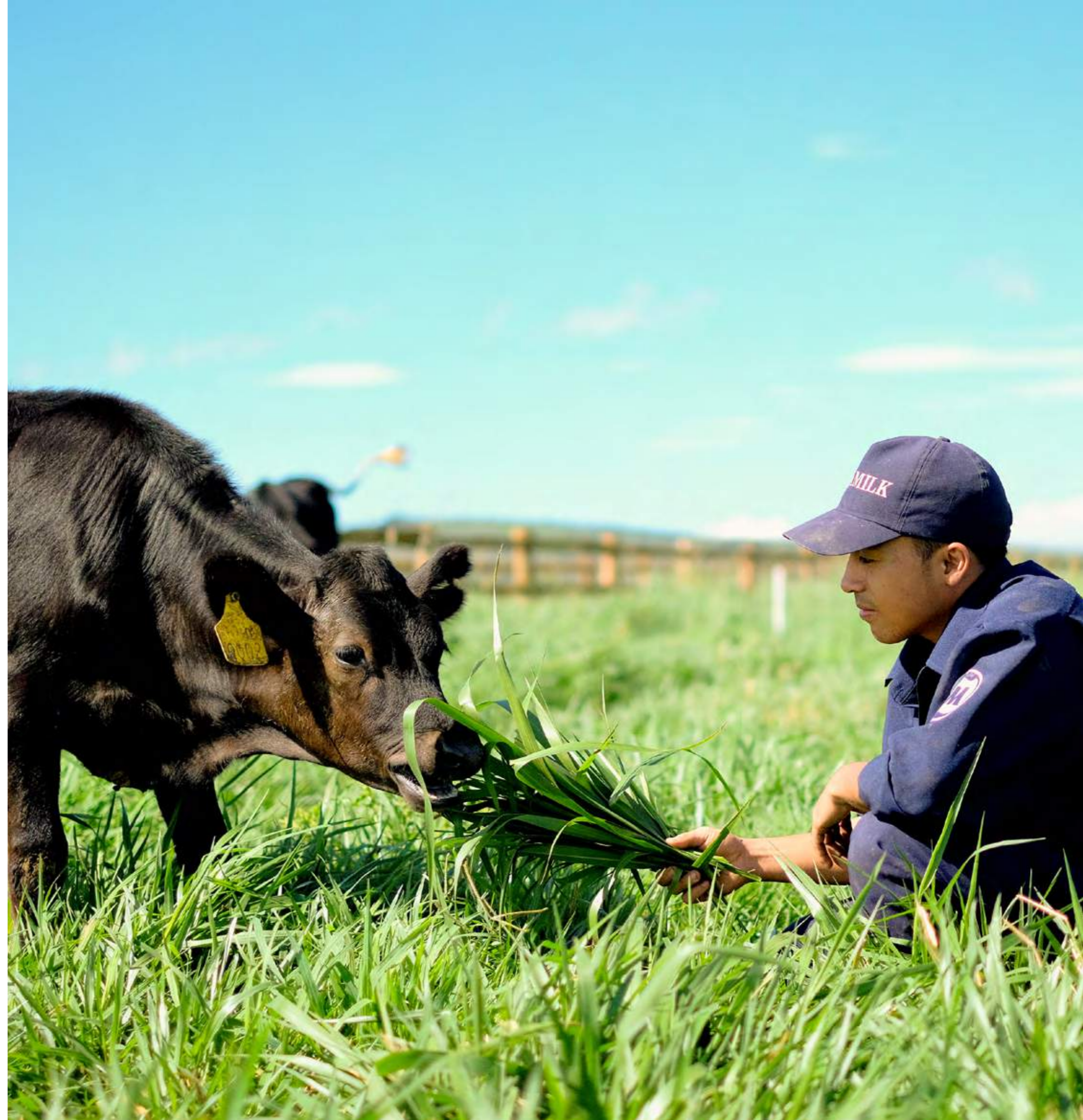


Chương VII Báo cáo tài chính

- 134 7.1 Báo cáo tài chính hợp nhất (VAS)
- 198 7.2 Báo cáo tài chính hợp nhất (IFRS)

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDH	: Ban Điều hành
Công ty	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
DHĐCĐ	: Đại hội đồng Cổ đông
GDDH	: Giám đốc Điều hành
HDQT	: Hội đồng Quản trị
HĐTV	: Hội đồng Thành viên
TBCL	: Tiểu ban Chiến lược
TBKT	: Tiểu ban Kiểm toán
TBLT	: Tiểu ban Lương thưởng
TBNS	: Tiểu ban Nhân sự
TGD	: Tổng Giám đốc
Vinamilk	: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
BCTC	: Báo cáo tài chính
BS TNHH	: Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa
BSVN	: Bò sữa Việt Nam
CAGR	: Tăng trưởng kép bình quân
CBTT	: Công bố thông tin
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng
CTCP	: Công ty Cổ phần
EBITDA	: Thu nhập trước thuế, khấu hao và lãi vay
ERP	: Phần mềm quản lý
GCNDKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
GDP	: Tổng sản phẩm nội địa
GLOBALG.A.P	: Tiêu chuẩn Toàn cầu về Thực hiện Nông nghiệp tốt
GSO	: Tổng cục Thống kê Việt Nam
HOSE	: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM
HR	: Nhân sự
IFC	: Công ty Tài chính Quốc tế
IFRS	: Các chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế
IR	: Quan hệ nhà đầu tư
KRI	: Chỉ số kết quả chính yếu
KSNB	: Kiểm soát nội bộ
KTNB	: Kiểm toán nội bộ
M&A	: Mua bán, sáp nhập
MTV	: Một thành viên
NVL	: Nguyên vật liệu
ODA	: Viện trợ phát triển chính thức
PTBV	: Phát triển Bền vững
QLRR	: Quản lý rủi ro
R&D	: Nghiên cứu & phát triển
ROA	: Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản
ROE	: Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu
SCIC	: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
SDGs	: Mục tiêu phát triển bền vững
SSC	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
STNL	: Sữa tươi nguyên liệu
TĂCN	: Thức ăn chăn nuôi
TM-ĐT	: Thương mại đầu tư
TMR	: Total mixed ration
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	: Thành Phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	: Tài sản cố định
TVC	: Phim quảng cáo
UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VAS	: Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
VPDD	: Văn phòng đại diện
VSATTP	: Vệ sinh an toàn thực phẩm





I. THÔNG TIN CHUNG

- 1.1 Thông điệp Chủ tịch HĐQT 12
- 1.2 Thông điệp của Tổng Giám đốc 14
- 1.3 Tóm tắt thông tin tài chính 2014 - 2019 16

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2019 – thật sự là năm thay đổi để tăng trưởng. Trong bối cảnh kinh tế chính trị xã hội thế giới đầy biến động, đội ngũ Ban Điều hành và nhân viên Vinamilk đã có những nỗ lực vượt bậc và đạt được kết quả tốt không chỉ với doanh số, lợi nhuận mà còn ở chỉ số thị phần và niềm tin của người tiêu dùng, đạt được đầy đủ 3 nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra từ đầu năm.



TÂM NHÌN



“Trở thành biểu tượng mang tầm vóc thế giới trong lĩnh vực thực phẩm và thức uống, nơi mà tất cả mọi người đặt trọn niềm tin vào sản phẩm an toàn và dinh dưỡng”.

SỨ MỆNH



“Mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng giá trị nhất bằng tất cả trân trọng, tình yêu và có trách nhiệm với cuộc sống”.

Kính gửi: Quý cổ đông,

Năm 2019 – thật sự là năm thay đổi để tăng trưởng. Trong bối cảnh kinh tế chính trị xã hội thế giới đầy biến động, môi trường sản xuất kinh doanh luôn phải ứng phó với những thách thức khó lường. Kinh tế Việt Nam, với sự hưởng lợi từ biến động của thế giới, đã có những thành tựu khả quan. Cùng hòa chung với thành công đó, đội ngũ Ban Điều hành và nhân viên Vinamilk, với sự chỉ đạo đồng hành của HĐQT, đã có những nỗ lực vượt bậc và đạt được kết quả tốt không chỉ với doanh số, lợi nhuận mà còn ở chỉ số thị phần và niềm tin của người tiêu dùng, đạt được đầy đủ 3 nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra từ đầu năm.

Để tiếp bước nửa sau của kế hoạch 5 năm 2017 – 2021, Vinamilk cũng đã nghiên cứu phát triển và hoàn thiện danh mục sản phẩm phong phú đa dạng, đáp ứng các nhu cầu khác nhau của thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, với những thương vụ mua bán sáp nhập Vinamilk vừa thực hiện, có thể nói rằng Vinamilk đã sẵn sàng cho việc thực hiện và hoàn thành chiến lược đề ra. Tiếp nối thành công từ cuối năm 2018, Vinamilk tự hào là công ty duy nhất thực hiện 21 chương trình sữa học đường trong năm 2019 – nâng cao tầm vóc và trí tuệ trẻ em Việt nam, uy tín và hình ảnh thương hiệu Vinamilk đã được nâng lên một tầm cao mới. Ở góc nhìn phát triển bền vững, Vinamilk luôn là minh chứng của một doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, luôn tôn trọng và hài hòa lợi ích của các bên liên quan, bảo vệ môi trường và đóng góp cho Nhà nước thông qua nghĩa vụ nộp thuế. Năm 2019, đối với các lĩnh vực quản trị tốt, môi trường làm việc, và uy tín – giá trị thương hiệu, Vinamilk cũng đã đạt được rất nhiều giải thưởng, danh hiệu. Điều này ghi nhận sự nỗ lực và kiên trì của Vinamilk trong việc tiên phong và theo đuổi con đường vươn tới những gì tốt đẹp nhất.

Bước sang năm 2020, năm **Công nghệ - chìa khóa để thay đổi**, đóng vai trò tăng tốc trong chiến lược 5 năm, những thay đổi, biến động về kinh tế, chính trị - xã hội trong và ngoài nước sẽ là thách thức không nhỏ đến bất kỳ doanh nghiệp nào. Tuy nhiên, với chiến lược kinh doanh tốt, được hỗ trợ bởi việc tổ chức thực thi và các chương trình kế hoạch cụ thể, được thực thi bởi đội ngũ lãnh đạo và nhân viên tài năng, có ý chí và quyết tâm cao, được tôi luyện qua nhiều thử thách, HĐQT tin tưởng rằng Vinamilk sẽ chắc chắn vững bước phát triển, chinh phục mục tiêu và luôn hoàn thành sứ mệnh của mình.

Nhân dịp năm mới 2020, thay mặt HĐQT Vinamilk, Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Điều hành và toàn thể các cấp quản lý, nhân viên đã nỗ lực, cống hiến trong năm 2019 và xin cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ, hợp tác và đồng hành của Quý khách hàng, đối tác, cổ đông. Tôi xin chúc một năm mới dồi dào sức khỏe, hạnh phúc, an khang và thịnh vượng sẽ đến với tất cả Quý khách hàng, Quý cổ đông, các đối tác và toàn thể nhân viên Vinamilk.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/02/2020
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lê Thị Băng Tâm

THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Năm 2019 đánh dấu sự hồi phục đáng kể trong kết quả kinh doanh của Vinamilk. Dù phải đối diện với nhiều thách thức, bao gồm môi trường cạnh tranh gay gắt và chi phí nguyên liệu nhập khẩu tăng cao, chúng tôi vẫn phát huy được thế mạnh của mình về danh mục sản phẩm đa dạng và hệ thống phân phối hiệu quả để duy trì thị phần dẫn đầu trong ngành sữa Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI VINAMILK

CHÍNH TRỰC



Liên chính, Trung thực trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

TÔN TRỌNG



Tôn trọng bản thân, Tôn trọng đồng nghiệp, Tôn trọng Công ty, Tôn trọng đối tác, Hợp tác trong sự tôn trọng.

CÔNG BẰNG



Công bằng với nhân viên, khách hàng, nhà cung cấp và các bên liên quan khác.

ĐẠO ĐỨC



Tôn trọng các tiêu chuẩn đã được thiết lập và hành động một cách đạo đức.

TUÂN THỦ



Tuân thủ Luật pháp, Bộ Quy Tắc Ứng Xử và các quy chế, chính sách, quy định của Công ty.

Kính gửi: Quý cổ đông,

Năm 2019 đánh dấu sự hồi phục đáng kể trong kết quả kinh doanh của Vinamilk. Dù phải đối diện với nhiều thách thức, bao gồm môi trường cạnh tranh gay gắt và chi phí nguyên liệu nhập khẩu tăng cao, chúng tôi vẫn phát huy được thế mạnh của mình về danh mục sản phẩm đa dạng và hệ thống phân phối hiệu quả để tăng thị phần thêm 0,2% và tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành sữa Việt Nam. Cụ thể, tổng doanh thu hợp nhất đạt 56.400 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 10.554 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 7,2% và 3,4% so với cùng kỳ, đồng thời vượt kế hoạch đề ra.

Kết quả trên cũng đến từ việc nghiên cứu kỹ và nắm bắt các cơ hội mới trong bối cảnh tiêu thụ sữa trong nước vẫn còn đối diện nhiều thách thức, mà điển hình là thành công của Vinamilk trong chương trình Sữa học đường Quốc Gia. Tính đến cuối năm 2019, chúng tôi tự hào là nhà cung cấp sữa cho 21 tỉnh, thành phố đã tham gia chương trình này. Sự thành công trong năm 2019 là những động lực to lớn để chúng tôi tiếp tục đồng hành cùng Chính phủ vì mục tiêu cải thiện dinh dưỡng góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em Việt Nam. Dấu ấn của hoạt động xuất khẩu và các chi nhánh nước ngoài cũng rất rõ nét trong bức tranh tăng trưởng chung của năm 2019. Điển hình là mức tăng trưởng hơn 25% của nhà máy sữa Angkor tại Campuchia và gần 15% của hoạt động xuất khẩu trực tiếp. Kết quả này cho thấy hướng đi đúng đắn của Vinamilk trong bối cảnh toàn cầu hóa và là minh chứng rõ ràng nhất cho chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế của chúng tôi.

Cải tiến và cập nhật danh mục sản phẩm là một mục tiêu mà Vinamilk luôn chú trọng qua các năm. Trong năm 2019, Vinamilk đã tung mới và tái tung gần 20 sản phẩm ở nhiều phân khúc và ngành hàng khác nhau. Trong đó nổi bật là các sản phẩm Sữa bột Organic, Bột dinh dưỡng Organic, Sữa bột Yoko nằm trong chiến lược cao cấp hóa và được người tiêu dùng tích cực đón nhận. Chúng tôi cũng chủ động đa dạng hóa danh mục với các sản phẩm có nguồn gốc thực vật như sữa hạt, nước trái cây và các sản phẩm lai như sinh tố sữa (milk smoothie) để tận dụng thế mạnh về thương hiệu và hệ thống phân phối.

Hoạt động của trang trại bò sữa Vinamilk đã tạo nên nhiều điểm sáng trong năm 2019. Hiện tại, chúng tôi đang xây dựng trang trại đầu tiên có quy mô 8.000 con thuộc Tổ hợp trang trại bò sữa Lao-Jagro tại Lào với quy mô 24.000 con (giai đoạn 1). Việc sở hữu 75% cổ phần của CTCP GTNFoods cũng giúp chúng tôi có quyền chi phối tại CTCP Sữa Mộc Châu với đàn bò 25.000 con tại cao nguyên Mộc Châu có thổ nhưỡng rất phù hợp với chăn nuôi bò sữa. Với những bước tiến trên, chúng tôi đã có thể đáp ứng đủ các sản phẩm sữa tươi dinh dưỡng cho người tiêu dùng Việt Nam trong các năm tới.

Bước sang năm thứ tư của giai đoạn chiến lược 2017-2021 và cũng là thời khắc chuyển giao vào một thập kỷ mới, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Vinamilk sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được với khẩu lệnh văn hóa năm 2020 là **"Công nghệ - Chìa khóa để thay đổi"**. Dù hiện tại Vinamilk đã ứng dụng hiệu quả nhiều công nghệ vào việc quản lý như hệ thống ERP tiên tiến, cảm ứng điện tử theo dõi sức khỏe đàn bò, công nghệ xử lý chất thải đạt chuẩn quốc tế v.v., chúng tôi vẫn tự nhắc nhở bản thân để luôn cập nhật với những thay đổi nhanh chóng của công nghệ. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự phát triển của nền kinh tế và nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao đối với các sản phẩm dinh dưỡng chất lượng, thập kỷ tiếp theo của Vinamilk sẽ tiếp tục là một thập kỷ của tăng trưởng bền vững và hướng đến mục tiêu 30 công ty sữa lớn nhất thế giới.

Kính chúc quý cổ đông sức khỏe và an khang thịnh vượng,

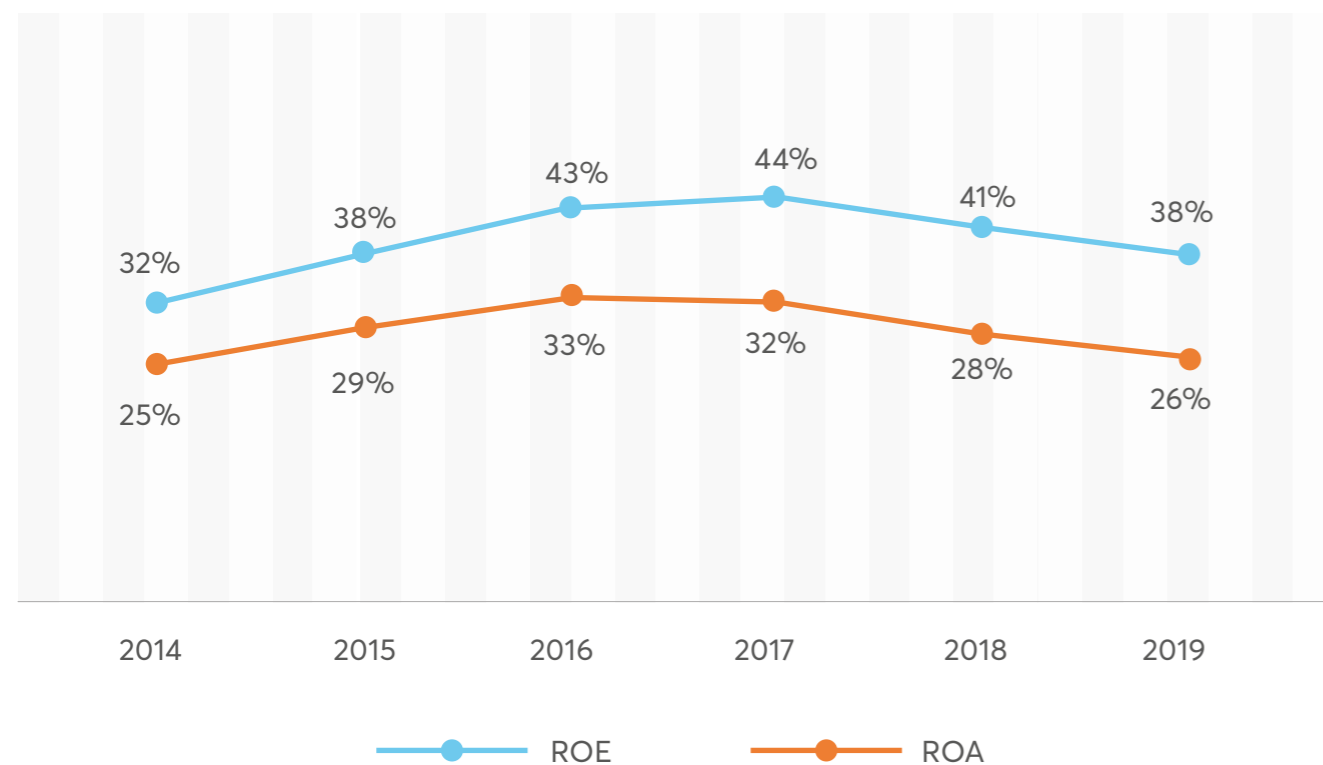
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28/02/2020
Tổng Giám đốc


Mai Kiều Liên

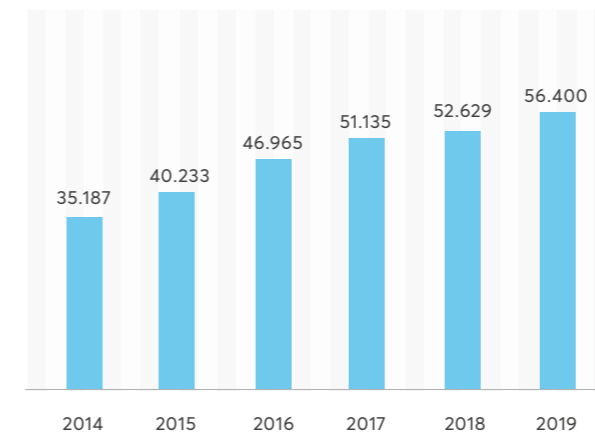
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tỷ đồng)	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng doanh thu	35.187	40.223	46.965	51.135	52.629	56.400
Lợi nhuận trước thuế	7.613	9.367	11.238	12.229	12.052	12.796
Lợi nhuận sau thuế	6.068	7.770	9.364	10.278	10.206	10.554
EBITDA	8.686	10.495	12.475	13.558	13.730	14.853
Lợi nhuận phân bổ cho chủ sở hữu của Công ty	6.069	7.773	9.350	10.296	10.227	10.581
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.556	4.864	5.831	5.296	5.295	5.478
Tổng tài sản	25.770	27.478	29.379	34.667	37.366	44.700
Vốn chủ sở hữu	19.800	20.924	22.406	23.873	26.271	29.731
Vốn cổ phần	10.006	12.007	14.515	14.515	17.417	17.417
Tổng nợ phải trả	5.970	6.554	6.973	10.794	11.095	14.969
Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản	77%	76%	76%	69%	70%	67%
Tổng nợ/ Tổng tài sản	23%	24%	24%	31%	30%	33%
ROE	32%	38%	43%	44%	41%	38%
ROA	25%	29%	33%	32%	28%	26%

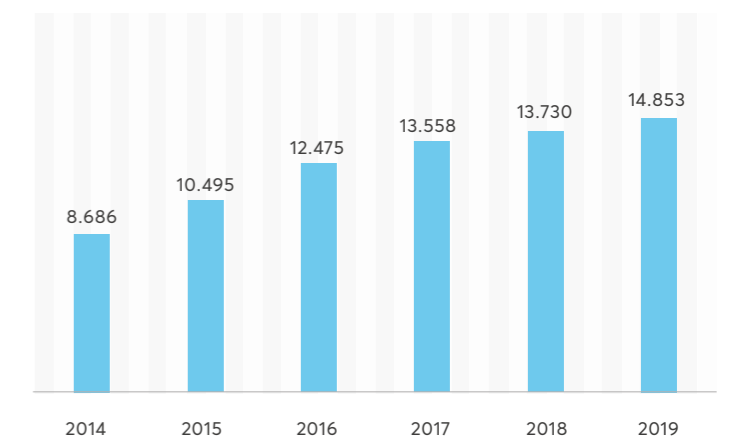
Chỉ số sinh lời



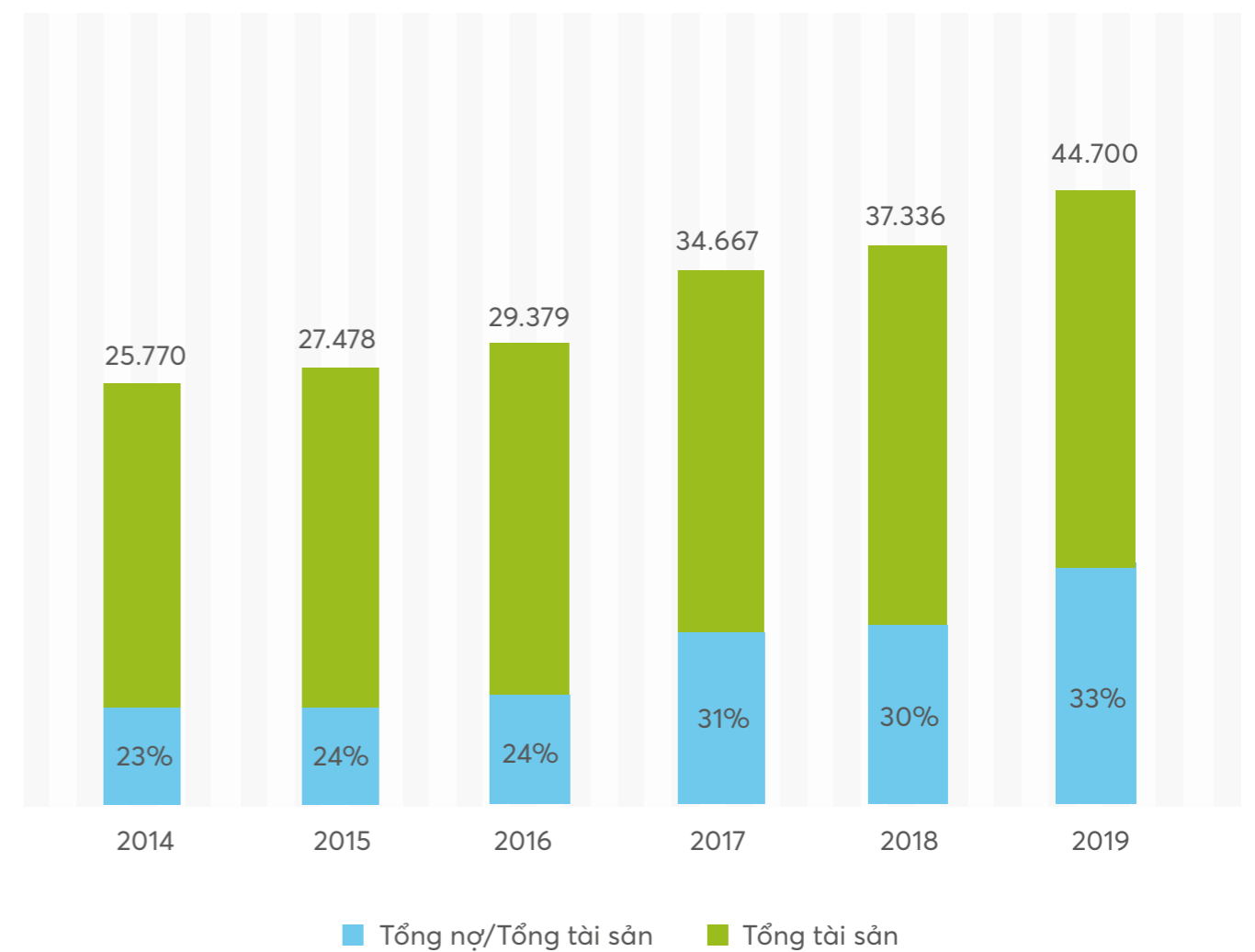
Tổng doanh thu (tỷ đồng) CAGR = 9,9%



EBITDA (tỷ đồng) CAGR = 11,3%



Tổng tài sản và tổng nợ (tỷ đồng)





II. GIỚI THIỆU CÔNG TY

2.1 Lịch sử hình thành và phát triển	20
2.2 Thông tin cổ phần, cổ đông	22
2.3 Mô hình hoạt động của Công ty	26
2.4 Sơ đồ tổ chức và cơ cấu quản lý	27
2.5 Giới thiệu nhân sự chủ chốt	28
2.6 Giới thiệu Ban thư ký	38
2.7 Giới thiệu Kiểm toán nội bộ	39

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1976

Thành lập Nhà máy sữa Thống Nhất, Trường Thọ, và sữa bột Dielac.

1994

Thành lập Chi nhánh bán hàng Hà Nội.

1996

- Thành lập Chi nhánh bán hàng Đà Nẵng.
- Thành lập Xí nghiệp Liên doanh Sữa Bình Định (nay là Nhà máy sữa Bình Định).

1998

Thành lập Chi nhánh bán hàng Cần Thơ.

2001

Thành lập Nhà máy sữa Cần Thơ.

2003

Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành CTCP Sữa Việt Nam.

2004

Mua thâu tóm CTCP Sữa Sài Gòn (nay là Nhà máy sữa Sài Gòn).

2005

Thành lập Nhà máy sữa Nghệ An.

2016

Góp 18% vào CTCP APIS.

2014

- Góp 51% vốn thành lập Công ty AngkorMilk tại Campuchia và chính thức tăng mức sở hữu vốn lên 100% vào năm 2017.
- Góp 100% vốn thành lập công ty con Vinamilk Europe Spostka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia tại Ba Lan.

2013

- Khánh thành Nhà máy sữa bột Việt Nam, Nhà máy sữa Việt Nam (Mega).
- Công ty TNHH Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa trở thành một công ty con của Vinamilk với 96,11% vốn điều lệ do Vinamilk nắm giữ. Năm 2017, Công ty trở thành công ty 100% vốn của Vinamilk.
- Mua 70% cổ phần Driftwood Dairy Holding Corporation tại bang California, Mỹ và chính thức nắm giữ 100% cổ phần vào tháng 5/2016.

2012

Thành lập Nhà máy sữa Đà Nẵng.

2010

- Góp vốn 10 triệu USD (19,3% vốn điều lệ) vào công ty Miraka Limited. Năm 2015, tăng vốn đầu tư tại Miraka Limited lên 22,81%.
- Thành lập Nhà máy Nước giải khát Việt Nam.

2008

Thành lập Nhà máy sữa Tiên Sơn.

2007

Thành lập Nhà máy sữa Lam Sơn.

2006

- Chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM (HOSE) vào ngày 19/1/2006.
- Thành lập Phòng khám An Khang tại TP.HCM. Đây là phòng khám đầu tiên tại Việt Nam với công nghệ thông tin trực tuyến.
- Tháng 11, thành lập Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam.



2017

- Thành lập Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi.
- Đầu tư nắm giữ 65% CTCP Đường Việt Nam.
- Góp vốn đầu tư 25% vốn cổ phần của CTCP Chế Biến Dừa Á Châu.

2018

- Là công ty đầu tiên sản xuất sữa A2 tại Việt Nam.
- Đầu tư nắm giữ 51% cổ phần của Lao-Jargo Development Xiengkhouang Co., Ltd.

2019

- Khởi công giai đoạn 1 trang trại bò sữa tại Lào với quy mô diện tích 5.000 ha và đàn bò 24.000 con.
- Tăng gấp đôi vốn đầu tư vào Driftwood Dairy Holding Corporation từ 10 triệu USD lên 20 triệu USD
- Hoàn tất mua 75% cổ phần của CTCP GTNFoods, qua đó tham gia điều hành CTCP Sữa Mộc Châu với quy mô đàn bò 25.000 con



THÔNG TIN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Được niêm yết trên thị trường chứng khoán chính của Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"), Việt Nam vào ngày 19/01/2006.



Mã chứng khoán
trên HOSE
VNM



Năm tài chính
kết thúc vào ngày
31/12



Kiểm toán
độc lập
Công ty TNHH
KPMG Việt Nam



Chính sách
cổ tức

Tối thiểu 50% lợi nhuận
sau thuế hợp nhất



Giá đóng cửa điều chỉnh
(từ ngày 02/01/2019 đến 31/12/2019)

Thấp nhất: 115.100 đồng / cổ phiếu
Cao nhất: 146.100 đồng / cổ phiếu



Thông tin liên lạc của bộ phận Quan hệ cổ đông:

Ban Quan hệ nhà đầu tư – Bộ phận Tài chính
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (+84 – 28) 541 55555, Số nội bộ: 108247
Email: dqtrung@vinamilk.com.vn

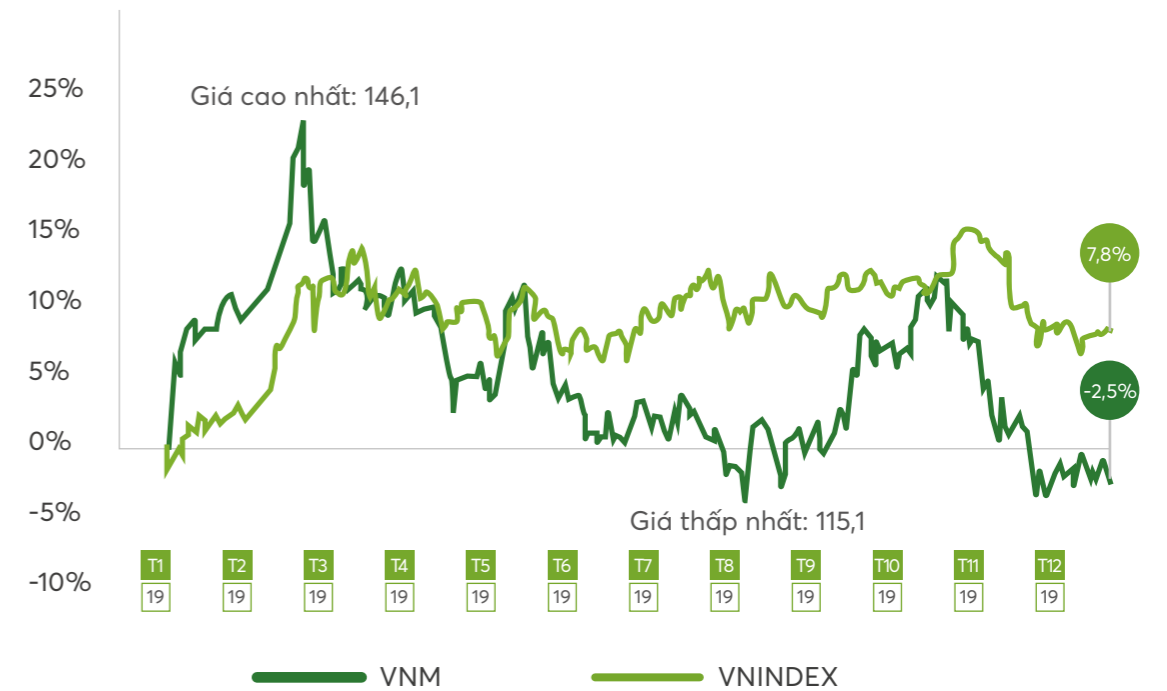
Website:

- <https://www.vinamilk.com.vn/>
- <https://www.vuoncaovietnam.com/>
- <https://www.youtube.com/user/vinamilk>

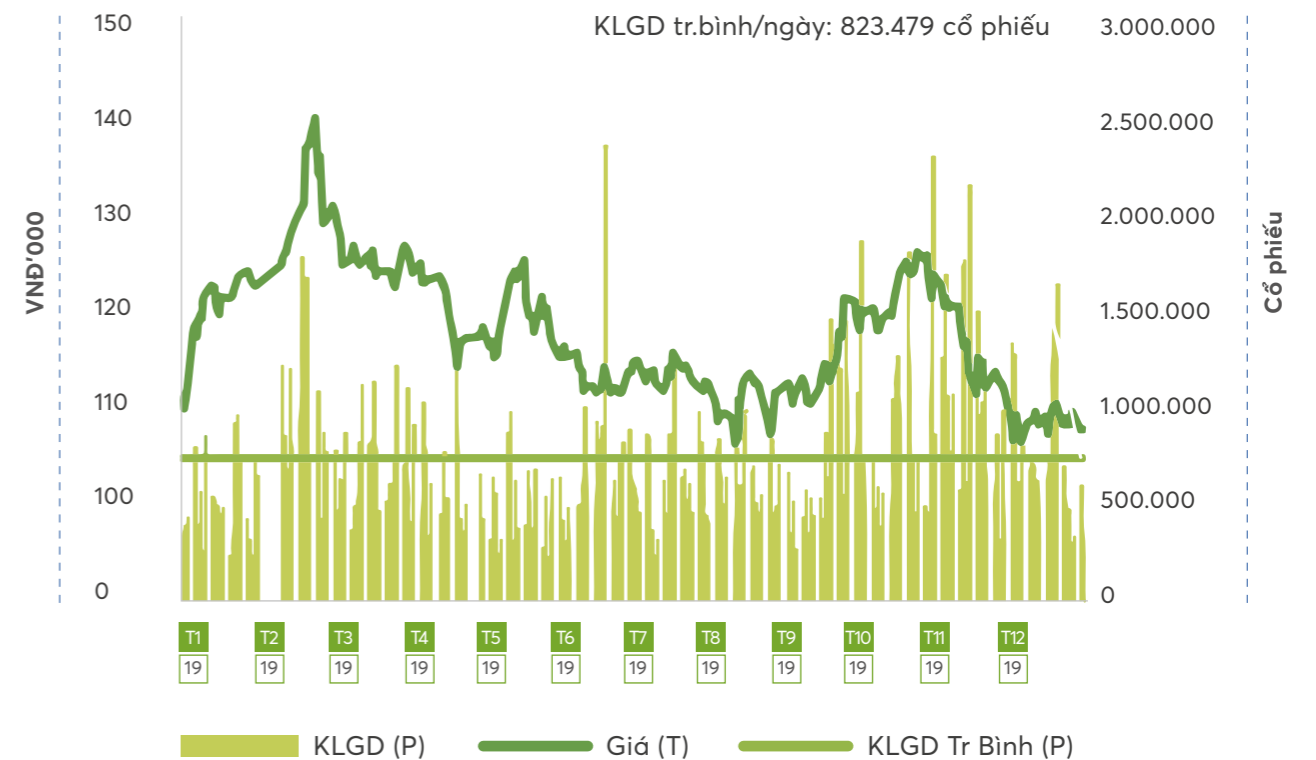
Trang quan hệ cổ đông:

- <https://www.vinamilk.com.vn/vi/lien-he-thong-tin-co-dong>

Tăng trưởng giá của Vinamilk ("VNM") so với VN-Index (Giá đóng cửa điều chỉnh từ 02/01/2019 đến 31/12/2019)



Biến động giá và Khối lượng giao dịch cổ phiếu VNM (không bao gồm giao dịch thỏa thuận)



Cổ phần và cơ cấu Cổ Đông

Tại ngày 31/12/2019, số lượng cổ phần của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ đăng ký	17.416.877.930.000 đồng
- Vốn thực góp của cổ đông	17.416.877.930.000 đồng
- Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết	1.741.687.793 cổ phần
- Loại cổ phần	1 quyền / cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ	310.099 cổ phần
- Loại phổ thông, mệnh giá	10.000 đồng / cổ phần
- Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.741.377.694 cổ phần
- Giá trị vốn hóa trên thị trường	202.907 tỷ đồng

Thống kê danh sách Cổ Đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/12/2019)

	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông lớn (>= 5%)	1.160.467.659	66,63%
- Trong nước	627.063.835	36,00%
- Nước ngoài	533.403.824	30,63%
Cổ phiếu quỹ	310.099	0,02%
Cổ đông khác (<5%)	580.910.035	33,35%
- Trong nước	93.478.464	5,37%
- Nước ngoài	487.431.571	27,99%
TỔNG CỘNG	1.741.687.793	100,00%
Trong đó		
- Trong nước	720.852.398	41,39%
- Nước ngoài	1.020.835.395	58,61%



Danh sách 20 Cổ Đông lớn nhất

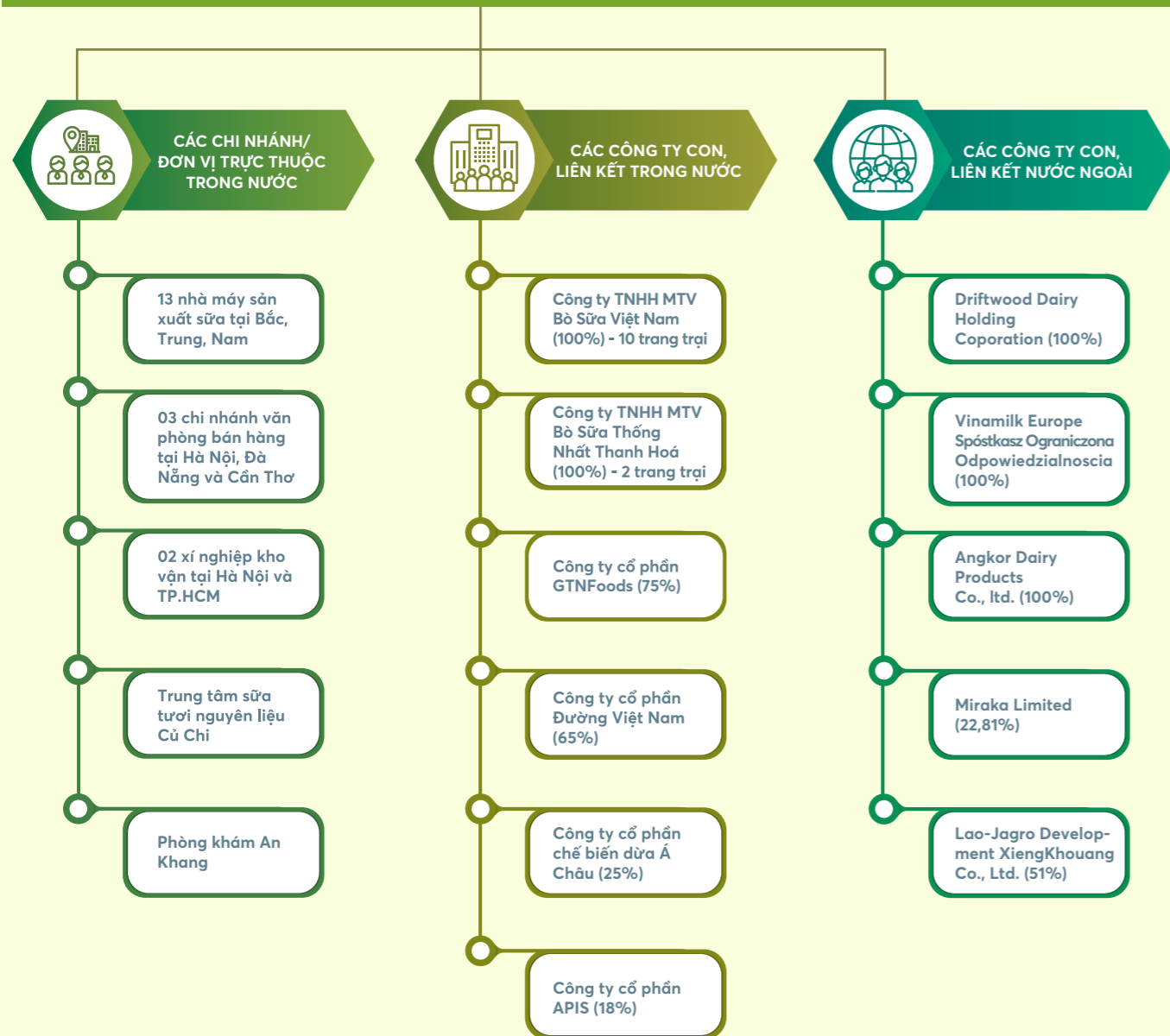
(theo danh sách cổ đông chốt ngày 27/12/2019)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công Ty Đầu Tư Và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước - Công Ty TNHH	627.063.835	36,00%
2	F&N Dairy Investments Pte Ltd	301.496.383	17,31%
4	Platinum Victory Pte.Ltd.	184.880.461	10,62%
3	F&Nbev Manufacturing Pte. Ltd.	47.026.980	2,70%
5	Arisaig Asia Consumer Fund Limited	28.800.652	1,65%
6	Matthews Pacific Tiger Fund	25.995.440	1,49%
7	Employees Provident Fund Board	22.138.220	1,27%
8	The Emerging Markets Fund Of The Genesis Group Trust For Employee Benefit Plans	21.211.119	1,22%
9	Merrill Lynch International	13.733.302	0,79%
10	Stichting Depositary Apg Emerging Markets Equity Pool	13.497.977	0,77%
11	Government Of Singapore	13.347.308	0,77%
12	The Genesis Emerging Markets Investment Company	12.542.264	0,72%
13	Vietnam Ventures Ltd	10.395.869	0,60%
14	Matthews Asia Dividend Fund	9.613.225	0,55%
15	First State Global Umbrella Fund Plc - First State Asian Equity Plus Fund	8.922.840	0,51%
16	Citigroup Global Markets Ltd	8.682.454	0,50%
17	Kim Vietnam Growth Equity Fund	7.925.740	0,46%
18	Fidelity Investment Trust - Fidelity Series Emerging Markets Fund	7.770.400	0,45%
19	Vietnam Enterprise Investments Limited	7.164.338	0,41%
20	Norges Bank	6.788.684	0,39%
	TỔNG CỘNG	1.378.997.491	79,18%

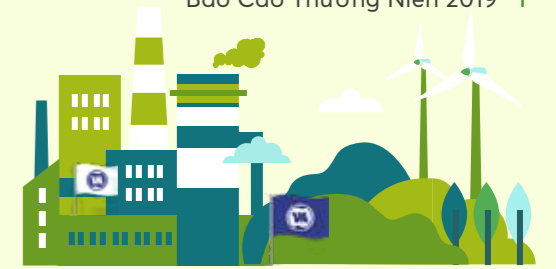
MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY



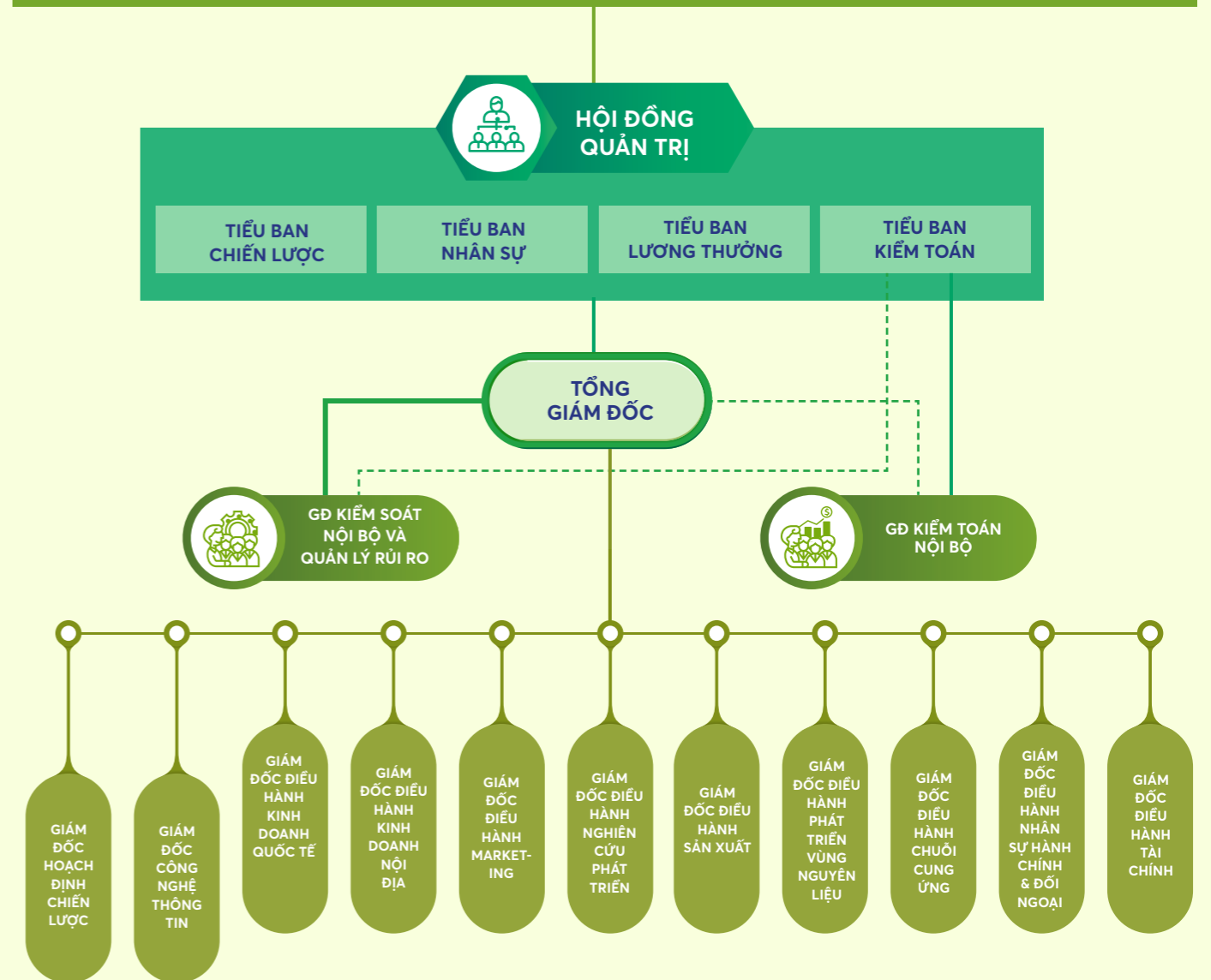
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà Lê Thị Băng Tâm

Chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT độc lập

Bà sinh năm 1947. Bà là thành viên HĐQT của Vinamilk từ tháng 4/2013 và đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT từ tháng 7/2015.

Trình độ chuyên môn

- Tiến sĩ Kinh tế, Đại học Kinh tế Tài chính Leningrad, Liên Xô (năm 1989).
- Chứng chỉ Tài chính Quốc tế, Trường North University London, Anh Quốc (năm 2011).
- Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, tài chính, quản lý Nhà nước và các lĩnh vực khác.
- Từ năm 2006 đến nay, bà đã tham gia vào HĐQT của nhiều công ty khác nhau, tiêu biểu là Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC), Thành viên, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank).
- Bà là thành viên, tư vấn của nhiều tổ chức quan trọng: Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Hội đồng chính sách tiền tệ quốc gia, Ủy viên Ủy ban: Hợp tác kinh tế quốc tế, Các ban chỉ đạo ODA, Đầu tư nước ngoài các chương trình dự án lớn của Chính phủ.
- Từ năm 1995 đến năm 2006, bà là Thứ trưởng, Ủy viên Ban cán sự Bộ Tài chính.
- Hơn 20 năm công tác (1974 – 1995), bà đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau: Phó trưởng phòng – Vụ cân đối Tài chính, Phó vụ trưởng – Vụ Tổ chức cán bộ và Đào tạo, Phó cục trưởng, Cục trưởng, Tổng Giám đốc Kho Bạc Nhà nước Trung ương.
- Bà từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên của trường Đại học tài chính kế toán Hà Nội trong khoảng thời gian từ năm 1969 đến 1974.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT, Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM (HDBank).

Bà Mai Kiều Liên

Thành viên HĐQT điều hành
Tổng Giám đốc

Bà sinh năm 1953. Bà là Chủ tịch HĐQT từ tháng 11/2003 đến năm 2015 và sau đó vẫn tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến nay. Bà là Tổng Giám đốc Công ty Vinamilk từ tháng 12/1992.

Trình độ chuyên môn

- Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Nga.
- Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
- Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.
- Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Bà có hơn 27 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như Huân chương lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 4 lần được Forbes bình chọn là Một trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á (2012 – 2015); giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn; giải thưởng Nikkei, giải New Zealand Asia cho những đóng góp của bà; giải thưởng "Thành tựu trọn đời" (2018) và "Top 50 Phụ nữ Ảnh hưởng nhất Việt Nam" (2019) do Tạp chí Forbes vinh danh.
- Trước đó, bà có hơn 8 năm công tác (1984 – 1992) với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.
- Từ năm 1976 đến năm 1983, bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.
- Đại diện chủ sở hữu, Vinamilk Europe Spółka Z Organizacją Odpowiedzialnością.
- Chủ tịch HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhuang Co, Ltd.
- Thành viên HĐQT, Miraka Holdings Limited.





Ông Alain Xavier Cany

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1949. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 3/2018.

Trình độ chuyên môn

- Tú tài, Viện Đại học Paris

Kinh nghiệm

- Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp tại nhiều tổ chức tài chính. Từ năm 2007 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng đại diện – Chủ tịch Tập đoàn Jardine Matheson Limited (Việt Nam).
- Trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến năm 2003, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng bộ phận phát triển kinh doanh Châu Âu – châu Á Thái Bình Dương tại HSBC khu vực Châu Á Thái Bình Dương, rồi sau đó giữ chức vụ Chủ tịch và Tổng Giám đốc ngân hàng HSBC Việt Nam (2003 – 2007).
- Trong hơn 30 năm từ 1969 đến 2000, ông trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại tổ chức tài chính Credit Commercial de France và Banque Worms.
- Ngoài ra, ông còn đảm nhiệm nhiều vị trí cố vấn ngoại thương chính phủ Pháp và là Chủ tịch của Eurocharm, Diễn đàn Kinh doanh Việt Nam và là thành viên HĐQT của Ngân hàng Á Châu.
- Ông từng được Chính phủ Pháp trao tặng Huân Chương Bội Tinh và Đệ Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh và được Thủ tướng nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Huân Chương Hữu Nghị.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Trưởng đại diện Jardine Matheson Limited (Việt Nam), công ty mẹ của Jardine Cycle & Carriage Limited.
- Chủ tịch Hội đồng tín thác Saigon Children's Charity CIO.
- Thành viên HĐQT, Công ty TNHH Siam City Cement (Việt Nam) (2/2017).
- Chủ tịch HĐQT, Công ty TNHH MTV Thương mại – Đầu tư Liên Á Châu (1/2014)



Ông Nguyễn Bá Dương

Thành viên HĐQT độc lập

Ông sinh năm 1959. Ông là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Kiến trúc sư, Đại học Xây dựng Kiev, Ukraine.
- Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Kinh nghiệm

- Ông là người mạnh mẽ, quyết đoán và có tầm nhìn rộng, đặc biệt luôn coi trọng chữ tín trong kinh doanh.
- Với kiến thức và thực tiễn tại trường Đại học Xây dựng Kiev, Ucraina (1984), ông trở về nước và có hơn 35 năm kinh nghiệm trong việc quản lý doanh nghiệp xây dựng. Ông là người sáng lập và điều hành Coteccons từ năm 2002. Tháng 7/2017, ông thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc để tập trung hơn vào vai trò Chủ tịch Hội đồng Quản trị Coteccons Group.
- Ông đã nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ của Bộ xây dựng vì có nhiều thành tích trong việc thúc đẩy và phát triển ngành Xây dựng Việt Nam và góp phần thay đổi diện mạo Đất nước. Ông được vinh danh trong Top 50 Nhà lãnh đạo doanh nghiệp xuất sắc của Việt Nam do tạp chí Forbes bình chọn. Ông được Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư bình chọn là một trong mười Nhà Lãnh đạo phát triển đội ngũ xuất sắc nhất Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT, CTCP Xây dựng Coteccons.



Bà Đặng Thị Thu Hà

Thành viên HĐQT không điều hành

Bà sinh năm 1973 và là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA), Viện Quản trị Kinh doanh.
- Cử nhân Kinh tế Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Cử nhân Ngoại ngữ (Tiếng Anh), Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ hành nghề Tư vấn tài chính doanh nghiệp, Trung tâm đào tạo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Kinh nghiệm

- Bà bắt đầu công tác trong HĐQT các công ty từ năm 2013. Bà hiện là Chủ tịch HĐQT tại CTCP Dược Hậu Giang và Thành viên HĐQT tại CTCP Thuốc ung thư Benovas.
- Bà đã công tác tại vốn Nhà nước (SCIC) được 11 năm và làm việc tại các vị trí khác nhau thuộc Ban Quản lý vốn đầu tư. Bà hiện đang giữ chức Phó trưởng Ban Đầu tư 3.
- Trước đó, bà công tác hơn 8 năm trong lĩnh vực tư vấn tài chính và kế toán tuân thủ tại Công ty cổ phần Chứng khoán Tràn An (2007 - 2008) và Ngân hàng Mizuho Hà Nội (2000 - 2007).
- Bà đạt bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính năm 2015, Danh hiệu Chiến sỹ thi đua ngành Tài chính năm 2016.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT, CTCP Dược Hậu Giang.
- Thành viên HĐQT, CTCP Thuốc ung thư Benovas.
- Phó trưởng Ban Đầu tư 3, SCIC.



Ông Đỗ Lê Hùng

Thành viên HĐQT độc lập

Ông sinh năm 1969 và là thành viên HĐQT độc lập từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản lý công và Bằng tốt nghiệp quản lý công, Trường Hành chính Quốc gia - Cộng hòa Pháp.
- Bằng Thanh tra Kho bạc, Trường Kho bạc Quốc gia - Cộng hòa Pháp.
- Cử nhân Tài chính, Kế toán, Trường Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.
- Chứng chỉ Quản lý tài chính công, Chứng chỉ Kế toán, Kiểm toán.
- Chứng chỉ Chương trình Ủy ban Kiểm toán chuyên sâu được cấp bởi các tổ chức ngoài nước.
- Chứng chỉ Chương trình đào tạo chuyên sâu Thành viên HĐQT (DCP) – Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD)

Kinh nghiệm

- Hiện nay ông đang là Thành viên HĐQT độc lập đồng thời là Trưởng Tiểu ban Kiểm toán của các công ty đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) sau đây:
 - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Vinamilk (VNM)
 - Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang – DHG Pharma (DHG)
 - Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản An An Gia - An Gia Group (AGG)
 - Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans Group (STG)
- Ông là Thành viên HĐQT, Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) từ tháng 4 năm 2018
- Ông có hơn 8 năm kinh nghiệm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán và Kiểm soát Nội bộ tại Big C Việt Nam.
- Ông có gần 6 năm kinh nghiệm với vị trí Vụ phó Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước Việt Nam – Bộ Tài chính.
- Trước đó, ông cũng có hơn 11 năm kinh nghiệm công tác tại Vụ Kế toán - Kho bạc Nhà nước Việt Nam ở cấp Chuyên viên, Chuyên viên chính.
- Ông có Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và nhiều Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tài chính từ năm 1997 đến 2006.



Ông Lê Thành Liêm

Thành viên HĐQT điều hành

Giám đốc Điều hành Tài chính, kiêm Kế toán trưởng

Ông sinh năm 1973 và là thành viên HĐQT điều hành từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Đại học Leeds Metropolitan (Anh Quốc) (năm 2012).
- Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM (năm 1994).

Kinh nghiệm

- Ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng từ năm 2015.
- Trước đó, ông đã có hơn 12 năm kinh nghiệm đảm nhận các vị trí quản lý tại phòng Tài chính – Kế toán tại Vinamilk như: Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng.
- Từ năm 1994 – 2003, ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Vinamilk.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Đường Việt Nam.



Ông Lee Meng Tat

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1963. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 9/2016.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA), Đại học Hoàng Gia, Anh Quốc (năm 1997).
- Kỹ sư cơ khí, Đại học Quốc gia Singapore (năm 1988).
- Chứng chỉ Chương trình Quản lý nâng cao, Đại học Harvard (năm 2005).
- Chứng chỉ Chương trình Giám đốc toàn cầu, INSEAD (năm 2017).

Kinh nghiệm

- Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý doanh nghiệp, quản lý kinh tế tại nhiều tổ chức tư nhân và cơ quan nhà nước.
- Từ năm 2015 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT của Fraser & Neave Holdings Berhad.
- Trong khoảng thời gian hơn 18 năm, từ năm 1997 đến năm 2015, ông đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý cấp cao ở các công ty trong lĩnh vực Hàng tiêu dùng và Du lịch như Fraser & Neave, Heineken-APB (Trung Quốc), công ty TNHH Dịch vụ Quản trị, công ty TNHH nhà máy bia Châu Á – Thái Bình Dương, và Tổ chức Bảo tồn Thiên Nhiên Singapore.
- Từ năm 1994 đến năm 1996, ông giữ vị trí Phó Giám đốc, Phụ trách du lịch vùng thuộc Hội đồng du lịch Singapore.
- Trước đó, ông là trợ lý trưởng bộ phận Phát triển Kinh doanh quốc tế - Hội đồng phát triển kinh tế Singapore từ năm 1993 đến năm 1994.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Giám đốc Điều hành, ngành nước giải khát không cồn, Fraser & Neave Ltd.
- Thành viên HĐQT, Fraser & Neave Holdings Berhad.



Ông Michael Chye Hin Fah

Thành viên HĐQT không điều hành

Ông sinh năm 1959. Ông là thành viên HĐQT không điều hành từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sỹ kinh doanh (loại Xuất sắc) và Cử nhân kinh doanh (loại Xuất sắc) chuyên ngành Tài chính – Kế toán, Đại học Massey, New Zealand.
- Thành viên của Singapore Institute of Directors (SID) từ năm 1999.
- Thành viên của Institute of Singapore Chartered Accountant (SCA) từ năm 2003.
- Thành viên của Institute of Chartered Secretariats and Administrations (ACIS) từ năm 1990.

Kinh nghiệm

- Ông có hơn 15 năm kinh nghiệm tham gia vào HĐQT. Hiện ông là thành viên HĐQT và thành viên Tiểu ban Kiểm toán của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn. Ông còn là thành viên HĐQT dự khuyết của Fraser and Neave Ltd. và là thành viên HĐQT không điều hành tại các công ty trực thuộc tập đoàn ThaiBev.
- Ông có hơn 22 năm kinh nghiệm làm CEO các công ty tài chính và đầu tư. Ngoài ra, ông còn có kinh nghiệm làm việc ở nhiều quốc gia Châu Á.
- Trước đó, ông từng tham gia công tác giảng dạy, là giảng viên trẻ tại New Zealand.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Phó Chủ tịch, Thai Beverage Public Company.
- Thành viên Ủy ban Điều hành và Ủy ban Kiểm Soát Rủi Ro, Fraser and Neave Ltd.
- Thành viên HĐQT không điều hành tại các tổ chức: Marketing Magic Pte Ltd, DECCO 235, Heritas Capital Management Pte Ltd, IMC Pan Asia Alliance Corporation, Prudence Holdings Ltd.

GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Mai Hoài Anh

Giám đốc Điều hành Kinh doanh Quốc tế

Ông sinh năm 1970. Ông gia nhập Vinamilk năm 1996 và được bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Kinh doanh Quốc tế từ tháng 12/2018.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bolton, Anh Quốc (năm 2012).
- Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm

- Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Điều hành Kinh doanh Quốc tế từ tháng 12/2018.
- Từ 2012 đến tháng 12/2018, ông giữ vị trí Giám đốc Điều hành Kinh doanh. Bên cạnh đó, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Hoạt động hơn 2 năm với chức năng quản lý chung các lĩnh vực: Marketing, Kinh doanh, Chuỗi cung ứng, Sản xuất, Nghiên cứu và Phát triển.
- Suốt 9 năm công tác (2003 – 2012), ông nắm giữ nhiều vị trí quản lý tại phòng Xuất nhập khẩu Vinamilk như: Trưởng phòng Xuất nhập khẩu, Giám đốc Xuất nhập khẩu, phụ trách việc kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu nguyên vật liệu.
- Trước đó, trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2003, ông trải qua các vị trí: Nhân viên xuất nhập khẩu, Phó phòng và phụ trách phòng Xuất nhập khẩu.



Ông Trịnh Quốc Dũng

Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu

Ông sinh năm 1962, gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (năm 1985).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2014 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu.
- Trong 10 năm tại Vinamilk (2005 – 2014), ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy sữa Nghệ An, Nhà máy sữa Việt Nam.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện trong 6 năm (1998 – 2005).
- Từ năm 1987 đến năm 1998, ông từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, tiêu biểu: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).

Chức vụ tại tổ chức khác

- Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam (1).
- Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh (1).
- Thành viên HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.

(1) Công ty con 100% vốn của Vinamilk.



Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa

Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng

Bà sinh năm 1955 và gia nhập Vinamilk năm 1983.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư chuyên ngành Công Nghệ Chế biến Sữa (năm 1978), Đại học Công Nghệ Chế biến Thịt và Sữa Moscow (nay là trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Công Nghệ Sinh học Ứng dụng Moscow).

Kinh nghiệm

- Tại Vinamilk trong hơn 20 năm (1999 – nay), bà trải qua nhiều vị trí quản lý cấp cao tại Vinamilk như Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành Sản xuất và Phát triển sản phẩm và hiện nay, bà là Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng.
- Trước đó, trong thời gian từ năm 1983 đến năm 1999, bà công tác tại nhiều vị trí khác nhau như Kỹ sư Công Nghệ, Phó Giám đốc và trở thành Giám đốc Nhà máy sữa Trường Thọ kiêm Giám đốc Nhà máy sữa Hà Nội từ năm 1995.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là giảng viên tại Đại học Bách khoa, Thành phố Hồ Chí Minh trong gần 6 năm (1978 – 1983).

Chức vụ tại tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Đường Việt Nam



Bà Bùi Thị Hương

Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại

Bà sinh năm 1962 và gia nhập Vinamilk năm 2005.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Nga Văn, chuyên ngành Phiên dịch, Đại học Ngoại ngữ Quốc gia Orion, Liên Xô cũ (năm 1985).
- Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh và Công đoàn, Đại học Công đoàn (năm 2000).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2015, bà là Giám đốc Điều hành Nhân sự - Hành chính & Đối ngoại.
- Suốt gần 10 năm công tác (2005 – 2014), bà trải qua các vị trí: Quản lý hoạt động đối ngoại, Giám đốc đối ngoại tại Bộ phận Đối ngoại – Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà đã có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác tại Công ty Bóng đèn Điện Quang và đảm nhiệm các chức vụ: Phó Phòng kế hoạch vật tư, Trưởng Phòng tiêu thụ, Giám đốc Điều hành Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh, thành viên HĐQT.



Ông Nguyễn Quốc Khánh

Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển

Ông sinh năm 1964, và gia nhập Vinamilk năm 1988.

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư, chuyên ngành Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm, Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1987).
- Cử nhân, chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1997).
- Cử nhân, chuyên ngành Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2001).

Kinh nghiệm

- Từ năm 2015, ông là Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển.
- Tại Vinamilk trong hơn 10 năm (2009 – nay), ông đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Vinamilk như Giám đốc Điều hành Chuỗi cung ứng, Giám đốc Điều hành Sản xuất và Nghiên cứu & Phát triển, và Giám đốc Điều hành Nghiên cứu & Phát triển.
- Trước đây, gần 22 năm công tác (1988 – 2009), ông trải qua nhiều vị trí thuộc các bộ phận khác nhau tại các Nhà máy Vinamilk như Nhà máy sữa Thống Nhất, Cần Thơ,... và trở thành Giám đốc – Nhà máy sữa Cần Thơ năm 2004.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Chế biến Dừa Á Châu (ACP).
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.



Ông Phan Minh Tiên

Giám đốc Điều hành Marketing, kiêm điều hành Khối Kinh doanh Nội Địa

Ông sinh năm 1970 và gia nhập Vinamilk năm 2014.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân, Học viện Quản lý Moscow, Nga.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 12/2018, ông được ủy quyền kiêm nhiệm điều hành Khối Kinh doanh Nội Địa.
- Từ tháng 05/2014 đến nay, ông là Giám đốc điều hành Marketing, Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing, xây dựng các thương hiệu hàng đầu và nắm giữ các vị trí quản lý cấp cao tại các công ty đa quốc gia:
 - Giám đốc Marketing – Samsung Việt Nam (2013 - 2014).
 - Phó Tổng Giám đốc phụ trách ngành Thực phẩm – Unilever Việt Nam (2008 - 2013).
 - Trước đó ông trải qua nhiều vị trí quản lý Marketing và Kinh Doanh tại Unilever Việt Nam (1996 - 2008).

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, CTCP Dược Hậu Giang



Ông Trần Minh Văn

Giám đốc Điều hành Sản xuất

Ông sinh năm 1960 và gia nhập Vinamilk năm 1981.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Đại học Bách khoa Hà Nội (năm 2004).
- Cử nhân Luật, chuyên ngành Luật thương mại, Đại học Luật Hà Nội (năm 2001).
- Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1994).
- Kỹ sư Cơ khí, Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1981).

Kinh nghiệm

- Từ tháng 12/2015 đến nay, ông là Giám đốc Điều hành Sản xuất.
- Gần 10 năm công tác (2006 – 2015), ông đảm nhiệm vị trí: Phó Tổng Giám đốc phụ trách dự án, Giám đốc Điều hành Dự án.
- Suốt 25 năm công tác (1981 – 2006), ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại các nhà máy Vinamilk và trở thành Giám đốc – Nhà máy sữa Thống Nhất năm 1994.

GIỚI THIỆU BAN THƯ KÝ



Ông Trần Chí Sơn

Thư ký Công ty
Trưởng Bộ phận Tài chính

Ông sinh năm 1975. Ông gia nhập Vinamilk năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ tháng 4/2017 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM (năm 1998).
- Chứng chỉ kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA), Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc.
- Cử nhân, chuyên ngành Anh Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chứng chỉ quốc tế về Quan hệ cổ đông (ICIR), Hiệp hội Quan hệ cổ đông Anh Quốc và Singapore.
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 6/2016 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tài chính. Ngoài ra, ông đã và đang phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư của Vinamilk từ hơn 10 năm nay.
- Hơn 11 năm công tác (2005 - 2016) tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR).
- Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã làm việc và có kinh nghiệm như chuyên viên phân tích tài chính - Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam; Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Kế toán trưởng - Công ty TNHH URC Việt Nam và Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.



Bà Lê Quang Thanh Trúc

Thư ký Công ty
Giám đốc Quản lý chi nhánh nước ngoài

Bà sinh năm 1975. Bà gia nhập Vinamilk vào năm 2005 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2005 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Kinh tế Phát triển, chương trình hợp tác giữa The International Institute of Social Studies, The Hague, Hà Lan và Đại học Kinh tế Tp. HCM (năm 2000).
- Cử nhân Ngữ văn Anh, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (năm 1999).
- Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương, Đại học Kinh tế Tp. HCM (năm 1998).
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 8/2015 đến nay, bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý chi nhánh nước ngoài.
- Trước đó, từ 2005 đến 2015, bà trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Khối Tài chính như Chuyên viên phân tích tài chính, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR), Trưởng ban Đầu tư Tài chính, Giám đốc Đầu tư, Vinamilk.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng nắm giữ các vị trí: Giám đốc Dự án, và sau đó là Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư I.C; Phó phòng tư vấn - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI).

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holding Corporation.
- Thành viên HĐQT, Vinamilk Europe Spółka z Ograniczona Odpowiedzialnoscia.
- Chủ tịch, Công ty TNHH AngKor Milk
- Thành viên HĐQT, CTCP APIS.
- Thành viên HĐQT, CTCP Đường Việt Nam.

GIỚI THIỆU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ



Bà Tạ Hạnh Liên

Giám đốc Kiểm toán nội bộ

Bà sinh năm 1980. Bà gia nhập Vinamilk năm 2007.

Trình độ chuyên môn

- Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế toán Kiểm toán, Đại học Kinh tế TP. HCM.

Kinh nghiệm

- Bà có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, tài chính và hoạch định ngân sách.
- Bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm toán nội bộ từ tháng 11/2011 sau khi hoàn thành công tác điều phối viên cho dự án "Xây dựng chức năng Kiểm toán nội bộ" và được chuyển giao các phương pháp, kỹ thuật Kiểm toán nội bộ theo chuẩn mực quốc tế từ Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Từ năm 2007 đến năm 2010, bà công tác tại Khối Tài chính và đảm nhận các vị trí khác nhau, tiêu biểu là Trưởng ban Hoạch định và kiểm soát ngân sách, giám sát Phân tích tài chính.
- Trước khi gia nhập Vinamilk, bà từng là trợ lý kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán tại Công ty TNHH KPMG Việt Nam từ năm 2002 đến 2005.



Ông Nguyễn Trung

Thư ký Công ty
Giám đốc Cung ứng điều vận

Ông sinh năm 1973. Ông gia nhập Vinamilk năm 1994 và đảm nhiệm vị trí Thư ký Công ty từ năm 2012 đến nay.

Trình độ chuyên môn

- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Executive MBA), Trường Université du Québec à Montréal (năm 2014).
- Cử nhân, chuyên ngành Kế toán, Đại học Tài chính Kế toán TP. HCM (năm 1994).
- Chứng chỉ Phát triển bền vững, Viện Thụy Điển (năm 2016).
- Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

- Từ tháng 7/2017 đến nay, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Cung ứng Điều vận.
- Từ tháng 7/2014 đến 6/2017, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Hoạch định Chiến lược.
- Ông có hơn 7 năm công tác (2007 - 2014) trong vai trò Giám đốc Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro, kiêm phụ trách bộ phận Pháp lý. Ngoài ra, khi đảm nhiệm vị trí này, ông đã chủ trì soạn lập Bộ Quy tắc ứng xử cho toàn Công ty.
- Ông đảm nhiệm vai trò đại diện cho Vinamilk tại Hiệp hội Quản trị Công ty Châu Á (ACGA). Ông cũng từng tham gia Khóa Đào tạo về nghiệp vụ Thư ký Công ty do International Finance Corporation (IFC) tổ chức.
- Trước đó, ông có hơn 14 năm kinh nghiệm tại Phòng Tài chính - Kế toán, Vinamilk với các vị trí: Kế toán tài sản - vật tư - xây dựng cơ bản, Kế toán tổng hợp - chuẩn bị báo cáo tài chính.



Lớn khôn
cùng tự nhiên



SỮA TƯƠI

100%
Organic

ĐẦU TIÊN TẠI VIỆT NAM*



'Resort' Bò sữa



LỚN NHẤT CHÂU Á*

SỮA NƯỚC

SỮA TƯƠI VINAMILK 100%



Sữa tươi 100% hữu cơ tiêu chuẩn châu Âu



Sữa tươi thanh trùng 100% sữa tươi



Sữa tươi tiệt trùng 100% sữa tươi



Sữa tươi tiệt trùng 100% Nhập khẩu Châu Âu



Sữa tươi tiệt trùng 100% A2

SỮA TIỆT TRÙNG BỔ SUNG VI CHẤT



ADM IQ GOLD



Flex



Fno

SỮA TIỆT TRÙNG

SỮA HẠT



Sữa đậu nành Hạt óc chó / Hạnh nhân / Đậu đỏ



Sữa gạo rang



Sữa đậu nành

JAPANESE
INGREDIENTS

DƯỠNG CHẤT TỐT TỪ NHẬT BẢN



SỮA BỘT TRẺ EM & SỮA BỘT NGƯỜI LỚN

GO GLOBAL GO GREEN
Báo Cáo Thường Niên 2019

45

Sữa bột trẻ em cao cấp



Organic Gold



YOKO Gold



Optimum Gold

Sữa bột trẻ em đặc trị và phổ thông



Dielac Grow Plus



Dielac Alpha Gold IQ

Sữa bột người lớn



Sure Prevent



Diecerna



CanxiPro

HẤP THU KHOẺ BÉ TINH ANH

HMO



BỘT DINH DƯỠNG



Bột dinh dưỡng Organic Gold



Bột Dinh Dưỡng Optimum Gold



Bột Dinh Dưỡng RiDIelac Gold



Bột Dinh Dưỡng RiDIelac Gold



Lớn khôn cùng tự nhiên

SỮA CHUA UỐNG

Tươi



Vị ngon tinh túy
từ thiên nhiên

SỮA CHUA ĂN

DÒNG CAO CẤP



DÒNG CHUYÊN BIỆT CAO CẤP



DÒNG PHỔ THÔNG



DÒNG CHO TRẺ EM



SỮA CHUA UỐNG

DÒNG SỮA CHUA UỐNG MEN SỐNG PROBI



SỮA CHUA UỐNG TƯƠI



DÒNG SỮA CHUA UỐNG CHO NỮ GIỚI



DÒNG SỮA CHUA UỐNG SUSU DÀNH CHO BÉ



PROBI GOLD MẬT ONG NGHỆ
CHO DẠ DÀY KHOẺ



THỨC UỐNG NĂNG LƯỢNG VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT

THỨC UỐNG NĂNG LƯỢNG & TRÀ SỮA



Power



My Joy



Happy Milk Tea

NƯỚC TRÁI CÂY & NƯỚC GIẢI KHÁT



Nước Trái Cây Vfresh



Trà Atiso Vfresh



Vfresh Smoothies



Trà Nha Đam
Vfresh Beauty Plus



Nước Nha Đam
Vfresh



Nước Chanh
Muối ICy



Nước Đóng
Chai ICy



Nước Dừa Tươi
Cocofresh

**NĂNG LƯỢNG
TỐI ĐA
SỨC MẠNH
BỨT PHÁ**





Vị ngon cùng
năm tháng

SỮA ĐẶC VÀ KEM

SỮA ĐẶC



Ông Thọ



Ngôi Sao Phương Nam

KEM



Twin Cows



Kem Vinamilk



Kem Nhoc Kem



Kem Subo



Kem Delight



III. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG 2019

- 3.1 Tổng quan ngành sữa năm 2019 58
- 3.2 Báo cáo của Hội đồng quản trị 60
- 3.3 Báo cáo của Ban điều hành 66

3.1 TỔNG QUAN NGÀNH SỮA VIỆT NAM

Kinh tế vĩ mô Việt Nam:

GDP 2019 tăng **7,02%** | CPI duy trì dưới **3%**

GDP đầu người đạt **2.800-3.000** đô la Mỹ
(tăng 8% so với cùng kỳ, GSO)

Thế giới đã kết thúc thập kỷ 2010-2019 với nhiều mối lo từ cuộc thương chiến Mỹ-Trung và căng thẳng quân sự Mỹ-Iran. Điều này đã phần nào tác động đến kinh tế toàn cầu khi GDP năm 2019 chỉ tăng trưởng 2,6%, mức thấp nhất kể từ năm 2008. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đã nổi lên như một điểm sáng về đầu tư khi tăng trưởng kinh tế vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra.



Mức tiêu thụ sữa tại Việt Nam còn thấp, trung bình khoảng 20 Kg/người trong năm 2019 (Vinamilk ước tính)

Tuy vậy, mức tăng trưởng của ngành sữa vẫn chưa phản ánh được hết tiềm năng và cho thấy vẫn còn những thách thức đối với ngành sữa trong năm qua. Đầu tiên, tình hình dịch tả lợn Châu Phi đã gây nhiều thiệt hại cho ngành nông nghiệp Việt Nam trong suốt giai đoạn 2018-2019 và ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập của các hộ nông dân. Trong bối cảnh hơn 60% dân số Việt Nam vẫn đang sống ở các khu vực nông thôn (GSO), sự kiện này đã tác động đáng kể đến sức mua các sản phẩm tiêu dùng nhanh (FMCG) nói chung và sản phẩm sữa nói riêng.

Bên cạnh đó, dù đang có cơ cấu dân số vàng nhưng tỷ lệ sinh tại Việt Nam lại đang trên đà giảm. Trong giai đoạn 10 năm từ 2009-2018, tỷ lệ sinh đã giảm từ 17,6 trẻ sơ sinh / 1.000 người xuống còn 14,6 (GSO). Xu hướng này, cùng với trào lưu nuôi con bằng sữa mẹ, là những rào cản đối với sữa công thức trẻ em.



Ngành bán lẻ nói chung và ngành sữa nói riêng đã ghi nhận mức tăng trưởng tốt

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ đạt mức tăng trưởng hai chữ số ở mức 12,7%, trong đó các mặt hàng lương thực, thực phẩm có sức tiêu thụ tốt khi tăng trưởng 13,2% (GSO). Các sản phẩm sữa cũng ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong năm 2019, dẫn đầu bởi ngành hàng sữa chua và sữa nước (Euromonitor).

Ở chiều hướng tích cực, xu hướng sử dụng các sản phẩm sữa có nguồn gốc thiên nhiên và hỗ trợ hệ tiêu hóa, cải thiện vóc dáng đang ngày càng phổ biến nhờ thu nhập được cải thiện và ý thức về an toàn thực phẩm tăng lên. Đây cũng là những động lực giúp ngành hàng sữa chua và sữa tươi đạt mức tăng trưởng tốt trong năm 2019. Các sản phẩm sữa hữu cơ cao cấp cũng rất thu hút người tiêu dùng khi nhu cầu tiêu dùng đang dịch chuyển dần từ ăn, uống ngon sang ăn, uống lành mạnh.



Các sản phẩm sữa có nguồn gốc thiên nhiên và hỗ trợ hệ tiêu hóa đang rất được ưa chuộng



Nhu cầu ngày càng tăng lên đối với các sản phẩm tiện lợi

Xu hướng sản phẩm tiện lợi cũng lên ngôi, điển hình là các sản phẩm sữa công thức pha sẵn đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng dù toàn ngành sữa công thức tăng trưởng chậm (Euromonitor). Những xu hướng tích cực trên vừa là cơ hội, nhưng cũng đặt ra yêu cầu đối với các doanh nghiệp sữa cần tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển để kịp thời đưa ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng đa dạng.



3.2 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2019

Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT, các Tiểu ban

HĐQT Vinamilk trong năm 2019 vẫn tổ chức và triển khai các hoạt động theo nội dung đã được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp. Với tôn chỉ ghi nhận và đánh giá cao các đóng góp và hướng về tính hiệu quả của các Tiểu ban nói chung và của từng thành viên HĐQT nói riêng đã có những hoạt động chính sau:

Hoạt động của các Tiểu ban:

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC



Đã giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược 5 năm, xem xét, đánh giá tình hình thực hiện và sàng lọc các dự án chiến lược, và tổ chức thực hiện soát xét các điểm mạnh cũng như lợi thế cạnh tranh của Vinamilk trong giai đoạn mới. Các điểm nổi bật trong năm là các chương trình nghị sự về các giao dịch thu tóm sáp nhập nhằm gia tăng sức mạnh của Vinamilk theo hướng tích hợp dọc. Với khía cạnh các bên liên quan và phát triển bền vững, Tiểu ban Chiến lược tập trung vào các lĩnh vực bảo vệ môi trường, đóng góp với xã hội và chính sách cổ tức.

TIỂU BAN LƯƠNG THƯỜNG



Tiếp tục soát xét gói đãi ngộ, bao gồm lương và phúc lợi của TGD, các GĐĐH và các cấp quản lý cấp cao khác nhằm tăng sức cạnh tranh trong tuyển dụng, thu hút và giữ chân nhân tài. Việc xây dựng mục tiêu và cơ chế đánh giá các gói thưởng ngắn và dài hạn cũng được tiến hành. Nội dung thù lao HĐQT cũng được soát xét và quyết định một cách phù hợp.

TIỂU BAN NHÂN SỰ



Đã cùng với Ban Điều hành sàng lọc và lựa chọn các nhân sự nòng cốt cho các công ty con sau sáp nhập. Tiểu ban tiếp tục tìm kiếm lựa chọn thành viên HĐQT phù hợp với chiến lược Công ty, ngoài ra còn xem xét và đóng góp định hướng đối với kết quả của chương trình hoạch định kế thừa. Tiểu ban cũng phối hợp với Tiểu ban Lương thưởng trong việc soát xét các phương án gói đãi ngộ TGD và các GĐĐH. Chủ trì công tác đánh giá hoạt động các tiểu ban HĐQT, của HĐQT và soát xét báo cáo hoạt động của Ban Điều hành.

TIỂU BAN KIỂM TOÁN



Với kế hoạch và phân công công việc định kỳ hàng quý, đã thực hiện việc soát xét báo cáo và tình hình tài chính, hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống gian lận, và hoạt động của Kiểm toán nội bộ. Đối với quản lý rủi ro, danh mục rủi ro, đặc biệt là các rủi ro chiến lược, cùng cơ chế đánh giá đã được soát xét và cải tiến. Công tác đánh giá và lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020. Trong kỳ, Tiểu ban đã nâng cao cách thức hoạt động và cũng chủ trì công tác soát xét và đề xuất các cải tiến nhằm nâng cao thực hành quản trị tốt theo bộ quy tắc quản trị Việt Nam ban hành trong năm 2019.

Đánh giá hoạt động:

Cuộc họp đánh giá về kết quả hoạt động của HĐQT được tổ chức vào cuộc họp cuối cùng của HĐQT trong năm (17/01/2020) với thành phần tham gia: tất cả các thành viên HĐQT và sự hỗ trợ của Ban Thư ký – Phụ trách quản trị Công ty.

Tiêu chí đánh giá: 8 hành vi và hiệu quả hoạt động theo quy định của Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp. Hình thức đánh giá: Sử dụng bảng câu hỏi với thang điểm đánh giá 5 mức độ. Các tiêu chí đánh giá có bổ sung 04 khía cạnh theo thực hành của IFC như sau: (1) Khả năng tự lãnh đạo và kết quả hoạt động; (2) Sự kết hợp kiến thức, kinh nghiệm, đặc tính đa dạng của các thành viên trong HĐQT; (3) Sự năng động; và (4) Quy trình hoạt động.



Kết quả

Trong năm 2019, HĐQT đã hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ và góp phần đem lại kết quả cho Công ty trong việc đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra. Các nội dung thuộc trách nhiệm và thẩm quyền HĐQT về quản trị, quản trị rủi ro, tuân thủ, kiểm toán giám sát chiến lược, nhân sự và lương thưởng đã được thực thi mang tính chuyên nghiệp.

Hầu hết các Tiểu ban được đánh giá là hoạt động tốt. Các ý kiến đề xuất nâng cao hiệu quả được ghi nhận và lập kế hoạch thực hiện trong năm 2020. Về cá nhân, tất cả các thành viên HĐQT được đánh giá tốt, hiệu quả, chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm bổ phận của mình.





2. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của TGD và các thành viên Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong năm 2019 như sau:

Phương thức giám sát

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với TGD và các GĐDH thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp bổ sung, và thông qua thư điện tử và điện thoại về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ phê chuẩn và việc triển khai các nghị quyết của HĐQT.

HĐQT đã thảo luận và thông qua các quyết định bằng nghị quyết sau mỗi kỳ họp về: các thay đổi, dự báo và kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề khác có liên quan.



Hoạt động đánh giá của HĐQT đối với TGD và các GĐDH

Thực hiện theo Quy chế quản trị công ty, HĐQT thực hiện việc đánh giá TGD và các GĐDH dựa trên các tiêu chí sau:

- ▶ Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh
- ▶ Bốn phận chung của Cán bộ quản lý cấp cao
- ▶ Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao

Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

Tiêu chí này được đánh giá qua kết quả việc thực hiện (i) các mục tiêu chung của Công ty và (ii) mục tiêu chất lượng của khối, phòng phụ trách của từng GĐDH theo mô hình thẻ điểm cân bằng (BSC) với 04 mục tiêu tài chính, khách hàng, quy trình và học hỏi phát triển. Tỷ trọng của từng loại mục tiêu sẽ khác nhau giữa các vị trí tùy theo vai trò nhiệm vụ của từng cá nhân trong chuỗi giá trị. Việc đánh giá còn dựa trên báo cáo tổng hợp và đánh giá hoạt động trong năm của từng thành viên trong Ban Điều hành.

Bốn phận chung của Cán bộ quản lý cấp cao

Việc đánh giá bốn phận chung gồm 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và quản lý cấp trên trực tiếp đánh giá. Các tiêu chí bốn phận chung bao gồm:



Trách nhiệm
"Cần trọng"



Trách nhiệm
"Trung thực và
tránh xung đột
lợi ích"



Trách nhiệm
"Bảo mật
thông tin"



Bốn phận
"Chăm lo và
trung thành"

Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao

Việc đánh giá năng lực và kỹ năng được thực hiện dựa trên bộ năng lực lãnh đạo được phát triển riêng cho Vinamilk (12 năng lực). Các tiêu chí đánh giá của mỗi khía cạnh được chọn lọc từ kết quả đánh giá của lần gần nhất. Năm 2019, HĐQT chú trọng việc đánh giá khía cạnh phong cách lãnh đạo và môi trường làm việc.

Kết quả

Theo đánh giá của HĐQT, TGD và ĐDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2019, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.



3. BÁO CÁO CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam gồm có 4 thành viên, trong đó:



Ông Đỗ Lê Hùng
Trưởng Tiểu ban



Ông Michael Chye Hin Fah
Thành viên



Bà Đặng Thị Thu Hà
Thành viên



Ông Lê Thành Liêm
Thành viên

Trong năm 2019, Tiểu ban Kiểm toán đã tổ chức 3 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của cả 4 thành viên. Ngoài ra còn có nhiều cuộc họp khác theo các chủ đề riêng biệt với sự tham gia của các thành viên có liên quan. Sau mỗi cuộc họp cũng như kết thúc năm tài chính 2019, Tiểu ban Kiểm toán đã thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả hoạt động lên HĐQT.

Tiểu ban Kiểm toán xin được báo cáo kết quả giám sát như sau:

1. Báo cáo tài chính:

Tiểu ban Kiểm toán đã xem xét BCTC các quý và cả năm 2019, đồng thời nhất trí với những đánh giá của Kiểm toán độc lập, theo đó:

- ▶ Báo cáo tài chính 2019 được lập và trình bày trung thực, phù hợp với VAS và các quy định hiện hành, không phát hiện có sai sót trọng yếu có thể làm sai lệch kết quả báo cáo tài chính.
- ▶ Không có điều chỉnh trọng yếu hay vấn đề đáng kể nào được ghi nhận đối với chính sách kế toán, kết quả kinh doanh và biến động của số liệu tài chính.
- ▶ Không có thay đổi đối với thời hạn thanh toán các khoản phải thu và phải trả.
- ▶ Không có vấn đề đáng kể nào phải lưu ý đối với kiểm kê mà KPMG đã tham gia.
- ▶ Không phát hiện bất thường đối với các giao dịch bên liên quan.
- ▶ Không có trường hợp gian lận thực tế hoặc nghi ngờ gian lận nào được ghi nhận trong việc lập BCTC. Không phát hiện sai sót trọng yếu liên quan đến các ước tính kế toán.

2. Hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro:

Tiểu ban Kiểm toán giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thông qua báo cáo và các cuộc tiếp xúc, phỏng vấn trực tiếp với Kiểm toán nội bộ, Kiểm toán độc lập, Phòng KSNB & QLRR.

Nhìn chung, Công ty hiện đang duy trì một khung quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ tin cậy và hoạt động hữu hiệu.

Cụ thể hơn, một số hoạt động mới về QLRR & KSNB được ghi nhận trong kỳ như sau:

- ▶ Hệ thống đấu thầu Online đã được hoàn tất thử nghiệm và thí điểm tại công ty Bò sữa Việt Nam trước khi triển khai toàn Công ty.
- ▶ Thực hiện chuẩn hóa hệ thống phân quyền của các hệ thống IT trọng yếu (ERP, Hệ thống tài liệu...) để tiến đến kiểm soát cấp quyền trên hệ thống Online.
- ▶ Trong kỳ đã triển khai tiến hành đánh giá tự kiểm soát cho 6 rủi ro quan trọng với 85 kiểm soát lớn. Trong đó rủi ro về chất lượng sản phẩm được triển khai tại toàn bộ 13 nhà máy. Kết quả tự đánh giá cho thấy cả 85 điểm kiểm soát đều đạt yêu cầu 100%.
- ▶ Mảng công việc pháp lý: Thường xuyên theo sát và tư vấn pháp lý cho các dự án đầu tư, rà soát các vấn đề tuân thủ pháp lý trong nội bộ nhằm, đảm bảo giảm thiểu các rủi ro về pháp lý.

- ▶ Hệ thống quản lý chất lượng: Hiện công ty đang áp dụng 12 tiêu chuẩn cho Công ty Vinamilk, 3 tiêu chuẩn cho các Công ty Bò sữa tích hợp nhiều tiêu chuẩn về hệ thống quản lý chuẩn quốc tế ở đa dạng các hoạt động như: quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường, năng lượng và sức khỏe nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội doanh nghiệp, thực hành nông nghiệp tốt, tiêu chuẩn hữu cơ... Hệ thống các tiêu chuẩn này thường xuyên được theo dõi, giám sát áp dụng, đánh giá và chứng nhận bởi các tổ chức đánh giá uy tín, độc lập được công nhận rộng rãi trên thế giới và tại Việt Nam. Trong kỳ tất cả các đơn vị thuộc phạm vi đánh giá đều được đánh giá giám sát và duy trì chứng nhận.
- ▶ Tiểu ban Kiểm toán đã xem xét Risk Dashboard cập nhật các quý 2019. Trừ rủi ro truyền thông được ghi nhận tăng lên (chương trình Sữa học đường, mạng xã hội) và đã được kiểm soát thì hầu như không có biến động nào đáng lưu ý đối với các rủi ro khác trong danh mục hiện hữu.
- ▶ Vào đầu năm 2020, Ban Điều hành đã có báo cáo về rủi ro liên quan đến dịch COVID 19. Tiểu ban Kiểm toán đánh giá Ban Điều hành đã có những hành động bước đầu thích hợp, kịp thời để kiểm soát rủi ro này, không chỉ liên quan đến thị trường tiêu thụ, mà còn liên quan đến đảm bảo an toàn cho lực lượng lao động của Vinamilk
- ▶ Một số hoạt động QLRR được duy trì, thay đổi và sẽ thực hiện như điều chỉnh danh mục rủi ro, cơ cấu lại Hội đồng quản lý rủi ro, lựa chọn rủi ro hàng đầu, v.v
- ▶ Tiểu ban Kiểm toán khuyến nghị một số vấn đề sau:
 - ✓ Cần tích hợp QLRR vào việc lập và triển khai các dự án cũng như lập và triển khai kế hoạch kinh doanh hàng năm.
 - ✓ Nên xây dựng ngưỡng rủi ro ở các cấp thuộc Ban Điều hành.
 - ✓ Nên xem xét việc đầu tư cho công cụ quản lý rủi ro đồng thời với việc thuê tư vấn đánh giá hệ thống QLRR.

4. Dịch vụ Kiểm toán độc lập

KPMG đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng kiểm toán đã ký kết với Vinamilk, trong đó có thể kể đến:

- ▶ Đảm bảo độ tin cậy, trung thực và chất lượng của BCTC mà công ty cung cấp cho cổ đông và các bên có liên quan;
- ▶ Tuân thủ thời hạn kiểm toán theo quy định;
- ▶ Phối hợp tốt với các đơn vị có liên quan của Vinamilk;
- ▶ Phản hồi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của Tiểu ban Kiểm toán;
- ▶ Tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập, khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán

Trưởng Tiểu ban Kiểm toán

Ông Đỗ Lê Hùng

3. Kiểm toán nội bộ:

- ▶ Nhìn chung, chức năng kiểm toán nội bộ đang hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào việc cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- ▶ Đặc điểm tổ chức và hoạt động Kiểm toán nội bộ tiếp tục là điểm nhấn cho tính hiệu quả của chức năng KTNB tại Vinamilk:
 - ✓ KTNB trực thuộc về mặt chức năng và chịu sự giám sát độc lập của Tiểu ban Kiểm toán thông qua phê duyệt và giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán năm, xem xét điều lệ hoạt động và phương pháp kiểm toán nội bộ.
 - ✓ Chức năng kiểm toán nội bộ hoạt động hữu hiệu và tiệm cận với phương pháp kiểm toán nội bộ theo những thực tiễn tốt nhất và chuẩn mực của quốc tế, đồng thời phù hợp với Hướng dẫn phương pháp kiểm toán nội bộ của Bộ Tài chính ban hành.
 - ✓ Việc phối hợp giữa TGD và Tiểu ban Kiểm toán trong quản lý chức năng kiểm toán nội bộ giúp kiểm toán nội bộ phát huy tốt vai trò của mình không chỉ ở yêu cầu đảm bảo tuân thủ mà còn hỗ trợ các đơn vị trong kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro cả trước, trong và sau khi nghiệp vụ phát sinh.
 - ✓ Ưu tiên chuyển từ kiểm toán tuân thủ sang hỗ trợ, tư vấn các đơn vị trong quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ đã mang lại kết quả tích cực và tiếp tục được duy trì.
- ▶ Kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy việc tuân thủ quy trình ở các đơn vị được kiểm toán được thực hiện tốt và có chiều hướng tích cực hơn năm trước.
- ▶ Các khuyến nghị của kiểm toán nội bộ được các đơn vị liên quan tiếp thu và triển khai nghiêm túc, kịp thời thông qua các kế hoạch thực hiện cụ thể, được kiểm toán nội bộ theo dõi.
- ▶ Tiểu ban Kiểm toán khuyến nghị KTNB cần xây dựng chương trình đảm bảo chất lượng IA (QAIP)

3.3 BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



Kinh doanh quốc tế mở rộng dấu chân

Năm 2019 ghi nhận những kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh quốc tế cùng hàng loạt sự kiện đã đánh dấu một năm thành công vượt bậc, tạo tiền đề cho những dấu ấn và thành tích mới trong những năm tiếp theo.



Có được thành tích như trên là kết quả của những bước đi chiến lược rõ ràng thông qua các hành động cụ thể như sau:

- ▶ Chú trọng công tác phát triển thị trường và khách hàng quốc tế qua chuỗi hoạt động xúc tiến thương mại, trọng điểm là 2 chuỗi sự kiện triển lãm Gulfood (Dubai) và Thaifex (Thái Lan).
- ▶ Trong năm 2019, Công ty đã tiếp cận và chào hàng đến nhiều đối tác tiềm năng, phát triển được 2 thị trường mới là Ethiopia và Mozambique.
- ▶ Nâng cao xây dựng quan hệ bền vững với đối tác và khách hàng: Cung cấp những sản phẩm chất lượng phù hợp thị hiếu người tiêu dùng với giá cả cạnh tranh; triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ thương mại với các hình thức đa dạng, đồng hành cùng các đối tác tập trung mở rộng mạng lưới, hệ thống phân phối nhằm phát triển thương hiệu và giúp sản phẩm của Vinamilk ngày càng chinh phục người tiêu dùng tại thị trường quốc tế. Hướng đến sự thỏa mãn khách hàng và mối quan hệ hợp tác đôi bên cùng có lợi là kim chỉ nam trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh quốc tế.
- ▶ Tập trung xây dựng, quảng bá thương hiệu tại các thị trường trọng điểm, chuẩn bị cho những mục tiêu dài hạn.



“

Sự kiện ra mắt thương hiệu Vinamilk tại thị trường Trung Quốc, diễn ra trong khuôn khổ của sự kiện triển lãm China International Food & Catering Expo tháng 9/2019 tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc đã thu hút sự quan tâm với cơ quan, đối tác và các phương tiện truyền thông của 2 nước, gây được cảm tình tốt với người tham quan triển lãm.

”

Mới đây nhất, năm 2019 đã kết thúc trong niềm vui lớn khi Vinamilk được vinh danh tại giải thưởng The Asian Export Award 2019 được diễn ra vào tháng 11/2019 tại Singapore trong hạng mục Thực phẩm chế biến dành cho doanh nghiệp lớn. Tại đây, Vinamilk là thương hiệu duy nhất của Việt Nam đã vinh dự đạt thành tích này và được truyền thông rộng rãi trên website của ban tổ chức, các tờ báo lớn của khu vực như Singapore Business Review, Hong Kong Business một lần nữa đã giúp Vinamilk khẳng định được vị thế, đồng thời hơn hết là một biểu tượng cho sức mạnh và thương hiệu trong khu vực.



Hoạt động kinh doanh của các công ty con

Doanh thu thuần từ các công ty con tại nước ngoài



So với mức tăng 7,9% trong năm 2018, kết quả sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh nước ngoài được cải thiện nhờ kết quả kinh doanh ấn tượng của Angkor Milk với doanh thu tăng hơn 25% so với cùng kỳ. Nếu chỉ tính riêng doanh thu Angkor Milk bán ra cho các bên thứ

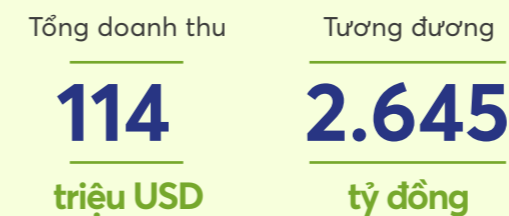
ba, con số này đã tăng trưởng trên 50% trong năm 2019. Hiện tại nhà máy sữa Angkor là nhà máy sữa duy nhất tại Campuchia, tạo ra lợi thế lớn cho Vinamilk trong việc đa dạng hóa nguồn cung sản phẩm và xây dựng hệ thống phân phối tại quốc gia này.

Trong năm 2019, Angkormilk ghi nhận mức tổng doanh thu ấn tượng:

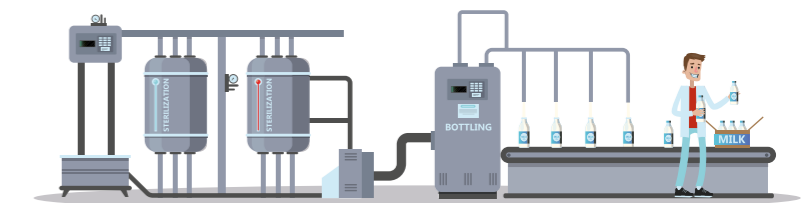


Kết quả này có được là do Công ty tiếp tục đẩy mạnh mở rộng hệ thống phân phối trên toàn Campuchia, đa dạng hóa danh mục sản phẩm, không ngừng cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất.

Doanh thu của Nhà máy Driftwood – công ty con của Vinamilk tại Mỹ trong năm 2019 duy trì mức tăng trưởng ổn định. Công ty này là một trong những nhà sản xuất sữa lâu đời và dẫn đầu thị trường ở Nam California, Mỹ. Driftwood có danh mục sản phẩm rất đa dạng, trong đó sản phẩm chủ lực là sữa tươi và nước trái cây. Ngoài kênh bán hàng chính là hệ thống trường học ở Nam California, Driftwood cũng mở rộng phân phối sản phẩm đến nhà hàng khách sạn và các kênh bán lẻ. Trong năm 2019, dù ngành sữa tại Mỹ gặp nhiều khó khăn, Driftwood vẫn đạt được:



Công ty con khác của Vinamilk tại Ba Lan, Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczoną Odpowiedzialnością, có mục tiêu chính là thu mua nguyên vật liệu sản xuất sữa và một số sản phẩm từ sữa để phục vụ hoạt động kinh doanh của Vinamilk và các công ty con trong Tập đoàn. Năm 2019, tổng sản lượng bột sữa thu mua và xuất khẩu:



Chuỗi giá trị bắt đầu từ hoạt động thu mua, chăn nuôi bò sữa cho đến sản xuất và phân phối luôn được đảm bảo khép kín, tuân theo quy trình kiểm soát, đánh giá theo quy định nội bộ của Vinamilk và đã được các Tổ chức uy tín trong nước và quốc tế chứng nhận.



TRANG TRẠI BÒ SỮA



Các hoạt động hỗ trợ như hành chính-nhân sự và tài chính cũng góp phần hoàn thiện chuỗi giá trị này.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Hoạt động bán hàng, marketing, và nghiên cứu và phát triển (R&D) cũng không nằm ngoài chuỗi giá trị của Vinamilk với tiêu chí luôn minh bạch trong nguồn gốc sản phẩm và tuyên truyền đúng các thông tin dinh dưỡng mà sản phẩm mang lại.



MARKETING & SALES



CHUỖI CUNG ỨNG

Bên cạnh đó, hoạt động điều phối vận chuyển, kho vận luôn giữ sự gắn kết chặt chẽ với sản xuất để đảm bảo nguồn cung đến tay người tiêu dùng không chỉ trong phạm vi Việt Nam mà còn vươn xa ra các thị trường quốc tế.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ HR - TÀI CHÍNH

Kết thúc năm 2019 của "Thay đổi để Tăng trưởng", toàn bộ các Khối thuộc chuỗi giá trị của Vinamilk đã đều góp phần tạo ra kết quả ấn tượng và hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm đề ra, giúp Công ty duy trì vị thế dẫn đầu trong ngành sữa Việt Nam và từng bước hoàn thành kế hoạch 5 năm 2017-2021.

Nguồn sữa tươi nguyên liệu thuần khiết, đảm bảo nguồn gốc rõ ràng



Với sứ mệnh cam kết mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng chất lượng cao hàng đầu, Vinamilk luôn minh bạch về nguồn gốc sữa tươi nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất.

Hợp tác toàn diện và đồng hành cùng nông hộ

Ngay từ năm 1990 khi Việt Nam bắt đầu phát triển ngành chăn nuôi bò sữa, Vinamilk đã gắn bó với các hộ nông dân và triển khai thu mua sữa tươi nguyên liệu. Cuộc "cách mạng trắng" năm 1991 là nỗ lực đầu tiên của Công ty nhằm xây dựng vùng nguyên liệu nội địa. Giải pháp trọng tâm là hỗ trợ các hộ nuôi bò đầu tư con giống, kỹ thuật chăn nuôi, thú y; thu mua sữa với giá cao đồng thời đứng ra bảo lãnh cho các hộ vay vốn mua cổ phần nhằm tạo sự gắn bó với Công ty, v.v.

QUY TRÌNH THU MUA SỮA TƯƠI TỪ CÁC HỘ NÔNG DÂN

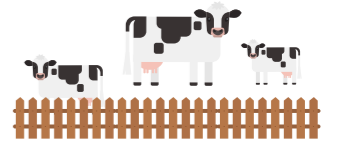


Tình hình thu mua SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU TỪ NÔNG HỘ trong năm 2019

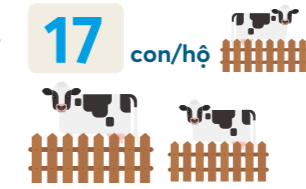


Hiện tại Vinamilk đang quản lý **83** trạm trung chuyển STNL

Với tổng đàn bò trong dân hơn **100.000** con bò



2019, quy mô đàn bò hộ chăn nuôi tăng từ 16 lên



Cung cấp trên **600** tấn sữa STNL/ngày



Vinamilk luôn đồng hành cùng bà con nông dân để hướng dẫn và tư vấn về kỹ thuật chăn nuôi bò sữa như phân phối thức ăn chăn nuôi, dung dịch vệ sinh vắt sữa, tư vấn, chuyển giao công nghệ và kiểm soát dịch bệnh, v.v., cũng như chuồng trại luôn được kiểm tra đảm bảo chất lượng; song song phối hợp cùng thú y địa phương để tiêm phòng, quản lý dịch tễ, bấm thẻ tai bò để theo dõi cũng như kiểm soát dư lượng kháng sinh trong sữa.

Đảm bảo sữa tươi thu mua được giữ nguyên chất lượng và vận chuyển đến nhà máy kịp thời cho sản xuất

Để hoàn thiện hơn hoạt động chăn nuôi bò sữa trong dân, Trung tâm Sữa tươi nguyên liệu Củ Chi đã được thành lập, là nơi tập trung tất cả nguồn sữa tươi ở khu vực TP.HCM và phụ cận, sau khi được kiểm soát chất lượng sẽ được điều phối cho tất cả các nhà máy tại khu vực thành phố và Bình Dương.

Trung tâm được trang bị máy móc thiết bị hiện đại bao gồm:

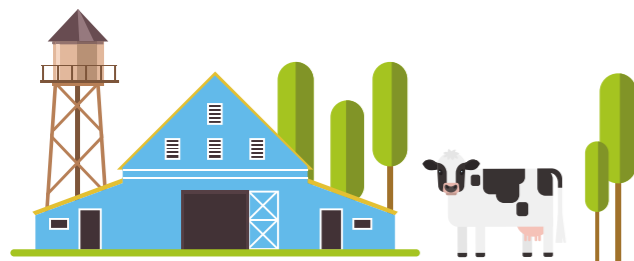
- Kho lạnh để chứa mẫu tập trung;
- Hệ thống máy phân tích nhanh hoạt động bằng mã vạch, trả kết quả tới từng hộ dân;
- Hệ thống vệ sinh (CIP) tự động, giúp các xe bồn của các trạm sữa được sử dụng chế độ vệ sinh tiên tiến, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm;
- Hệ thống các bồn làm lạnh sữa nhanh, thể tích lớn, tính linh hoạt cao vừa có thể tiếp nhận sữa của các trạm thu mua khi cần thiết, vừa có thể tiếp nhận trực tiếp sữa nông dân.





Vinamilk không ngừng phát triển và hoàn thiện hệ thống trang trại chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp và công nghệ cao

Công ty đã đầu tư và áp dụng sáng tạo công nghệ tiên tiến vào điều kiện đặc thù về môi trường và khí hậu tại Việt Nam. Năm 2006, Vinamilk là doanh nghiệp tiên phong phát triển trang trại bò sữa với quy mô công nghiệp hiện đại bậc nhất lúc bấy giờ với tổng số tiền đầu tư lên đến 500 tỷ đồng. Toàn bộ hệ thống trang trại được xây dựng khép kín, tự động hóa với giống bò được tuyển chọn kỹ lưỡng nhằm đem đến năng suất sữa cao nhất. Toàn bộ bò sữa của Vinamilk đều là giống HF thuần chủng được nhập khẩu từ Úc, Mỹ, và New Zealand.



VINAMILK ĐANG VẬN HÀNH

12
TRANG TRẠI CHUẨN
GLOBAL GAP

TỔNG ĐÀN
30.000
CON BÒ

TRONG ĐÓ

Công ty Bò sữa
Việt Nam quản lý

10
TRANG TRẠI
24.000
CON BÒ

Công ty Bò sữa
Thống Nhất Thanh Hóa

02
TRANG TRẠI
6.000
CON BÒ

Công ty Lao-Jagro tại Lào đang xây dựng 1 tổ hợp
trang trại với quy mô

24.000
CHO GIAI ĐOẠN 1

Là thành viên mới nhất tham gia vào hệ thống trang trại của Vinamilk, **Mộc Châu Milk hiện sở hữu đàn bò sữa hơn 2.000 con** tại trang trại và **23.000 con** thông qua việc liên kết chặt chẽ với **hơn 600**

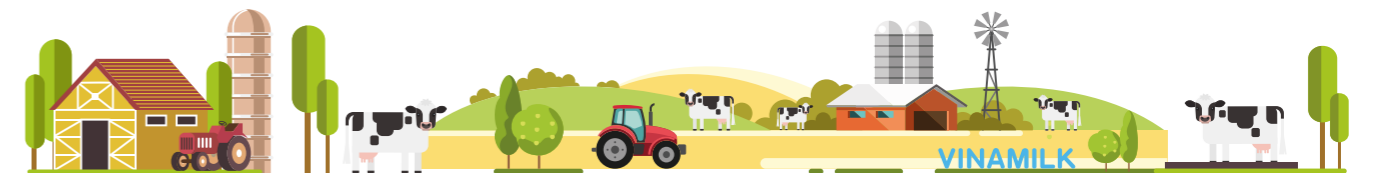
hộ nông dân chăn nuôi bò sữa và có ba trung tâm giống bò sữa lớn. Quy mô đàn bò Mộc Châu Milk tăng trưởng trung bình 14% một năm và năng suất bình quân đạt 25 lít sữa mỗi con một ngày.

MỘT CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TRANG TRẠI BÒ SỮA VINAMILK



- 1 2007**
Trang trại **Tuyên Quang**
qui mô **2.000** con
- 2 2008**
Trang trại **Bình Định**
qui mô **2.000** con
- 3 2009**
Trang trại **Nghệ An**
qui mô **2.600** con
- 4 2010**
Trang trại **Thanh Hóa**
qui mô **1.600** con
- 5 2012**
Trang trại **Vinamilk Đà Lạt**
qui mô **1.600** con
- 6 2013**
Trang trại **Tây Ninh**
qui mô **8.000** con. Năm 2019, Vinamilk đã khánh thành "Resort" và hoàn thiện toàn bộ trang trại.
- 7 2016**
Trang trại **Như Thanh**
qui mô **2.000** con
- 8 2016**
Trang trại **Hà Tĩnh**
qui mô **2.000** con
- 9 2017**
Trang trại **Organic Đà Lạt**
qui mô **1.000** con
- 10 2018**
Trang trại Bò sữa **Thống Nhất Thanh Hóa số 1**
qui mô **4.000** con.
- 11 2019**
Trang trại Bò sữa **Vinamilk Organic Di Linh**
qui mô **700** con.
- 12 2019**
Trang trại Bò sữa **Thống Nhất Thanh Hóa số 2**
qui mô **4.000** con
- 13 2019**
Khởi công trang trại đầu tiên có **quy mô 8.000 con** thuộc Tổ hợp trang trại bò sữa **Lao-Jagro tại Lào** với **quy mô 24.000 con** (giai đoạn 1)

Dự kiến trong 2020, Vinamilk sẽ hoàn thiện và có thêm Trang trại Bò sữa Quảng Ngãi đi vào hoạt động trong Q2/2020, đồng thời một Trung tâm Cấy truyền phôi sẽ đi vào hoạt động cuối tháng 3/2020 nhằm phục vụ nhu cầu chọn lọc cung cấp nguồn gen ưu tú vượt trội với tổng mức đầu tư là 25 tỷ đồng. Vinamilk dự kiến sẽ khởi công xây dựng thêm các trang trại bò sữa tại Đồng Nai, Cần Thơ và Lào.



Đầu tư thiết bị công nghệ hiện đại

Hiện nay, tất cả hệ thống chuồng trại chăn nuôi bò sữa được công ty đầu tư xây dựng dựa theo tư vấn thiết kế và công nghệ hiện đại trên thế giới như Mỹ, Thụy Điển và Israel:

- ▶ Hệ thống chuồng trại với các ô nằm được tính toán phù hợp với từng giai đoạn phát triển của bò;
 - ▶ Đệm siêu mềm được nhập khẩu từ Mỹ;
 - ▶ Hệ thống máng uống tự động;
 - ▶ Hệ thống chổi chải lông tự động;
 - ▶ Hệ thống làm mát tự động theo công nghệ Israel;
 - ▶ Hệ thống cào phân tự động hoạt động theo chu trình cài đặt sẵn, tự động phân tách chất thải từ chuồng nuôi;
 - ▶ Hệ thống chip nhận dạng gắn trên mỗi cá thể bò.
- Thông qua phần mềm quản lý đàn, các thông tin về năng suất và sản lượng sữa, sự vận động được theo dõi, cảnh báo sớm tình trạng sức khỏe cũng như chu kỳ sinh sản;
- ▶ Hệ thống phát hiện động dục và quản lý sức khỏe đàn bò hỗ trợ công tác phát hiện động dục để xác định thời điểm phối chính xác nhất;
 - ▶ Hệ thống Silo cung cấp thức ăn tinh tự động được đầu tư tại tất cả các trang trại. Hệ thống này chứa cám và vận hành hoàn toàn tự động giúp rút ngắn thời gian vận hành, giảm chi phí nhân công, tiết kiệm chi phí bao bì, đồng thời đảm bảo chất lượng không bị ảnh hưởng bởi thời tiết;
 - ▶ Hệ thống Năng lượng mặt trời



Khẩu phần dinh dưỡng được chú trọng

Khẩu phần được lập theo tư vấn của chuyên gia dinh dưỡng nước ngoài và phối trộn theo phương pháp TMR (Total Mixed Ration). Mỗi miếng thức ăn luôn đảm bảo đáp ứng đầy đủ và cân đối các thành phần dinh dưỡng như năng lượng, đạm, béo, vitamin và khoáng chất theo nhu cầu hàng ngày của từng nhóm bò. Thức ăn hỗn hợp được sản xuất tại các nhà máy thức ăn chăn nuôi đạt chuẩn Global G.A.P theo công thức riêng do chuyên gia dinh dưỡng của Công ty thiết lập. Thức ăn xanh được kiểm soát chặt chẽ từ thời điểm gieo trồng tới khi thu hoạch. Các thành phần nguyên liệu đều được kiểm soát chất lượng đầu vào và có thể truy xuất nguồn gốc.



Chủ động nguồn nhân lực chất lượng cao

Để vận hành được hệ thống trang trại lớn như hiện tại, Vinamilk nhận thức rõ tầm quan trọng của nhân sự có trình độ chuyên môn cao về chăn nuôi thú y. Do vậy, hàng năm công ty luôn chú trọng đáp ứng kịp thời các nhân sự có trình độ phù hợp cho công tác chăn nuôi; tổ chức đào tạo, huấn luyện thường xuyên, đảm bảo nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững, đảm bảo kế thừa.

Bên cạnh đó, Vinamilk đã và đang ký hợp đồng tư vấn với chuyên gia nước ngoài giàu kinh nghiệm trong chăn nuôi bò sữa của Mỹ, Israel, Nhật Bản; thường xuyên hợp tác, xây dựng một mạng lưới, kết nối tới các chuyên gia đầu ngành về chăn nuôi bò sữa để tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật từ đó đưa trình độ chăn nuôi của Việt Nam tiệm cận tới trình độ của các nước có ngành chăn nuôi bò sữa phát triển.





Hoạt động sản xuất khép kín với hệ thống nhà máy trải dài được trang bị dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại bậc nhất

Vinamilk đã và đang thực hiện hoạt động sản xuất tuân theo các quy trình nội bộ nhằm đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, tiêu chuẩn Organic và Halal.



Cụ thể trong năm 2019, Vinamilk đã gia hạn tiêu chuẩn Organic cho 7 nhà máy, đồng thời đăng ký tiêu chuẩn Halal cho các sản phẩm mới trong một số ngành hàng có thể kể đến như sữa bột và nước giải khát. Đặc biệt, Vinamilk đã cơ bản hoàn thành chuẩn hóa tiêu chuẩn công nghệ của từng sản phẩm và dây chuyền máy móc tại các nhà máy đều được thống nhất theo tiêu chuẩn do Công ty ban hành.

Việc này giúp đảm bảo ổn định chất lượng và tính chuyên môn hóa cao. Bên cạnh đó, Vinamilk cũng chú trọng đến việc sử dụng tiết kiệm các định mức sản xuất tương đối tốt.

Không chỉ có quy chuẩn về kỹ thuật, tại tất cả 13 nhà máy, toàn thể nhân sự ra vào khu vực sản xuất đều phải tuân thủ theo quy định đảm bảo chất lượng và vệ sinh. Vinamilk đã tiến hành triển khai biên soạn Sổ tay An toàn – Sức khỏe – Môi trường áp dụng tại toàn bộ nhà máy của mình.

Một điểm riêng biệt của Vinamilk trong việc quản lý hệ thống 13 nhà máy hoạt động hiệu quả không chỉ về mặt công suất mà còn đảm bảo sản xuất sản phẩm với chất lượng an toàn là việc quy hoạch sản xuất các nhà máy ở mỗi vùng miền, chuyên môn hóa cao, đảm bảo cung ứng kịp thời cho tiêu thụ vốn có thể có khả năng biến động.

Để có thể đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất của hệ thống sản xuất, Vinamilk đã:

- ▶ Triển khai đánh giá EOHS các nhà máy trong năm;
- ▶ Xây dựng các hệ thống tài liệu về kiểm soát và quản lý định mức nhiên liệu, phương tiện vận chuyển cũng như triển khai các chương trình kiểm toán năng lượng định kỳ tại nhà máy nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất mà vẫn đáp ứng được chất lượng sản phẩm;
- ▶ Tiếp tục công tác tập huấn phổ biến đến các công nhân viên tại nhà máy của mình các chương trình đào tạo công tác an toàn và bảo vệ môi trường;
- ▶ Triển khai chương trình đánh giá tích hợp các hệ thống ISO 14001, 45001, 50001 theo PAS 99.

Song song với việc phát triển nội lực sản xuất của mình, Vinamilk đã hoàn thành đầu tư một số dự án tăng công suất trong năm như máy rót sữa nước phục vụ cho Chương trình Sữa học đường; thêm năng lực sản xuất cho sản phẩm sữa chua uống, sữa chua ăn, sữa đặc, sữa bột; đầu tư dây

chuyền sản xuất mới sản phẩm sữa chua dạng sệt tung trong 2019. Ngoài ra, các dự án mới hoàn thành trong năm còn liên quan đến lắp đặt thêm hệ thống tiếp nhận sữa tươi; dự án mở rộng khả năng chứa trữ; và dự án lắp mới dây chuyền phụ trợ trong việc sản xuất sữa bột. Các dự án đầu tư luôn được Vinamilk thực hiện đánh giá sau đầu tư định kỳ để kịp thời có kế hoạch sản xuất phù hợp nhất với thực tế thị trường.

Việc Vinamilk luôn tuân thủ chặt chẽ các quy trình, tiêu chuẩn thể hiện sự gắn kết tuyệt đối với sứ mệnh đã cam kết là mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng và chất lượng cao cấp hàng đầu. Vinamilk đã hoàn thiện thêm hệ thống sản xuất của mình, hoàn thành cơ bản kế hoạch đầu tư theo kế hoạch 5 năm cũng như đã tăng gấp đôi công suất ở một vài sản phẩm, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ. Đồng thời, Vinamilk đã chuẩn hóa toàn bộ các nhà máy, tiết kiệm nguyên vật liệu, ổn định hóa chất lượng và khai thác tối đa công năng của thiết bị.



Trong năm 2019

07

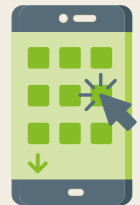
NHÀ MÁY GIA HẠN
TIÊU CHUẨN ORGANIC



Hoạt động Cung ứng nhanh chóng, kịp thời đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng

Hoạt động Cung ứng đảm nhiệm trách nhiệm từ mua hàng đến điều phối các đội xe vận chuyển nguyên vật liệu ("NVL"), STNL, cũng như thành phẩm. Để có thể đảm bảo sự xuyên suốt, thuận lợi trong quá trình hoạt động kinh doanh, hoạt động Cung ứng của Vinamilk đóng góp một phần không nhỏ.

Việc cung ứng điều vận của Công ty đã được cải tiến và áp dụng việc quản lý các chuyến xe của Xí nghiệp Kho vận và các đơn vị vận chuyển khác bằng phần mềm chia tuyến đường, giúp tiết kiệm 1,5 tiếng thời gian vận chuyển hàng ngày cho mỗi Xí nghiệp, đồng thời quản lý sát sao được các đơn vị thuê ngoài. Ngoài ra, Vinamilk đã mã hóa và áp dụng truy xuất nguồn gốc ngay trên hệ thống ERP của Công ty đối với NVL của hơn 500 nhà sản xuất trên toàn cầu mua để đảm bảo minh bạch trong chất lượng.



QUẢN LÝ CÁC CHUYẾN XE
BẰNG PHẦN MỀM
CHIA TUYẾN ĐƯỜNG

GIÚP TIẾT
KIỂM ĐƯỢC **1,5** TIẾNG/
NGÀY



TRUY XUẤT NGUỒN GỐC
NGAY TRÊN HỆ THỐNG ERP
ĐỐI VỚI NVL

CỦA HƠN **500** NHÀ
SẢN XUẤT

Song song đó, Vinamilk cũng thiết lập và đưa vào quản lý tồn kho NVL tại kho của các nhà cung cấp trên hệ thống ERP. Bằng việc công nghệ hóa các nghiệp vụ quản lý cung ứng điều vận, NVL cũng như vật tư kỹ thuật, Vinamilk đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu điều vận chứa trữ, sử dụng NVL hay vật tư kỹ thuật cũng như truy xuất nguồn gốc khi cần thiết.

Các công việc tiếp theo của hoạt động Cung ứng sẽ tiếp tục phát triển và triển khai các hệ thống theo dõi tích hợp vào ERP của Công ty nhằm giúp tăng hiệu suất làm việc của đội xe cũng như tài xế giao hàng, đồng thời đảm bảo thời gian giao hàng đúng hạn cam kết tại các nhà phân phối, siêu thị, v.v. để sản phẩm tới tay người tiêu dùng luôn ở điều kiện tốt nhất.



Hoạt động kinh doanh có độ phủ rộng rãi

HƠN 200 NHÀ PHÂN
PHỐI VỚI TỔNG SỐ
ĐIỂM LẺ ĐẠT

251.000

ĐIỂM

PHỦ RỘNG HẦU HẾT TẠI
SIÊU THỊ VÀ CỬA HÀNG
TIỆN LỢI TOÀN QUỐC



NHÓM KHÁCH HÀNG
ĐẶC BIỆT ĐƯỢC
LIÊN TỤC MỞ RỘNG



CHUỖI CỬA HÀNG
"GIẤC MƠ SỮA VIỆT"
TĂNG LÊN

430

ĐIỂM



Đặc biệt nhóm trường học được chú trọng và tăng trưởng rất mạnh nhờ việc tích cực tham gia vào chương trình Sữa học đường Quốc gia;

Kênh thương mại điện tử cũng được tập trung hoàn thiện nhằm đa dạng hóa kênh mua sắm và đem lại nhiều sự tiện lợi cho người tiêu dùng.

Truy cập trang thương mại điện tử của Vinamilk tại: <https://giacmosuaviet.com.vn/>

Hoạt động bán hàng phủ sóng rộng khắp 63 tỉnh thành, sự đa dạng trong các kênh phân phối sản phẩm, cũng như sự gia tăng dấu ấn thương hiệu trên bản đồ quốc tế đã khẳng định vị thế dẫn đầu của Vinamilk. Đồng thời, điều này cũng thể hiện sự đón nhận và tin tưởng của người tiêu dùng đối với chất lượng sản phẩm. Không chỉ là trong nước mà cả ở thị trường nước ngoài, các sản phẩm của Vinamilk cũng được yêu thích và đánh giá cao.

Sáng tạo và đổi mới trong hoạt động marketing

Vinamilk không ngừng đổi mới, sáng tạo và tiếp tục đẩy mạnh mũi nhọn phát triển sản phẩm mới với mục đích cách tân, mở rộng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng; đồng thời mang đến cho người tiêu dùng nhiều trải nghiệm phong phú và tiện lợi.

Tiếp nối thành công của Sữa Tươi 100% Organic, Vinamilk tiếp tục khẳng định vị trí tiên phong về dòng sản phẩm siêu cao cấp Organic với việc ra mắt sữa bột và bột ăn dặm trẻ em Organic Gold với chứng nhận EU Organic.



Các sản phẩm cao cấp với nhiều giá trị gia tăng liên tục được giới thiệu ra thị trường như sữa bột trẻ em Yoko với nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật Bản và sữa bột trẻ em Optimum Gold HMO, với công thức dinh dưỡng đột phá, đáp ứng nhu cầu khắt khe nhất về dinh dưỡng cho trẻ em Việt Nam. Ngoài ra không thể không nhắc tới các dòng sản phẩm dành cho thanh thiếu niên như thức uống năng lượng Vinamilk Power hay trà sữa Happy Milk Tea. Các sản phẩm Sữa Chua Hạt Óc Chó, sữa chua uống Probi Nghệ, ... mang tới những trải nghiệm độc đáo cho người dùng.

Đặc biệt trong năm 2019, Vinamilk đã trở thành nhà tài trợ chính thức cho đội tuyển bóng đá nam, nữ quốc gia, đội tuyển U22/U23/Olympic quốc gia trong 3 năm (2019 - 2022). Với vai trò là công ty dinh dưỡng hàng đầu tại Việt Nam, trong hơn 40 năm qua, Vinamilk luôn hướng đến sứ mệnh "Vươn cao Việt Nam". Đây cũng chính là ý nghĩa cao đẹp mà Vinamilk và đội tuyển quốc gia VN cùng nhau chia sẻ, vì bóng đá không chỉ là một môn thể thao mà còn khơi dậy niềm tự hào dân tộc và truyền cảm hứng cho những ước mơ vươn cao của nhiều thế hệ Việt Nam.



Các sản phẩm của Vinamilk luôn minh bạch và rõ ràng từ nguyên liệu đầu vào, đến sản xuất cũng như giá trị dinh dưỡng mà sản phẩm mang đến.



Vinamilk cũng có tổng đài chăm sóc dinh dưỡng (<https://www.vinamilk.com.vn/vi/tu-van-dinh-duong>), luôn sẵn sàng giải đáp các thắc mắc của người tiêu dùng những thông tin về sản phẩm. Tổng đài này luôn được cập nhật các bộ câu hỏi-đáp thường xuyên nhằm đảm bảo thỏa mãn 100% cuộc gọi tư vấn dinh dưỡng.



Đẩy mạnh R&D để phục vụ nhu cầu đa dạng từ thị trường

Hoạt động R&D trong năm 2019 đã không ngừng nghiên cứu cải tiến với việc đẩy mạnh tung mới và tái tung gần 20 sản phẩm ở nhiều ngành hàng không chỉ ở thị trường nội địa mà cả xuất khẩu, thuộc các ngành hàng sữa bột, sữa chua ăn, sữa chua uống, bột dinh dưỡng, sữa đậu nành, kem và nước giải khát. Việc cải tiến và ra mắt các sản phẩm mới này đã mở rộng thêm danh mục sản phẩm của Vinamilk, mang đến cho người tiêu dùng nhiều trải nghiệm phong phú và tiện lợi.

Bên cạnh đó, hoạt động R&D còn chú trọng đến trách nhiệm xã hội, đảm bảo mọi hoạt động luôn đi liền với triết lý kinh doanh, mang đến cho cộng đồng nguồn dinh dưỡng và chất lượng cao cấp. Vinamilk tiếp tục truyền thống tổ chức Cầu lạc bộ Đái tháo đường trong 2019 với tổng cộng 10 buổi sinh hoạt lên đến 508 lượt hội viên tham gia; tổ chức 19 buổi khám và tư vấn sức khỏe vì cộng đồng. Không dừng ở đó, Công ty có trên 30 bài viết về sức khỏe với các chủ đề về đột quỵ, bệnh tim mạch, tiểu đường, hô hấp, v.v. được đăng trên các báo.

Hành chính – nhân sự, hậu thuẫn vững chắc



Trong năm 2019, Vinamilk đã thực hiện sắp xếp lại các phòng ban, bộ phận phù hợp hơn với chức năng, nhiệm vụ được giao; cũng như đảm bảo sắp xếp đủ nhân sự phục vụ cho công tác phát sinh. Nhân sự trong năm được giữ ở mức ổn định, không có biến động mạnh và đột ngột. Các vị trí từ quản lý cấp cao cho đến quản lý cấp trung hay cấp chuyên viên được bổ sung kịp thời yêu cầu tuyển dụng. Công ty luôn xem xét, ghi nhận và có các quyết định thăng tiến phù hợp đối với các cá nhân có thành tích công việc vượt bậc, thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với cống hiến của họ.

Tại Vinamilk, các ý kiến và nguyện vọng của nhân viên luôn được lắng nghe và ghi nhận. Chính vì vậy, Vinamilk đã chủ động thực thi và có các chính sách phát triển nội bộ phù hợp để tạo cơ hội phát triển năng lực và có cơ hội phát triển trên bậc thang công việc và có khả năng tăng thu nhập cho nhân

viên; song song đó tạo cơ hội cho quản lý và nhân viên xây dựng mối quan hệ tốt thông qua các khóa huấn luyện, đào tạo.

Vinamilk cũng chú trọng thực hiện tiếp tục Chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa cho các vị trí trọng yếu theo cơ cấu tổ chức mới và đã hoàn tất đánh giá Kế hoạch phát triển cá nhân và xây dựng kế hoạch mới cho 100% ứng viên. Công ty cũng đã hoàn thành đánh giá làm việc theo Bộ Năng lực và triển khai việc này online trong năm. Song song đó ở khía cạnh tổng thể hơn thì Vinamilk đã rà soát, cập nhật toàn bộ Chính sách, Quy định, Quy trình về nghiệp vụ nhân sự.

Nhờ vào sự bền vững trong chiến lược nhân sự nói riêng và phát triển nói chung của Vinamilk, Công ty tiếp tục được vinh danh năm thứ 2 liên tiếp trong Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2019.



Tài chính vững chắc, đảm bảo mọi hoạt động của Vinamilk được thực hiện nhanh chóng kịp thời



Vinamilk tiếp tục duy trì sự ổn định tài chính trong năm 2019.

Doanh thu thuần hợp nhất đạt 56.318 tỉ đồng trong cả năm 2019, tăng trưởng 7,1% so với cùng kỳ 2018 và hoàn thành 100% kế hoạch cả năm, trong đó:

MẢNG KINH DOANH NỘI ĐỊA

Đạt danh thu thuần

47.555
tỷ đồng

Tăng trưởng

6,3%
so với cùng kỳ

Đóng góp

84,4%
vào tổng doanh thu
(2018: 85,1%)

So với mức tăng trưởng 2,7% trong năm 2018, mức tăng trưởng 6,3% trong năm 2019 chủ yếu đến từ:

- ▶ Tăng trưởng sản lượng dẫn dắt bởi một số dòng sản phẩm chủ lực với mức tăng trưởng hai chữ số. Bên cạnh đó, một số dòng sản phẩm cao cấp cũng ghi nhận mức tăng trưởng rất ấn tượng, cho thấy hướng đi phù hợp của Vinamilk trong chiến lược cao cấp hóa danh mục sản phẩm.
- ▶ Vinamilk là một trong những đơn vị tiên phong tham gia Chương trình Sữa Học Đường Quốc Gia. Tính đến cuối năm 2019, Vinamilk đã trúng thầu theo hình thức đấu thầu công khai tại 21 tỉnh, thành phố trên cả nước, triển khai thực hiện Chương trình Sữa Học Đường.

MẢNG XUẤT KHẨU TRỰC TIẾP

Đạt danh thu thuần

5.175
tỷ đồng

Tăng trưởng

14,8%
so với cùng kỳ

Đóng góp

9,2%
vào tổng doanh thu
(2018: 8,6%)

MẢNG CHI NHÁNH NƯỚC NGOÀI

Đạt danh thu thuần

3.588
tỷ đồng

Tăng trưởng

8,6%
so với cùng kỳ

Đóng góp

6,4%
vào tổng doanh thu
(2018: 6,3%)

	2019 Tỷ VND	2018 Tỷ VND	Tăng/ (giảm)
Doanh thu thuần	56.318	52.562	7,1%
Lợi nhuận trước thuế	12.796	12.052	6,2%
Lợi nhuận sau thuế	10.554	10.206	3,4%
Tổng tài sản	44.700	37.366	19,6%
Vốn chủ sở hữu	29.731	26.271	13,2%
Vốn cổ phần	17.417	17.417	0,0%
Tổng nợ phải trả	14.969	11.095	34,9%

BIÊN LỢI NHUẬN VÀ CÁC BIÊN CHI PHÍ Ở MỨC TÍCH CỰC

- ▶ Biên lợi nhuận gộp ("LNG") hợp nhất trong năm 2019 đạt 47,2%, tăng 46 điểm cơ bản so với cùng kỳ mặc dù giá nguyên liệu bột sữa nhập khẩu đã tăng so với cùng kỳ. Ngoài ra, giá sữa tươi nguyên liệu được giữ ổn định và sản lượng ngày càng tăng là các nhân tố quan trọng giúp ổn định biên LNG của Công ty.
- ▶ Biên chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp hợp nhất trong năm 2019 đạt 25,6% trên doanh thu thuần, duy trì ổn định so với mức 25,5% của năm 2018.
- ▶ Biên lợi nhuận trước thuế, khấu hao và lãi vay (EBITDA) trong năm 2019 đạt 26,4%, tăng 30 điểm cơ bản so với cùng kỳ nhờ biên LNG cải thiện.

Lợi nhuận ròng đạt

10.554

tỷ đồng

Tăng trưởng

3,4%

so với cùng kỳ

Hoàn thành

100,7%

kế hoạch cả năm

- ▶ Biên lợi nhuận ròng hợp nhất giai đoạn 2019 đạt 18,7%, giảm 70 điểm cơ bản so với cùng kỳ do một số ưu đãi thuế đã hết hiệu lực. Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiệu lực trong năm 2019 là 17,5%, tăng 220 điểm cơ bản so với cùng kỳ.

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH QUAN TRỌNG

Không có biến động trọng yếu và được giữ ở mức an toàn. Trong năm 2019 và đến ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua 75% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần GTNFoods thông qua nhiều giao dịch mua cổ phần. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp này đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn từ ngày được mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được xác định là không đáng kể

▶ Về quản lý vốn lưu động:

- Vốn bằng tiền: Từ kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan liên tục trong nhiều năm, Công ty đã duy trì được mức giá trị vốn bằng tiền ở mức cao, đồng thời quản lý dòng tiền có hiệu quả, linh hoạt và an toàn, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh cũng như các dự đầu tư theo kế hoạch.

- Nợ phải thu khách hàng: Chiếm 14% tổng tài sản ngắn hạn. Trong năm, không phát sinh thêm các khoản nợ khó đòi trọng yếu, tiếp tục duy trì chính sách quản lý nợ phải thu, chính sách tín dụng khách hàng theo hướng tạo điều kiện để khách hàng mở rộng quy mô kinh doanh và an toàn.
- Hàng tồn kho: Chiếm 20% tài sản ngắn hạn. Chỉ số vòng quay hàng tồn kho được giữ ở mức ổn định 5,6 lần (2018: 5,4 lần). Năm 2019, không phát sinh mới hàng tồn kho chậm lưu. Chính sách quản lý hàng tồn kho được duy trì.
- Nợ phải trả người bán ngắn hạn: Chiếm 8,2% tổng nguồn vốn. Vòng quay nợ phải trả ở mức 7,6 lần (2018: 7,4 lần). Công ty duy trì chính sách thanh toán với nhà cung cấp hợp lý và chặt chẽ, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

- ▶ Về quản lý tài sản dài hạn: tài sản cố định hữu hình tăng 5,3%, từ 13.048 tỷ đồng lên 13.744 tỷ đồng. Công ty đang duy trì chính sách quản lý tài sản dài hạn và đầu tư mới được thiết lập để đảm bảo việc quản lý tài sản đạt hiệu quả cao, phù hợp với sự tăng trưởng trong tương lai, không để xảy ra lãng phí và thất thoát tài sản.



Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,71	1,93	(lần)
- Hệ số thanh toán nhanh	1,36	1,39	(lần)
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	33%	30%	
- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	50%	42%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	5,6	5,8	(lần)
- Vòng quay các khoản phải thu	16,4	15,0	(lần)
- Vòng quay các khoản phải trả	7,60	7,40	(lần)
- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,37	1,46	(lần)
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	19%	19%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	38%	41%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	26%	28%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	23%	23%	



SỰ KIỆN QUỐC TẾ NỔI BẬT

Resort bò sữa
ORGANIC
với quy mô
5.000 ha



Khởi công Siêu dự án: Tổ hợp Trang trại Bò sữa Organic Lao-Jargo tại cao nguyên Xiêng Khoảng, Lào

Vinamilk đã chính thức khởi công xây dựng Giai đoạn 1 của "Resort" bò sữa Organic tại Xiêng Khoảng, Lào với quy mô 5.000 ha. Dự án này là sự hợp tác của doanh nghiệp 03 nước Lào, Việt Nam và Nhật Bản nhằm phát triển vùng nguyên liệu sữa tươi Organic chuẩn quốc tế để cung cấp cho Việt Nam và khu vực Châu Á, đồng thời đẩy mạnh ngành chăn nuôi bò sữa công nghệ cao tại Lào.



Vinamilk đại diện Châu Á trình bày về chủ đề Organic tại Hội nghị sữa toàn cầu 2019 (Bồ Đào Nha)

Vinamilk là đại diện duy nhất đến từ Châu Á trình bày về chủ đề Organic tại Hội nghị sữa toàn cầu 2019 diễn ra tại Bồ Đào Nha. Tại Hội nghị, Vinamilk đã chia sẻ về hành trình của công ty trong việc phát triển và dẫn đầu xu hướng Organic cao cấp tại Việt Nam cũng như khu vực.



VINAMILK trình bày
TẠI HỘI NGHỊ
SỮA TOÀN CẦU



Ra mắt thành công tại thị trường Trung Quốc - Vinamilk tạo ấn tượng với truyền thông & người tiêu dùng

Vinamilk đã tạo được ấn tượng tốt tại thị trường Trung Quốc thông qua "Chương trình ra mắt sản phẩm sữa Việt Nam tại Trung Quốc" do Hiệp hội sữa Việt Nam và Sở Thương mại tỉnh Hồ Nam đồng tổ chức, trong khuôn khổ Triển lãm Quốc tế về Thực phẩm và Dịch vụ ăn uống 2019. Tại sự kiện này, Vinamilk đã nhận được sự đánh giá cao của các cơ quan chức năng, đối tác thương mại, giới truyền thông và đặc biệt là người tiêu dùng Trung Quốc. Hiện nay, sản phẩm của Vinamilk đã có mặt tại 8 tỉnh/thành của Trung Quốc và hiện diện trong các chuỗi siêu thị hiện đại như Hema của Alibaba.

Tạo được ấn
tượng tốt tại

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

Sữa tươi & Sữa tươi Organic Vinamilk xuất khẩu thành công và được đón nhận tại Singapore

Vinamilk đã xuất khẩu các sản phẩm sữa tươi, đặc biệt là sữa tươi Vinamilk 100% Organic theo chuẩn Châu Âu sang Singapore và được người tiêu dùng tại đảo quốc này đón nhận. Thuyết phục được người tiêu dùng tại những thị trường nổi tiếng nghiêm ngặt về quy định nhập khẩu, đặc biệt là ở phân khúc cao cấp như Organic đã cho thấy sự thành công của Vinamilk trong việc khẳng định được chất lượng sản phẩm và uy tín thương hiệu.



Xuất khẩu
sữa tươi đến

SINGAPORE





SỰ KIỆN QUỐC TẾ NỔI BẬT



Vinamilk là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất góp mặt trong Top 50 của Asia300 – Danh sách các công ty niêm yết xuất sắc nhất Châu Á

Tạp chí kinh tế uy tín của Nhật Bản - Nikkei Asian Review đã công bố danh sách 300 công ty niêm yết quyền lực và có giá trị nhất châu Á. Vinamilk là 1 trong 3 doanh nghiệp Châu Á thuộc lĩnh vực thực phẩm và đồ uống (F&B) và cũng là doanh nghiệp Việt Nam duy nhất được góp mặt trong top 50 của danh sách này. Đây cũng là lần thứ 4 Vinamilk được bình chọn vào danh sách Asia300.



Doanh nghiệp
VIỆT NAM
DUY NHẤT
góp mặt trong
TOP 50
ASIA 300

Top 200 DOANH NGHIỆP TỐT NHẤT CHÂU Á DOANH THU TRÊN 1 TỶ ĐÔ LA



Vinamilk – Gia nhập Câu lạc bộ Tỷ đô của Châu Á Thái Bình Dương: Top 200 Best over a billion (APAC) do Forbes Asia công bố

Tạp chí Forbes Châu Á đã công bố Vinamilk nằm trong danh sách 200 công ty tốt nhất Châu Á Thái Bình Dương có doanh thu trên 1 tỷ USD. Điều này thể hiện những thành công bước đầu của Vinamilk trong việc đổi mới, sáng tạo trong hoạt động kinh doanh, sản xuất, từ đó giữ vững vị thế của công ty sữa lớn nhất Việt Nam, được người tiêu dùng tin dùng và nhận được sự đánh giá cao từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



2019
ASIAN EXPORT
AWARDS

Vinamilk nhận giải thưởng Doanh nghiệp Xuất khẩu của Châu Á 2019

Vinamilk là doanh nghiệp sữa của Việt Nam duy nhất nhận giải thưởng Doanh nghiệp Xuất khẩu của Châu Á năm 2019 - The Asian Export Awards 2019 - thuộc bảng các doanh nghiệp lớn. Trong đó, sản phẩm sữa đặc của Vinamilk được Ban Tổ chức vinh danh trong hạng mục Thực phẩm chế biến. Đây là một bước tiến lớn của Vinamilk trong việc đưa "sữa Việt" vươn ra thế giới.





SỰ KIỆN TRONG NƯỚC NỔI BẬT

**"RESORT"
BÒ SỮA**
Tây Ninh quy mô
8.000 con



Khánh thành "resort" bò sữa Vinamilk Tây Ninh

Sự kiện khánh thành "Resort" Bò Sữa Vinamilk Tây Ninh được sử dụng công nghệ 4.0 một cách toàn diện trong quản lý trang trại và chăn nuôi bò sữa là sự kiện nổi bật được chú ý nhất trong năm 2019. Quy mô trang trại 685 ha 8.000 con và có vốn đầu tư ban đầu là 1.200 tỷ đồng.



Vinamilk được xác nhận là công ty sở hữu hệ thống trang trại bò sữa đạt tiêu chuẩn quốc tế lớn nhất Châu Á*

Vinamilk hiện sở hữu hệ thống 12 trang trại và tổ hợp trang trại đạt chuẩn quốc tế trải dài trên khắp Việt Nam được xây dựng theo mô hình những "Resort" bò sữa.

Sự kiện này đã đánh dấu bước tiến mới trong sự nghiệp phát triển ngành sữa Việt, cho thấy nỗ lực của Vinamilk trong việc quyết tâm đầu tư xây dựng nguồn nguyên liệu sữa tươi chất lượng chuẩn quốc tế cho người tiêu dùng Việt Nam, cũng như đưa nền nông nghiệp chăn nuôi Việt Nam vươn tầm thế giới.

(* Về số lượng trang trại theo kết quả nghiên cứu thị trường của công ty Intage ngày 10/05/2019 cho những trang trại được chứng nhận tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu ở Châu Á



Khẳng định vị trí
DẪN ĐẦU
VỀ VÙNG
NGUYÊN LIỆU
SỮA TƯƠI



Mộc Châu Milk chính thức trở thành đơn vị thành viên của Vinamilk

Vinamilk chính thức sở hữu 75% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần GTNFoods, gián tiếp tham gia điều hành, quản lý Mộc Châu Milk như một đơn vị thành viên của Vinamilk. Với bước đi chiến lược này, Vinamilk tiếp tục khẳng định được vị trí dẫn đầu về vùng nguyên liệu sữa tươi và đặt mục tiêu chiến lược xây dựng Mộc Châu thành thủ phủ bò sữa công nghệ cao của Việt Nam, đóng góp cho sự phát triển của ngành sữa nước nhà.



Hợp tác chiến lược với Tập đoàn DuPont (Mỹ) ứng dụng dinh dưỡng chuẩn quốc tế vào sản phẩm Vinamilk

Vinamilk hợp tác với tập đoàn DuPont bổ sung dưỡng chất HMO, một loại dưỡng chất giúp tăng sức đề kháng và bảo vệ lợi khuẩn đường ruột vào sản phẩm Optimum Gold. Đây là một thành quả của sự sáng tạo trong khâu phát triển sản phẩm của Vinamilk nhằm đưa người tiêu dùng Việt Nam đến gần hơn với xu thế của thế giới.



Vinamilk ra mắt sản phẩm Vinamilk Organic Gold đạt tiêu chuẩn hữu cơ Châu Âu và áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc

Đây là sữa bột trẻ em đạt chuẩn Organic Châu Âu đầu tiên được sản xuất tại Việt Nam. Sự kiện ra mắt Vinamilk Organic Gold có sự tham gia của hơn 500 bác sĩ, chuyên gia dinh dưỡng hàng đầu Việt Nam.





SỰ KIẾN TRONG NƯỚC NỔI BẬT



Vinamilk là thương hiệu được chọn mua nhiều nhất ở cả thành thị và nông thôn

Bộ phận Worldpanel thuộc Kantar - tổ chức hàng đầu thế giới về dữ liệu, nghiên cứu và tư vấn - vừa công bố Báo cáo uy tín "Dấu chân thương hiệu 2019" (Brand Footprint). Trong đó, Vinamilk là thương hiệu được chọn mua nhiều nhất trong ngành hàng sữa và sản phẩm từ sữa ở cả thành thị và nông thôn 7 năm liền. Đặc biệt, đây là năm thứ 2 liên tiếp, Vinamilk là thương hiệu được người tiêu dùng chọn mua nhiều nhất trong ngành hàng tiêu dùng nhanh. Báo cáo được thực hiện tại cả 2 khu vực Thành thị (gồm 4 thành phố lớn) và Nông thôn của Việt Nam.



THƯƠNG HIỆU ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG CHỌN MUA NHIỀU NHẤT

Vinamilk dẫn đầu ngành hàng Sữa nước và Sữa bột trẻ em tại Việt Nam

Theo báo cáo từ Nielsen Việt Nam, Vinamilk đang đứng đầu ngành hàng Sữa nước và Sữa bột tại thị trường trong nước về cả sản lượng lẫn doanh số bán ra trong 12 tháng liên tiếp.



ĐỨNG ĐẦU NGÀNH HÀNG Sữa nước & sữa bột



SỐ TRONG DANH SÁCH 50 THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU 2019

Vinamilk là thương hiệu giá trị nhất Việt Nam theo Forbes Việt Nam (2,2 tỷ đô la Mỹ)

Vinamilk tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong danh sách 50 thương hiệu dẫn đầu năm 2019 của Tạp chí Forbes Việt Nam, đây là năm thứ 4 liên tiếp Vinamilk đứng đầu danh sách này.



Vinamilk thuộc Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam (Forbes Việt Nam)

Vinamilk được Forbes đánh giá là Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm thứ 7 liên tiếp. Thành tích này thể hiện nỗ lực của Vinamilk trong việc duy trì mức tăng trưởng doanh thu tốt hàng năm và các hoạt động đầu tư vào các hoạt động phát triển vùng nguyên liệu và cập nhật các công nghệ sản xuất nhằm đem lại các dòng sản phẩm có chất lượng cao, phục vụ cho cộng đồng và nhu cầu của thị trường.



TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG



QUỸ SỮA VƯỜN CAO VIỆT NAM

Năm 2019 là năm thứ 12 trong hành trình trao tặng hơn 35 triệu ly sữa cho gần 441.000 trẻ có hoàn cảnh khó khăn trên mọi miền đất nước của Quỹ sữa Vườn Cao Việt Nam và Vinamilk. Từ khi mới bắt đầu

thành lập, Quỹ sữa Vườn Cao Việt Nam đã mang một sứ mệnh cao cả "Để mọi trẻ em đều được uống sữa mỗi ngày", với mong muốn thế hệ tương lai của đất nước sẽ có cơ hội phát triển tốt hơn cả về thể chất và trí tuệ.



12 năm vì một mục tiêu:
"ĐỂ MỌI TRẺ EM ĐỀU ĐƯỢC
UỐNG SỮA MỖI NGÀY"



Bà Mai Kiều Liên – Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc cùng Quỹ sữa Vườn cao Việt Nam trao tặng sữa cho các em học sinh dân tộc nghèo tỉnh Quảng Ninh.



Mang đến những
trải nghiệm thú vị



Các bác sĩ của Trung tâm Tư vấn Dinh dưỡng Vinamilk khám sức khỏe và tư vấn dinh dưỡng cho các em học sinh tại chương trình do Quỹ sữa Vườn cao Việt Nam tổ chức

Những địa phương được Quỹ sữa Vườn Cao Việt Nam và Vinamilk chọn để trao tặng sữa cho trẻ em đều là những nơi mà đời sống người dân vẫn còn gặp không ít khó khăn, vì vậy việc chăm sóc dinh dưỡng, đặc biệt đối với trẻ em vẫn còn nhiều hạn chế.

Ngoài những ly sữa thơm ngon mà các em sẽ được thụ hưởng, tại các sự kiện Lễ trao tặng sữa của Quỹ sữa Vườn cao Việt Nam tổ chức tại các địa phương, chương trình còn luôn có sự đồng hành của các bác sĩ thuộc Trung tâm Tư vấn Dinh dưỡng Vinamilk tổ chức hoạt động khám sức khỏe và tư vấn dinh dưỡng miễn phí cho các em học sinh.

Đồng thời, các em học sinh tham gia hoạt động trao tặng sữa còn được tham gia vào những sân chơi bổ ích với các hoạt động mang tính sáng tạo và tương tác cao mà Quỹ sữa Vườn cao Việt Nam thiết kế riêng nhằm mang đến cho các em niềm vui trẻ thơ với những trải nghiệm thú vị như chia đội thi ném bóng, thi uống sữa, thầy vòng, v.v.



Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam và Vinamilk trồng cây tại Hà Nội



QUỸ 1 TRIỆU CÂY XANH

Hành trình vì một Việt Nam xanh

"Chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam là một hoạt động vì cộng đồng do Vinamilk khởi xướng và phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức."

Chương trình được thực hiện từ năm 2012 với mục đích trồng thêm nhiều cây xanh cho các địa phương trên khắp cả nước nhằm cải thiện môi trường sống cho người dân Việt Nam. Chương trình tập trung hướng đến các khu vực mà cây xanh đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng như: khu dân cư, khu trường nệm, khu di tích, khu công cộng, các trường học, khu vực bị ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Năm 2019 là năm thứ 8 trong hành trình của Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đem màu xanh phủ dọc chiều dài đất nước.

Trong năm 2019, tổng số cây xanh được trồng là **171 ngàn** cây tại TP. Hà Nội và tỉnh Bình Định. Tính đến nay, Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam đã trồng được **851 ngàn** cây xanh các loại với tổng giá trị **11 tỷ đồng** tại 41 địa điểm của 18 tỉnh thành trên cả nước. Chương trình đang từng bước tiến gần hơn đến mục tiêu trồng được 1 triệu cây xanh cho Việt Nam.



171.000 cây

Tại Hà Nội và Bình Định



851.000 cây

11 tỷ đồng
41 địa điểm
18 tỉnh thành



Các em học sinh thích thú tham gia hoạt động đổi vỏ hộp sữa lấy cây xanh ở chương trình Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam tổ chức tại Hà Nội



Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam và Vinamilk trồng cây tại Bình Định



Các em học sinh chụp hình lưu niệm bên những cây xanh của Quỹ 1 triệu cây xanh cho Việt Nam trao tặng



Chương trình SỮA HỌC ĐƯỜNG (SHĐ)



Vinamilk Sữa học đường



Đơn vị
tiên phong



Năm 2007
đến nay



Hàng trăm triệu
hộp sữa



21 tỉnh, thành

" Vinamilk là đơn vị tiên phong thực hiện thực hiện chương trình Sữa học đường từ năm 2007 cho đến nay. "

Vinamilk là đơn vị tiên phong thực hiện thực hiện chương trình Sữa học đường (SHĐ) từ năm 2007 cho đến nay. Sau 13 năm thực hiện, Vinamilk đã cung cấp hàng trăm triệu hộp SHĐ cho hàng triệu em học sinh mầm non, tiểu học ở các tỉnh, thành như: Bắc Ninh, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bến Tre, Tây Ninh, Đà Nẵng, Vĩnh Long, Bắc Ninh, Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh... nhằm phát triển về thể chất và trí tuệ cho các em.

Hiện Vinamilk cung cấp SHĐ tại 21 tỉnh, thành đang thực hiện chương trình SHĐ trên toàn quốc.



Các cô giáo tại TP.HCM đang thực hành cách gấp vỏ hộp sữa học đường để thuận tiện cho việc thu gom, tái chế



Niềm vui uống sữa học đường của các em học sinh Hà Nội



Thầy cô giáo tham dự các lớp tập huấn sữa học đường để có kiến thức tổ chức, hướng dẫn cho các con uống sữa tại lớp



" Những hoạt động nổi bật trong chương trình SHĐ năm 2019 "

Hành trình khám phá Sữa học đường, từ trang trại đến nhà máy



Điển viên Mạnh Trường và con gái tham quan Resort Bò sữa Vinamilk Tây Ninh, nơi cung cấp nguồn nguyên liệu sữa tươi để sản xuất ra những ly sữa học đường thơm ngon.

Các thầy cô giáo, phụ huynh và các em học sinh tham quan Nhà máy sữa Việt Nam tại Bình Dương, nơi sản xuất sữa học đường được vận hành bởi những công nghệ tự động hàng đầu thế giới



Mùa hè vừa qua, khu "Resort" Bò Sữa Vinamilk tại Tây Ninh và nhà máy Sữa Việt Nam của Vinamilk tại Bình Dương đã chào đón một đoàn khách tham quan đặc biệt - những vị khách sữa học đường "nhí", phụ huynh, giáo viên và gia đình điển viên Mạnh Trường "tận mục sở thị" dây chuyền sản xuất cũng như hành trình kỳ công cho ra đời những hộp sữa học đường chất lượng và giàu dinh dưỡng. Tham gia chương trình, các thầy cô giáo và học sinh đã rất ấn tượng vì được tận mắt khám phá quy trình sản xuất ra hộp sữa học đường mà các con uống mỗi ngày. Đây là những trải nghiệm thực tế mang lại cho các con những kiến thức, những bài học thú vị mang đầy hơi thở cuộc sống mà không sách vở nào có thể mang lại.



Ngày hội Sữa học đường tại Đà Nẵng



Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thịnh và các đại biểu thực hiện nghi thức phát động chương trình sữa học đường cho trẻ em tại ngày hội Sữa học đường Đà Nẵng



Các em học sinh thích thú với các mô hình làm từ vỏ hộp sữa học đường tại ngày hội sữa học đường Đà Nẵng

Nhằm hưởng ứng kỷ niệm 20 năm ngày Sữa học đường thế giới, Vinamilk đã phối hợp với Sở GDĐT TP. Đà Nẵng và Hiệp hội Sữa Việt Nam tổ chức Ngày hội Sữa học đường (SHĐ) cho trẻ em mầm non TP. Đà Nẵng.

Thành phố Đà Nẵng và Ban tổ chức cũng trao giải thưởng và trưng bày các mô hình từ vỏ hộp sữa sau khi sử dụng cho các đơn vị trường mầm non có mô hình đẹp và ý nghĩa nhất tại Đà Nẵng.

Trong chương trình, các em học sinh còn được các Bác sĩ thuộc **Trung tâm Tư vấn Dinh dưỡng Vinamilk** thăm khám và tư vấn dinh dưỡng, tham gia các sân chơi sáng tạo được thiết kế riêng cho các em.



IV. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2021

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2021



Tiếp tục duy trì vị trí số 1 tại thị trường Việt Nam và tiến tới mục tiêu trở thành 1 trong Top 30 Công ty Sữa lớn nhất thế giới về doanh thu, Vinamilk xác định chiến lược phát triển với 3 trụ cột chính được thực thi, bao gồm:

01

Đi đầu trong đổi mới sáng tạo mang tính ứng dụng cao



- ▶ Tập trung vào ngành sữa và các sản phẩm liên quan đến sữa, vốn là ngành kinh doanh cốt lõi tạo nên thương hiệu Vinamilk.
- ▶ Tiếp tục nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới với mục đích cách tân, mở rộng và đa dạng hóa danh mục sản phẩm trên cơ sở phù hợp với thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng; đồng thời mang đến cho người tiêu dùng nhiều trải nghiệm phong phú và tiện lợi.

02

Củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành sữa Việt Nam



- ▶ Ưu tiên tập trung khai thác thị trường nội địa với tiềm năng phát triển còn rất lớn.
- ▶ Đẩy mạnh tập trung vào phân khúc sản phẩm cao cấp với nhiều giá trị gia tăng, đặc biệt ở khu vực thành thị
- ▶ Mở rộng thâm nhập và bao phủ khu vực nông thôn với các dòng sản phẩm phổ thông, nơi tiềm năng tăng trưởng còn rất lớn.
- ▶ Tiếp tục xây dựng hệ thống phân phối nội địa rộng lớn và vững mạnh, gia tăng thị phần và giữ vững vị thế dẫn đầu của Vinamilk trên thị trường.

03

Trở thành công ty sữa tạo ra nhiều giá trị nhất tại Đông Nam Á



- ▶ Sẵn sàng cho các hoạt động M&A và mở rộng mối quan hệ hợp tác mạnh mẽ với các đối tác theo cả ba hướng tích hợp ngang, tích hợp dọc và kết hợp.
- ▶ Ưu tiên tìm kiếm các cơ hội M&A với các công ty sữa tại các quốc gia khác với mục đích mở rộng thị trường và tăng doanh số.
- ▶ Tiếp tục thâm nhập các thị trường xuất khẩu mới với chiến lược chuyển đổi mô hình xuất khẩu hàng hóa truyền thống sang các hình thức hợp tác sâu với các đối tác phân phối tại các thị trường trọng điểm mới.

MỤC TIÊU NĂM 2020

DOANH THU HỢP NHẤT KHÔNG THẤP HƠN



62.000 TỶ ĐỒNG

TỶ SUẤT LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ TRÊN DOANH THU KHÔNG THẤP HƠN



20%





V.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

5.1 Báo cáo Quản trị công ty 110

5.2 Báo cáo Quản trị rủi ro 124

5.1 BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cập nhật thay đổi tài liệu về quản trị công ty:

Vinamilk tuân thủ các nguyên tắc quản trị công ty tốt nhất và thực hiện công việc kinh doanh phù hợp với các luật, quy tắc và quy định hiện hành, bao gồm Quy chế niêm yết ("Quy chế niêm yết") của Ủy ban chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE"). Bên cạnh đó, Vinamilk đã vận dụng và thực hành theo các nguyên tắc và hướng dẫn của Quy định Quản trị Công ty do Sở Giao dịch chứng khoán Singapore phát hành trong phạm vi có thể. Điều này phù hợp với các thông lệ tốt nhất về quản trị công ty được chấp nhận rộng rãi trên thế giới.

Từ tháng 9/2019, Vinamilk đã sử dụng tài liệu "**Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất**" do UBCKNN và IFC phát hành tháng 8/2019. HĐQT Công ty đã có báo cáo đánh giá công tác quản trị hiện tại so với tài liệu này như phía dưới. Theo đó, HĐQT đánh giá nội dung thực hành quản trị của Vinamilk đáp ứng khá tốt với Bộ Nguyên Tắc Quản Trị này.

Mục	Nội dung	Khuyến nghị	Đáp ứng	Tỷ trọng (%)
1	Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị	94	77	81,9%
2	Môi trường kiểm soát	25	23	92,0%
3	Công bố thông tin và Minh bạch	16	10	62,5%
4	Quyền của cổ đông	28	23	82,1%
5	Quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan	7	5	71,4%
	Tổng cộng	170	138	81,2%



HĐQT Vinamilk cam kết sẽ tiếp tục nghiên cứu và từng bước áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất được khuyến nghị trong tài liệu này.

Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt nhất đã được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và quý nhà đầu tư có thể tham khảo tài liệu này tại:

https://viod.vn/wp-content/uploads/2019/08/Vietnam-CG-Code-of-Best-practices_v1.0_EV.pdf

Do đó, trong nội dung Báo cáo Quản trị công ty được trình bày trong báo cáo thường niên này, chúng tôi xin phép chỉ trình bày các nội dung cốt lõi với các thông tin cụ thể mà theo yêu cầu hoặc theo thông lệ cần được công bố cho nhà đầu tư và các bên liên quan như sau:

A. TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

NGUYÊN TẮC 1: THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT

Tại Vinamilk, Hội đồng Quản trị luôn hành động trên cơ sở có đầy đủ thông tin vì lợi ích cao nhất và lâu dài của Công ty, một cách có thiện ý, miễn cán và cẩn trọng, và vì lợi ích của tất cả các cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của Công ty.

1.1.1. Tại Vinamilk, vai trò và trách nhiệm của HĐQT được cụ thể hóa trong Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị của Công ty đã được ban hành và công bố trên website của Công ty tại địa chỉ:

<https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>

Các thông tin chính của Công ty đã công bố trên website nêu trên như:

- ▶ Sơ đồ Tổ chức;
- ▶ Điều lệ Hoạt động;
- ▶ Quy chế Quản trị Nội bộ;
- ▶ Quy tắc Ứng xử

1.1.2. HĐQT xem xét và phê duyệt định hướng chiến lược của Công ty, chính sách quản lý rủi ro, kế hoạch kinh doanh hàng năm, các khoản đầu tư lớn có giá trị từ 100 tỷ trở lên hoặc tất cả các dự án đầu tư ra bên ngoài mà có hình thành công ty liên doanh, liên kết, công ty con của Vinamilk (bao gồm các hoạt động M&A). HĐQT cũng giám sát các hoạt động đầu tư này bằng cách ban hành quy chế đánh giá hiệu quả sau đầu tư, cũng như quyết định việc thoái vốn của tại các khoản đầu tư ra bên ngoài này.

1.1.3. HĐQT đã và đang thể hiện tốt vai trò giám sát Công ty trong việc theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, việc tuân thủ pháp luật hiện hành của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng đặc biệt quan tâm đến chính sách phát triển bền vững của Công ty và các hoạt động bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội của Công ty. Tất cả các nội dung này đều được Ban Điều hành báo cho HĐQT. Trong đó, Công ty đã lập báo cáo phát triển bền vững từ năm 2012 và chính thức được kiểm toán bởi đơn vị tư vấn độc lập bên ngoài từ năm 2016 để tăng tính chính xác, độc lập, khách quan và tin cậy của báo cáo đến người đọc. Vui lòng xem các báo cáo phát triển bền vững gần nhất của Công ty tại địa chỉ: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/tin-tuc-phat-trien-ben-vung>

1.1.4. Tất cả các thành viên HĐQT đều chủ động tham gia giám sát hoạt động của Công ty, tham gia thảo luận tại các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc thông qua các lần lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đều được khuyến khích đề xuất, kiến nghị bất kỳ lúc nào thấy cần thiết cho Công ty và không có giới hạn về mặt không gian, thời gian và nội dung thảo luận. Các tài liệu họp phải được Công ty gửi đến các thành viên HĐQT tối thiểu 7 ngày trước ngày họp.

1.1.5. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT của Công ty trong năm. Trong trường hợp có thành viên nào không tham dự họp được thì phải có thông báo gửi cho HĐQT và nêu lý do cụ thể. Biên bản họp đều được gửi tới tất cả thành viên HĐQT để ghi nhận lại tất cả nội dung đã họp. Trong năm 2019, HĐQT của Vinamilk có các cuộc họp như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	26/04/2013	4/4	100%	
2	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên	23/03/2012	4/4	100%	
3	Ông Alain Xavier Cany	Thành viên	31/03/2018	4/4	100%	

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
4	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên	15/04/2017	3/4	75%	(*)
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
6	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
7	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên	15/04/2017	4/4	100%	
8	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên	15/04/2017	3/4	75%	(*)
9	Ông Lee Meng Tat	Thành viên	01/09/2016	4/4	100%	
10	Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên	31/03/2018	2/4	50%	(**)

(*) Vắng có lý do

(**) Ông Thành thôi là thành viên HĐQT từ tháng 8/2019

1.4. Kế hoạch nhân sự kế thừa:

Với sự tư vấn của tập đoàn tư vấn nhân sự hàng đầu thế giới đến từ Mỹ, Công ty đã triển khai chương trình Kế hoạch Nhân sự Kế thừa cho Công ty từ nhiều năm nay và sẵn sàng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

HĐQT cam kết việc giám sát và thực hiện chính sách của Công ty một cách nghiêm túc, khách quan và minh bạch. Chính sách này bao gồm việc tìm kiếm, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa ở cấp Ban Điều hành và cấp quản lý chủ chốt khác của Công ty.

NGUYÊN TẮC 2: THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP

Vinamilk đã và đang duy trì một HĐQT chuyên nghiệp, khách quan, hoạt động rất hiệu quả với vai trò bảo đảm lợi nhuận và sự bền vững của Công ty, vì lợi ích cao nhất của Công ty và toàn bộ cổ đông của Công ty.

Căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-CTS.ĐHĐCĐ/2018, ngày 31/3/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thì cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2020 của Vinamilk gồm 11 thành viên và theo mô hình không có Ban Kiểm soát. HĐQT hiện tại của Vinamilk gồm:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1.	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch, thành viên độc lập
2.	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên điều hành
3.	Ông Alain Xavier Cany	Thành viên không điều hành
4.	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên độc lập
5.	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên không điều hành
6.	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên độc lập
7.	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên không điều hành
8.	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên điều hành
9.	Ông Lee Meng Tat	Thành viên không điều hành
10.	Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên không điều hành (đã từ nhiệm tháng 8/2019)

Như vậy, HĐQT đang còn khuyết 02 thành viên do có một thành viên xin từ nhiệm trong năm 2019 và do Công ty chưa tìm được ứng viên phù hợp cho vị trí thành viên độc lập còn lại.

Nguyên tắc 2.1: Tập thể HĐQT của Công ty sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng và phù hợp để đóng vai trò chèo lái và giám sát Công ty hiệu quả. Vui lòng xem thông tin giới thiệu từng thành viên HĐQT trong báo cáo này từ trang 28 đến trang 33.

2.1.1. Theo đánh giá của Công ty, HĐQT của Vinamilk đã hội đủ các điều kiện về năng lực và chuyên nghiệp như sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm quản trị, điều hành tại doanh nghiệp và phù hợp với yêu cầu của Công ty.

2.1.2. Việc giới thiệu ứng viên để bầu bổ sung, bầu mới thành viên HĐQT cũng được Tiểu ban Nhân sự trực thuộc HĐQT xem xét cẩn trọng theo quy trình lựa chọn ứng viên thành viên HĐQT trước khi trình HĐQT xem xét và đưa vào chương trình bầu cử của ĐHĐCĐ của Công ty theo quy trình đã được ban hành và đang áp dụng tại Công ty.

2.1.3. HĐQT của Vinamilk hiện nay có 03 thành viên là nữ, chiếm 33,3% tổng số thành viên HĐQT đương nhiệm. Điều này thể hiện sự đa dạng về giới trong HĐQT.

Nguyên tắc 2.2: HĐQT của Vinamilk hiện nay bao gồm 2 thành viên điều hành và 7 thành viên không điều hành. Các thành viên không điều hành có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của Công ty và bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.

Nguyên tắc 2.3: HĐQT đã bổ nhiệm Ban Thư ký Công ty gồm 03 người. Ban Thư ký là bộ phận chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề có liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT. Ngoài ra, Ban Thư ký được HĐQT giao nhiệm vụ phụ trách nội dung quản trị cho Công ty. Ban Thư ký gồm:

Stt	Họ và tên	Chức vụ tại Vinamilk
1	Ông Trần Chí Sơn	Trưởng Bộ phận Tài chính
2	Bà Lê Quang Thanh Trúc	Giám đốc Phòng Quản lý các chi nhánh nước ngoài
3	Ông Nguyễn Trung	Giám đốc Điều Vận

Tất cả các thành viên Ban Thư ký đều đã được đào tạo và cấp chứng chỉ Quản trị Công ty. Vui lòng xem thông tin giới thiệu của Ban Thư ký trong báo cáo này từ trang 38 đến trang 39.



Nguyên tắc 2.4: Tất cả các thành viên HĐQT đã tham gia khóa đào tạo Quản trị Công ty trong nước và trong khu vực. Trong đó, có 03 thành viên gồm Bà Đặng Thị Thu Hà, Ông Đỗ Lê Hùng và ông Lê Thành Liêm đã tham gia khóa đào tạo Quản trị tiên tiến do VIOD tổ chức trong năm 2019. Ngoài ra, các thành viên HĐQT sau đây cũng là hội viên của VIOD năm 2019:

- Bà Lê Thị Băng Tâm
- Bà Mai Kiều Liên
- Ông Đỗ Lê Hùng
- Ông Lê Thành Liêm

NGUYÊN TẮC 3: BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT

Nguyên tắc 3.1: HĐQT của Vinamilk hiện có 03 thành viên độc lập, chiếm tỷ lệ 1/3 tổng số thành viên HĐQT. Các thành viên độc lập gồm có: Bà Lê Thị Băng Tâm, Ông Nguyễn Bá Dương và Ông Đỗ Lê Hùng. Thành viên HĐQT độc lập tại Vinamilk có năng lực để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả thành viên HĐQT và sự liên chính của hệ thống quản trị tại Vinamilk.

Nguyên tắc 3.2: Tất cả 03 thành viên HĐQT độc lập tại Vinamilk chỉ mới tham gia HĐQT với thời gian không quá 5 năm. Ngoài ra, cả 03 thành viên HĐQT độc lập này đều đứng đầu các Tiểu ban trực thuộc HĐQT như được trình bày tại Nguyên tắc 4 dưới đây.

Nguyên tắc 3.3: Chủ tịch HĐQT (Bà Lê Thị Băng Tâm) là thành viên HĐQT độc lập.

NGUYÊN TẮC 4: THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Tại Vinamilk, HĐQT đã thành lập 04 ủy ban chuyên trách thuộc HĐQT như sau:

- ▶ Tiểu ban Kiểm toán
- ▶ Tiểu ban Nhân sự
- ▶ Tiểu ban Lương thưởng
- ▶ Tiểu ban Chiến lược

Việc thành lập các tiểu ban này để hỗ trợ HĐQT trong việc thực hiện các trách nhiệm cụ thể và thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát của mình. HĐQT cũng đã xác lập các giới hạn cho phép và phê duyệt tài chính cho chi tiêu hoạt động và chi tiêu đầu tư, mua sắm hàng hoá và dịch vụ, và nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đã phân cấp rõ ràng cho các Tiểu ban HĐQT liên quan xem xét và phê duyệt các giao dịch nằm trong những giới hạn nói trên. Ngoài những vấn đề đặc biệt đòi hỏi sự chấp thuận của HĐQT, HĐQT cũng chịu trách nhiệm về việc xem xét và phê duyệt ngân sách hàng năm, các kế hoạch tài chính, báo cáo tài chính, chiến lược kinh doanh và các giao dịch quan trọng, như các hoạt động mua bán sát nhập, thoái vốn, các đề xuất tài trợ và đầu tư, và cũng có trách nhiệm xem xét và phê duyệt các giao dịch vượt quá ngưỡng giới hạn nhất định.

Để giải quyết và quản lý các xung đột lợi ích có thể xảy ra liên quan đến lợi ích của các thành viên HĐQT và Công ty, các thành viên HĐQT không phải bỏ phiếu cho bất kỳ vấn đề nào mà họ có lợi ích hoặc xung đột trong đó.

TIỂU BAN CHIẾN LƯỢC

HĐQT thành lập Tiểu ban Chiến lược ("TBCL"). TBCL bao gồm bốn thành viên, cụ thể là bà Mai Kiều Liên, ông Nguyễn Bá Dương, ông Lee Meng Tat và **ông Nguyễn Chí Thành (từ nhiệm tháng 8/2019 và chưa bầu bổ sung)**. Người đứng đầu Tiểu ban Chiến lược là bà Mai Kiều Liên.

TBCL chịu trách nhiệm chính trong việc soạn thảo và đề xuất chiến lược kinh doanh của Công ty lên HĐQT: bao gồm (1) phê chuẩn tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược dài hạn; (2) giám sát việc lập, triển khai và thực thi chiến lược; (3) phụ trách định hướng về phát triển bền vững và có trách nhiệm; (4) phụ trách lĩnh vực báo cáo tích hợp; và (5) phụ trách lĩnh vực quan hệ với các bên liên quan.



TIỂU BAN KIỂM TOÁN

HĐQT thành lập Tiểu ban Kiểm toán ("TBKT") và xác định năng lực của các thành viên, thẩm quyền và trách nhiệm của Tiểu ban trong Điều lệ Tiểu ban Kiểm toán. TBKT bao gồm bốn thành viên HĐQT, cụ thể là ông Michael Chye Hin Fah, bà Đặng Thị Thu Hà, ông Đỗ Lê Hùng và ông Lê Thành Liêm. Ông Đỗ Lê Hùng, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBKT.

TBKT chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính để đảm bảo tính trung thực của báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, các giao dịch liên kết, các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích, phạm vi và kết quả của kiểm toán độc lập, cũng như xem xét lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho Công ty và các công ty con.

TBKT thực hiện chức năng quản lý rủi ro và giám sát tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ cho toàn Công ty và báo cáo cho HĐQT theo định kỳ hàng quý.

Vui lòng xem báo cáo của TBKT về việc thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của TBKT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 tại trang 64 của báo cáo này.



TIỂU BAN NHÂN SỰ

HĐQT thành lập Tiểu ban Nhân sự ("TBNS"). TBNS gồm có bà Lê Thị Băng Tâm, bà Mai Kiều Liên, ông Lee Meng Tat và ông Nguyễn Chí Thành (từ nhiệm tháng 8/2019 và chưa bầu bổ sung). Bà Lê Thị Băng Tâm, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBNS.

TBNS chịu trách nhiệm chính trong việc xác định tiêu chuẩn và lựa chọn những người phù hợp để được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT và cán bộ quản lý chủ chốt, xây dựng các quy trình và hướng dẫn cho công tác lựa chọn đó nhằm duy trì sự minh bạch, thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của pháp luật và Quy chế niêm yết cũng như bất kỳ sửa đổi nào được thực hiện theo đó và các mệnh lệnh của các cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của TBNS, xem xét việc đề cử tái bổ nhiệm của thành viên HĐQT và giúp HĐQT trong việc quyết định và xem xét lại tính độc lập của các thành viên HĐQT độc lập ít nhất mỗi năm.

TBNS chịu trách nhiệm giám sát việc triển khai chương trình nhân sự kế thừa theo Nguyên tắc số 1.4 về Quản trị Công ty như đã trình bày.

TIỂU BAN LƯƠNG THƯỞNG

HĐQT thành lập Tiểu ban Lương thưởng ("TBLT"). TBLT bao gồm bốn thành viên, cụ thể là ông Nguyễn Bá Dương, ông Michael Chye Hin Fah, bà Đặng Thị Thu Hà và bà Lê Thị Băng Tâm. Ông Nguyễn Bá Dương, thành viên HĐQT độc lập, làm Trưởng TBLT.

TBLT chủ yếu chịu trách nhiệm về:

- ▶ Xây dựng các chính sách và hướng dẫn trong việc xác định lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành cũng như rà soát, sửa đổi, tu chỉnh hoặc thu hồi các quy trình và quy định về thù lao của các thành viên HĐQT để được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên thông qua;
- ▶ Xem xét và đánh giá mức lương, thưởng và thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành và đề xuất với HĐQT;
- ▶ Đề xuất với HĐQT một khuôn khổ và các tiêu chuẩn lương, thưởng và thù lao cho các thành viên HĐQT và Ban Điều hành;
- ▶ Đề xuất lương, thưởng và thù lao cụ thể cho từng thành viên HĐQT và Giám đốc Điều hành.

NGUYÊN TẮC 5: BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT

Vinamilk thực hiện thước đo tốt nhất về hiệu quả của HĐQT là thông qua quy trình đánh giá HĐQT. Tất cả các thành viên HĐQT đều được đánh giá ít nhất một lần trong năm để thẩm định kết quả công việc của mình với vai trò một chủ thể quản trị cũng như hiệu quả hoạt động của HĐQT nói chung để có những điều chỉnh phù hợp.

Nguyên tắc 5.1: Hằng năm, HĐQT đều có thực hiện việc đánh giá kết quả hoạt động của từng tiểu ban bằng cách mỗi tiểu ban tự đánh giá. Sau đó, HĐQT sẽ họp chính thức để đánh giá chung hoạt động của từng tiểu ban và cả HĐQT trong năm. Việc đánh giá hoạt động của từng thành viên sẽ được HĐQT cân nhắc và xem xét áp dụng trong thời gian thích hợp sau này.

Nguyên tắc 5.2: Việc đánh giá thành viên HĐQT đều được thực hiện thông qua quy trình được ban hành với các tiêu chí đánh giá được quy định rõ ràng và soát xét cẩn trọng nhằm xác định hiệu quả công việc, đóng góp công sức của từng thành viên và các tiểu ban trực thuộc HĐQT một cách chính xác, đầy đủ và khách quan.

Nguyên tắc 5.3: Thù lao cho HĐQT năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt. Mức thù lao thực chi trả cho từng thành viên sẽ do Tiểu ban Lương thưởng đề xuất cho HĐQT xét duyệt dựa trên vai trò, nhiệm vụ, kết quả hoạt động của từng cá nhân và của Công ty trong năm, và tạo động lực để HĐQT lãnh đạo Công ty đạt được cả mục tiêu ngắn hạn và dài hạn.

- Chi tiết thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành (bao gồm những người nắm giữ vị trí điều hành) của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vào các loại sau: (1) Lương; (2) Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty; (3) Thù lao HĐQT. Công ty đã công bố mức thù lao của họ như mô tả dưới đây.

Thành viên HĐQT	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty	Thù lao HĐQT
Thành viên điều hành			
Bà Mai Kiều Liên	29%	64%	7%
Ông Lê Thành Liêm	48%	38%	14%
Thành viên không điều hành			
Bà Lê Thị Băng Tâm	-	-	100%
Ông Alain Xavier Cany	-	-	100%
Ông Nguyễn Bá Dương	-	-	100%
Ông Michael Chye Hin Fah	-	-	100%
Bà Đặng Thị Thu Hà	-	-	100%
Ông Đỗ Lê Hùng	-	-	100%
Ông Lee Meng Tat	-	-	100%
Ông Nguyễn Chí Thành (1)	-	-	100%

Ghi chú: (1) Thành viên này từ nhiệm chính thức từ tháng 8/2019.

Giám đốc Điều hành	Lương	Tiền thưởng dựa trên kết quả hoạt động của Công ty
Ông Mai Hoài Anh	49%	51%
Ông Trịnh Quốc Dũng	51%	49%
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	50%	50%
Bà Bùi Thị Hương	53%	47%
Ông Nguyễn Quốc Khánh	51%	49%
Ông Phan Minh Tiên	53%	47%
Ông Trần Minh Văn	54%	46%

NGUYÊN TẮC 6: THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HOÁ ĐẠO ĐỨC CÔNG TY

Vinamilk đã ban hành Bộ Quy Tắc Ứng Xử vào tháng 01/2010 và áp dụng cho tất cả thành viên HĐQT, Ban Điều hành cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty.

Nguyên tắc 6.1: Tiểu ban Nhân sự giám sát để bảo đảm việc áp dụng Bộ Quy Tắc Ứng Xử nhằm thiết lập một văn hoá kinh doanh với chuẩn mực cao trong toàn Công ty. Bộ Quy Tắc Ứng Xử này cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, cũng như làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy Tắc Ứng Xử đã được phổ biến phù hợp cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và nhân viên (bao gồm cả các công ty con của Vinamilk) và được công bố công khai trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>

Nguyên tắc 6.2: HĐQT bảo đảm triển khai phù hợp và hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy Tắc Ứng Xử này xuyên suốt trong quá trình hoạt động của Công ty. Khuyến khích việc áp dụng Bộ Quy Tắc Ứng Xử này xuống tất cả các công ty con, liên kết của Vinamilk.

Nguyên tắc 6.3: HĐQT là đầu mối và chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của công ty, và việc mang lại giá trị bền vững cho các bên có quyền lợi liên quan của công ty. HĐQT luôn là tấm gương cho Ban Điều hành và nhân viên trong Công ty.



B. MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT

NGUYÊN TẮC 7: THIẾT LẬP CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH

HĐQT đã thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ và chính sách quản lý rủi ro một cách hiệu quả. HĐQT chịu trách nhiệm tối hậu đối với chính sách quản lý rủi ro của Công ty và giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. HĐQT thành lập Tiểu ban Kiểm toán, Phòng Kiểm toán Nội bộ và Phòng Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro để kiểm soát và giám sát hoạt động của các bộ phận này.

Nguyên tắc 7.1: HĐQT đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát và giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều phải được Ban Điều hành và HĐQT xem xét tới yếu tố rủi ro có liên quan.

Vui lòng xem Báo cáo Quản trị Rủi ro được trình bày tại trang 124 của báo cáo này.

Nguyên tắc 7.2: HĐQT đã thành lập chức năng kiểm toán nội bộ để có đảm bảo khách quan và tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị và cải tiến hoạt động của Công ty, gồm:

- ▶ Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT (đã được trình bày tại Nguyên tắc 4);
- ▶ Phòng Kiểm toán Nội bộ;



- Trong đó, Tiểu ban Kiểm toán quản lý và chỉ đạo trực tiếp về mặt chuyên môn đối với Phòng Kiểm toán Nội bộ này.

- Công ty thành lập Phòng KTNB làm đơn vị độc lập để hỗ trợ HĐQT thông qua TBKT bằng cách đánh giá và nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình quản trị. Về vấn đề này, TBKT sẽ thông qua việc bổ nhiệm, cách chức, chuyển chuyển và miễn nhiệm Giám đốc KTNB với sự tham vấn của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá hoạt động của Giám đốc KTNB. Thù lao của Giám đốc KTNB được xác định dựa trên năng lực, kinh nghiệm và sự phù hợp với các chính sách thù lao của Công ty, với sự chấp thuận của TBKT và phê duyệt của Tổng Giám đốc. Giám đốc KTNB báo cáo trực tiếp với TBKT và trực thuộc Tổng Giám đốc về mặt chức năng. Cơ cấu tổ chức và các mối quan hệ báo cáo này cho phép KTNB thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm một cách khách quan và độc lập. KTNB được phép tiếp cận với các tài liệu, hồ sơ, tài sản và nhân sự của Công ty nhằm thực hiện nhiệm vụ của mình, bao gồm cả việc tiếp cận TBKT. KTNB áp dụng phương pháp kiểm toán dựa trên rủi ro để xây dựng kế hoạch kiểm toán nhằm đảm bảo hoạt động kiểm toán phù hợp với những rủi ro chính của Vinamilk. Dựa trên các đánh giá rủi ro được thực hiện, sẽ quyết định tập trung nhiều hơn và xác định định kỳ soát xét thích hợp cho các hoạt động có nguy cơ cao và kiểm soát nội bộ quan trọng, bao gồm việc tuân thủ các chính sách, quy trình và trách nhiệm pháp lý của Công ty.



- Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, KTNB đã tiến hành kiểm toán như đã trình bày chi tiết trong kế hoạch kiểm toán nội bộ đã đệ trình và phê duyệt bởi TBKT. Các phát hiện và kiến nghị của KTNB về các điểm cần cải tiến đã được báo cáo cho Ban Điều hành thực hiện. Mỗi quý, KTNB đệ trình lên TBKT báo cáo về tình hình kế hoạch kiểm toán và kết quả kiểm toán và các hoạt động do Ban Điều hành thực hiện. Những phát hiện chính đã được nhấn mạnh tại các cuộc họp TBKT để thảo luận và thực hiện. TBKT giám sát việc thực hiện kịp thời và đúng đắn các biện pháp khắc phục, phòng ngừa hoặc cải tiến hành động cần thiết của Ban Điều hành. Để đảm bảo hoạt động kiểm toán nội bộ được thực hiện có hiệu quả, KTNB tuyển dụng và sử dụng nhân viên có trình độ phù hợp với những kỹ năng và kinh nghiệm cần thiết. Các nhân viên này được đào tạo và trao cơ hội phát triển để cập nhật kiến thức chuyên môn và kỹ năng kiểm toán. Ngoài ra, Vinamilk khuyến khích và hỗ trợ họ nâng cao trình độ chuyên môn để có thể trở thành những kiểm toán viên nội bộ được chứng nhận hoặc đạt được những chứng chỉ chuyên môn khác có liên quan. TBKT hàng năm sẽ đánh giá hiệu quả hoạt động của KTNB để đảm bảo rằng KTNB có đủ nguồn lực và vị trí phù hợp trong Công ty để thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả.

Nguyên tắc 7.3: HĐQT cũng đã thành lập một chức năng tuân thủ, Phòng Kiểm soát Nội bộ và Quản lý Rủi ro, như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí và quyền hạn cần thiết.

- ▶ HĐQT công nhận trách nhiệm đảm bảo một hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ khoản đầu tư của các cổ đông và tài sản của Công ty. Về mặt này, Tiểu ban Kiểm toán, trong đó mỗi thành viên của Tiểu ban giám sát các khu vực khác nhau để đảm bảo tính đầy đủ và hiệu quả của các kiểm soát tài chính, vận hành, tuân thủ và công nghệ thông tin, bao gồm quản lý rủi ro có hệ thống thông qua việc xác định chủ thể cấu trúc, chiến lược và rủi ro, theo dõi kết quả quản lý rủi ro.
- ▶ Để hỗ trợ việc tuân thủ luật pháp và các quy định hiện hành, HĐQT cũng đã xây dựng các hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả để giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc 7.4: Nhận định được tầm quan trọng của công nghệ thông tin đối với hoạt động kinh doanh của Công ty, HĐQT đã thiết lập phù hợp và giám sát sự vận hành hiệu quả của chính sách quản lý an ninh mạng trong nhiều năm qua. Chính sách an ninh mạng mà Vinamilk thiết lập và đang áp dụng là một phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý rủi ro tổng thể của Công ty.

Nguyên tắc 7.5: HĐQT đã thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.

- ▶ Khi thực hiện nhiệm vụ lựa chọn kiểm toán độc lập của Công ty, TBKT xem xét năng lực, trình độ chuyên môn của ứng viên kiểm toán độc lập, thành tích được công nhận trong quá khứ và tính độc lập trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán mà không có quan hệ hay lợi ích với Công ty, bao gồm các dịch vụ phi kiểm toán sẽ ảnh hưởng đến tính độc lập của kiểm toán viên. Quy trình đấu thầu lựa chọn công ty kiểm toán đã được triển khai tại Công ty với tính chuyên nghiệp, công khai và minh bạch cao
- ▶ Theo ủy quyền của ĐHCĐ, HĐQT chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG) là đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2019.
- ▶ TBKT họp định kỳ với đơn vị kiểm toán độc lập hàng quý trước khi công bố báo cáo tài chính quý. Trong các cuộc họp này, TBKT sẽ xem xét tất cả các nội dung liên quan đến báo cáo tài chính, các khuyến nghị của đơn vị kiểm toán độc lập (nếu có).
- ▶ Tổng các chi phí dịch vụ phi kiểm toán phát sinh trong 2019 chỉ chiếm 32% mức phí trả cho dịch vụ kiểm toán trong năm.

C. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

NGUYÊN TẮC 8: TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

HĐQT cam kết và bảo đảm truyền thông đầy đủ với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý và công chúng bằng việc thực hiện chính sách công bố thông tin minh bạch và hiệu quả.

Nguyên tắc 8.1: Vinamilk đã ban hành Quy chế Công bố thông tin và áp dụng từ năm 2018. Theo đó, Công ty cam kết luôn tuân thủ việc minh bạch và công bằng trong việc công bố thông tin đến tất cả các cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

- ▶ Tổng Giám đốc là người công bố thông tin của Công ty và trong năm Công ty không có vi phạm pháp luật về công bố thông tin;
- ▶ Tất cả nội dung công bố thông tin khi gửi ra bên ngoài công ty thì cũng được gửi đồng thời đến tất cả thành viên HĐQT, bộ phận phụ trách quản trị công ty và các phòng chức năng có liên quan để giám sát việc công bố thông tin này;

Nguyên tắc 8.2: Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả và tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, Vinamilk luôn bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng và không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng các công cụ truyền thông đa dạng. Ngoài ra, Vinamilk có bộ phận chuyên trách về công tác quan hệ nhà đầu tư luôn sẵn sàng tiếp đón cổ đông và nhà đầu tư như dưới đây.

- ▶ Vinamilk cam kết luôn công bố thông tin song ngữ (Tiếng Việt và Tiếng Anh) để cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài có thể cập nhật được thông tin nhanh nhất thuận tiện nhất.
- ▶ Vinamilk duy trì kênh công bố thông tin bằng nhiều hình thức như:
 - Trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/thong-bao-co-dong>
 - Trên website của HOSE tại: <https://www.hsx.vn/Modules/Listed/Web/SymbolView/128>
 - Trên các phương tiện truyền thông đại chúng
 - Thông qua Ban quan hệ nhà đầu tư (IR) của Công ty như sau:
 - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
 - 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
 - Trang quan hệ cổ đông: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/lien-he-thong-tin-co-dong>
 - Hoặc Ông **Đông Quang Trung** – Trưởng ban IR
 - Email: dqtrung@vinamilk.com.vn
 - Tel: (+84 – 28) 541 55555, Số nội bộ: 108247
- ▶ Vinamilk chủ động tham gia các hội nghị, các cuộc gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước để thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nguyên tắc 8.3: HĐQT cam kết bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính một cách tốt nhất có thể, bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội. Vui lòng xem nội dung đã trình bày tại Nguyên tắc 1.1.3 của báo cáo này.



D. CÁC QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

NGUYÊN TẮC 9: THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

HĐQT cần phải bảo vệ các quyền của cổ đông và bảo đảm đối xử công bằng với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và nước ngoài.

Nguyên tắc 9.1: Quyền của cổ đông:

- ▶ Công ty công nhận và coi trọng quyền của các cổ đông, chủ sở hữu của Công ty, bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.
- ▶ Công ty đã đảm bảo đối xử công bằng và phù hợp đối với từng cổ đông thông qua việc công bố thông tin chính xác, minh bạch và kịp thời. Công ty chú trọng đến tính đầy đủ của việc công bố thông tin để các cổ đông có thể đưa ra những quyết định có căn cứ tại cuộc họp cổ đông, bao gồm việc bỏ phiếu và bày tỏ ý kiến về những thay đổi đáng kể và bầu cử các thành viên HĐQT dựa trên những thông tin chính xác, đầy đủ, minh bạch, và được chia sẻ một cách công bằng.
- ▶ Quyền của cổ đông cũng được Điều lệ của Công ty quy định cách rõ ràng và được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Ngoài ra, HĐQT cũng giám sát chặt chẽ các nội dung này. Chi tiết về quyền của cổ đông trong Điều lệ Công ty được công bố trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>

Nguyên tắc 9.2: HĐQT hàng năm đều có tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hiệu quả.

- ▶ Các cuộc họp ĐHĐCĐ được tổ chức phù hợp với chương trình nghị sự đã đề cập trong thư mời dự họp có liên quan. Công ty gửi đến các cổ đông đầy đủ thông tin mời họp cổ đông, bao gồm các tài liệu đính kèm, có đầy đủ thông tin liên quan đến cuộc họp. Công ty cũng niêm yết các thông tin liên quan đến cuộc họp trên website của HOSE và Vinamilk để các cổ đông có thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng các thông tin này. Ngoài ra, ít nhất mười ngày trước ngày họp, thông báo về cuộc họp của cổ đông và tập họp đầy đủ các tài liệu họp sẽ được công khai trên website của Vinamilk nhằm cung cấp cho các cổ đông đủ thời gian để chuẩn bị dự họp theo yêu cầu của luật pháp và quy định có liên quan.
- ▶ Chủ tịch HĐQT, các Trưởng TBKT, TBLT, TBCL và TBNS, và các thành viên HĐQT điều hành thường có mặt và sẵn sàng để giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại các cuộc họp này. Kiểm toán độc lập của chúng tôi là Công ty TNHH KPMG Việt Nam cũng có mặt để giải quyết các yêu cầu của cổ đông về việc tiến hành kiểm toán và việc soạn thảo và nội dung báo cáo kiểm toán độc lập. Trong cuộc họp, Chủ tịch HĐQT cho phép các cổ đông đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến cũng như đưa ra khuyến nghị một cách bình đẳng.
- ▶ Trong ĐHĐCĐ năm 2019, Công ty đã mời đại diện của Phòng Kiểm toán nội bộ, Phòng Kiểm soát và Quản lý Rủi ro làm thành viên Ban kiểm phiếu và mời một đại diện của các cổ đông để chứng kiến việc kiểm phiếu với tư cách người giám sát độc lập.
- ▶ Chủ tịch HĐQT, Ban Điều hành cũng trả lời các câu hỏi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của các cổ đông. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được ghi chép chính xác, đầy đủ kịp thời theo quy định của pháp luật và được công bố kèm theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho HOSE, SSC và niêm yết trên website của Vinamilk trong vòng 24 giờ sau cuộc họp ĐHĐCĐ.
- ▶ Cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2019 được tổ chức vào ngày 19/04/2019. Tất cả các tài liệu liên quan đến các cuộc họp ĐHĐCĐ không chỉ trong năm 2019 mà còn từ những năm trước được lưu giữ trên website của Vinamilk bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để giúp các cổ đông có thể truy cập bất cứ lúc nào tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/dai-hoi-dong-co-dong>

Nguyên tắc 9.3: Thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán.

- ▶ Chính sách cổ tức của Vinamilk đều được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm phê duyệt căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Thông thường, Vinamilk sẽ thanh toán cổ tức cho cổ đông thành 03 (ba) đợt.

- ▶ ĐHĐCĐ thường niên phê chuẩn chính sách cổ tức bằng tiền của năm tài chính 2019 tối thiểu là 50% lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Trong đó:

- Tạm ứng đợt 1/2019: 2.000 đồng/cổ phần. Thanh toán trong tháng 9/2019.
- Tạm ứng đợt 2/2019: 1.000 đồng/cổ phần. Thanh toán trong tháng 2/2020.
- Thanh toán cổ tức còn lại của năm 2019: Do ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 quyết định.

Cổ tức của năm tài chính 2018: Tổng cổ tức của năm tài chính 2018 đã được ĐHĐCĐ thường niên 2018 phê duyệt là 7.256 tỷ đồng, tương đương 71% lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Công ty.

Cổ tức của năm tài chính 2019: Công ty đã thanh toán cổ tức cho cổ đông đúng theo nội dung nghị quyết đã nêu trên với tổng số tiền là 5.224 tỷ đồng, tương đương 49% lợi nhuận sau thuế hợp nhất. Riêng cổ tức còn lại của năm 2019 sẽ được trình ĐHĐCĐ năm 2020 quyết định.

Nguyên tắc 9.4: Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông.

- ▶ Công ty đã xây dựng chính sách quản lý rủi ro và trách nhiệm xung đột lợi ích. Theo đó, tất cả các cấp quản lý đều phải kê khai thông tin cho mục đích kiểm soát giao dịch tránh xung đột lợi ích của người nội bộ và của các bên liên quan.
- ▶ Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, các giao dịch kinh doanh giữa Vinamilk với người trong nội bộ và các bên liên quan được trình bày tại trang 196 của báo cáo tài chính đính kèm.
- ▶ Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ của Công ty được công bố như bên dưới:
 - Giao dịch cổ phiếu của người trong nội bộ:

	Người trong nội bộ	Chức vụ tại Vinamilk	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Diễn giải
			Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	
1	Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	4.933.704	0,28%	4.933.704	0,28%	-
2	Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành	358.461	0,02%	358.461	0,02%	-
3	Mai Hoài Anh	Giám đốc điều hành	427.093	0,02%	427.093	0,02%	-
4	Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc điều hành	251.625	0,01%	201.625	0,01%	(50.000)
5	Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc điều hành	903.487	0,05%	903.487	0,05%	-
6	Bùi Thị Hương	Giám đốc điều hành	71.814	0,00%	71.814	0,00%	-
7	Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc điều hành	24.796	0,00%	24.796	0,00%	-
8	Phan Minh Tiên	Giám đốc điều hành	96.430	0,01%	96.430	0,01%	-
9	Trần Minh Văn	Giám đốc điều hành	739.364	0,04%	739.364	0,04%	-

- Giao dịch cổ phiếu của các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ với người trong nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm		Diễn giải
		Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	
1	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	627.063.835	36,00%	627.063.835	36,00%	-
2	F&N Dairy Investments Pte Ltd	301.496.383	17,31%	301.496.383	17,31%	-
3	F&Nbev Manufacturing Pte. Ltd.	47.026.980	2,70%	47.026.980	2,70%	-
4	Platinum Victory Pte.Ltd.	184.880.461	10,62%	184.880.461	10,62%	-
5	Mai Quang Liêm	30.079	0,00%	30.079	0,00%	-
6	Nguyễn Minh Ấn	209.768	0,01%	209.768	0,01%	-
7	Dương Thị Ngọc Trinh	229.980	0,01%	229.980	0,01%	-

E. QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

NGUYÊN TẮC 10: TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

ĐHQT cam kết xem xét và tôn trọng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan, các bên chịu ảnh hưởng từ các hoạt động của Công ty.

- ▶ Vinamilk đã và đang áp dụng tốt Bộ Quy Tắc Ứng Xử của Công ty đối với các bên có quyền lợi liên quan. Bộ Quy Tắc này được công bố trên website của Công ty tại: <https://www.vinamilk.com.vn/vi/he-thong-quan-tri>
- ▶ Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các chính sách quản lý giao dịch với các bên liên quan. Và trong năm Công ty không phát hiện bất kỳ giao dịch nào có xung đột lợi ích với Công ty. Chính sách chống tham nhũng và chống hối lộ cũng được Công ty thực thi nghiêm ngặt.



5.2 BÁO CÁO QUẢN TRỊ RỦI RO

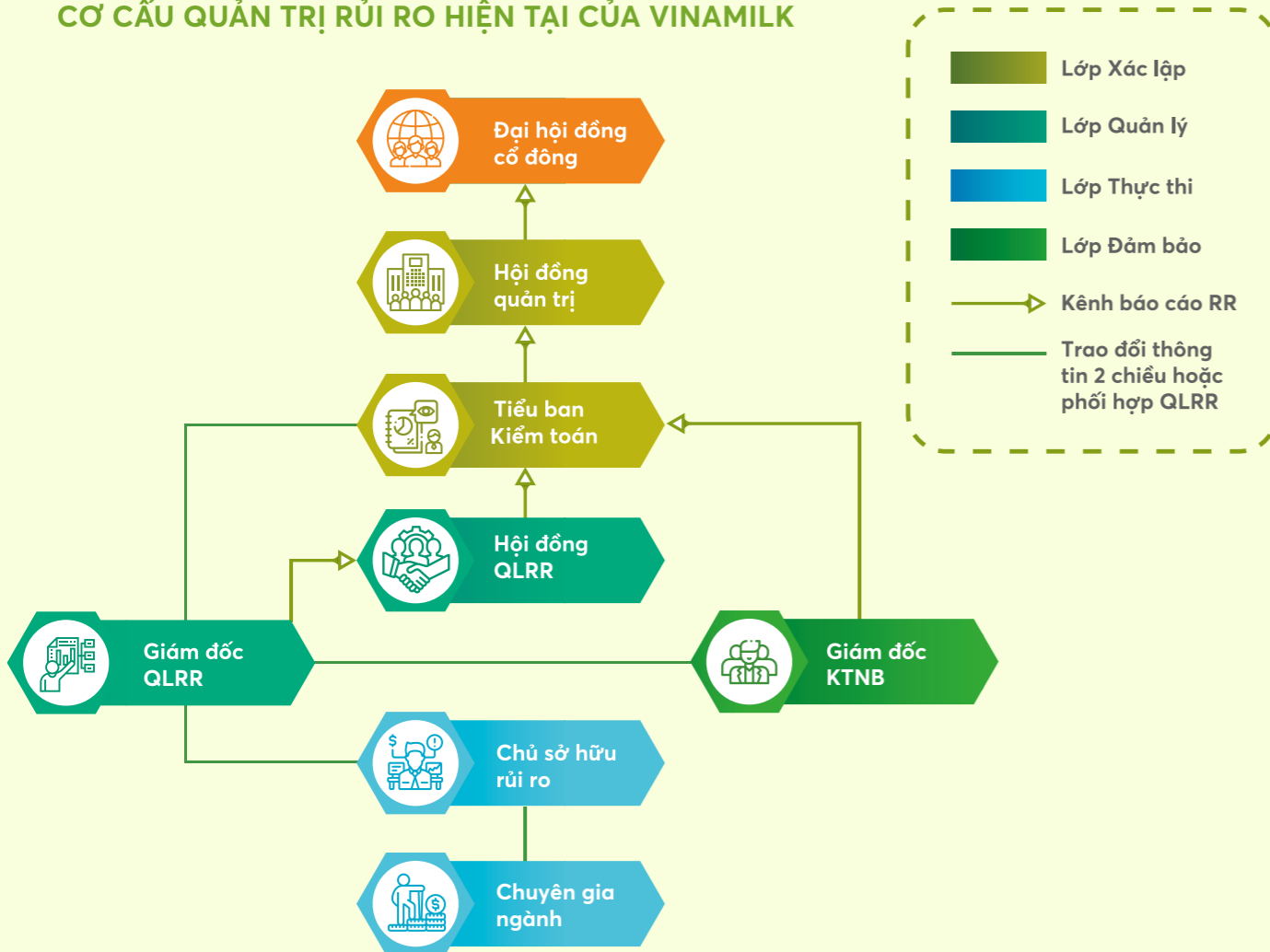
Năm 2019 là một năm của những biến động: biến động chính trị, biến động kinh tế, biến đổi khí hậu, v.v. liên tục và dồn dập tác động theo cường độ tăng dần tới nền kinh tế, các doanh nghiệp mà còn cả cuộc sống, sinh hoạt của mỗi người. Càng hướng về tương lai, sự gắn kết giữa doanh nghiệp với cộng đồng càng thể hiện rõ mối quan hệ tương tác, cũng như sự gắn kết giữa quản lý rủi ro, cơ hội với mục tiêu, hoạt động của doanh nghiệp càng trở nên chặt chẽ hơn. Vinamilk cũng không đứng ngoài xu thế đó, khi mà năm 2019 là một năm mà hoạt động quản lý rủi ro được thay đổi trên nhiều phương diện để mang lại sự gắn kết rõ ràng hơn, đặc biệt là bước đầu tích hợp quản trị rủi ro và quản trị phát triển bền vững.

Hoạt động QLRR năm 2019

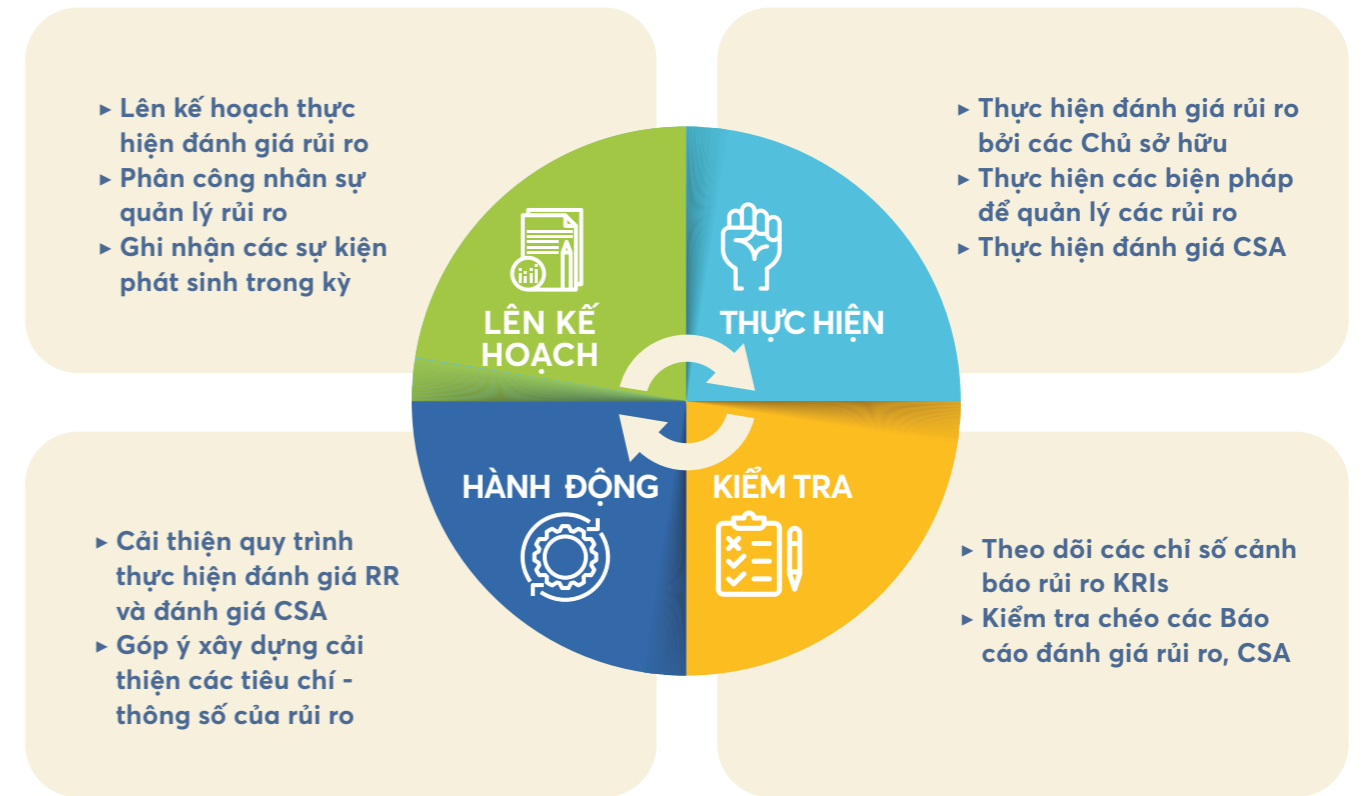
Các thay đổi nổi bật:

- Thay đổi về cơ cấu nhân sự - đội ngũ chuyên gia
- Thay đổi về hệ thống quy trình - báo cáo
- Thay đổi danh mục rủi ro - thông số đánh giá rủi ro

CƠ CẤU QUẢN TRỊ RỦI RO HIỆN TẠI CỦA VINAMILK



Các hoạt động thực hiện thường xuyên được tiếp tục duy trì để quản lý các rủi ro của Công ty theo quy trình nhận diện rủi ro – đánh giá rủi ro – giám sát rủi ro và báo cáo.



Quản lý các rủi ro quan trọng

Năm 2019, Vinamilk thực hiện quản lý 11 rủi ro quan trọng với các biện pháp kiểm soát chính:

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
RỦI RO CHIẾN LƯỢC			
1	Rủi ro cạnh tranh	Công ty giảm hoặc mất lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ.	Nhận diện và phân tích kịp thời các thay đổi của môi trường, đặc biệt là xu hướng tiêu dùng để từ đó xây dựng và triển khai các chương trình, dự án để củng cố, gia tăng lợi thế cạnh tranh và thị phần.
2	Rủi ro môi trường kinh tế chính trị quốc tế	Không nhận diện và thích nghi kịp thời với những thay đổi về kinh tế, chính trị, xã hội dẫn tới những ảnh hưởng tiêu cực cho Công ty tại các thị trường mà Công ty có đầu tư hoặc xuất khẩu.	Thường xuyên, liên tục cập nhật các thay đổi của môi trường kinh tế, chính trị, đánh giá và phân tích các ảnh hưởng đến Công ty để có các kế hoạch hành động kịp thời.
3	Rủi ro truyền thông	Không ngăn chặn, xử lý kịp thời và hợp lý các thông tin tiêu cực bị phát tán trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Liên tục cập nhật và theo dõi các thông tin truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng để có các cảnh báo và kế hoạch hành động kịp thời, đặc biệt là trong bối cảnh công nghệ 4.0 hiện nay.

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
RỦI RO CHIẾN LƯỢC			
4	Rủi ro nhân sự kế thừa	Các vị trí quan trọng không có nhân sự đảm nhiệm phù hợp và kịp thời.	Duy trì thực hiện các chương trình nhân sự cho các vị trí quan trọng, thực hiện đánh giá và có phương án thay thế phù hợp, kịp thời.
5	Rủi ro mất khách hàng quan trọng	Mất các mối quan hệ với các khách hàng quan trọng ở cả thị trường nội địa và xuất khẩu	Duy trì mối quan hệ với khách hàng, thường xuyên đánh giá doanh thu bán hàng, và có các chính sách tương ứng đối với các khách hàng quan trọng.
RỦI RO HOẠT ĐỘNG			
6	Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào không đáp ứng kịp thời	NVL đầu vào cho quá trình sản xuất không đầy đủ hoặc không được cung cấp kịp thời.	Quản lý tồn kho an toàn, đánh giá và quản lý Nhà cung cấp, có kế hoạch mua hàng một cách hợp lý, trong sự cân nhắc tới các biến động về môi trường, đặc biệt là biến đổi khí hậu.
7	Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng	Sản phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn về chất lượng (đặc biệt là an toàn vệ sinh thực phẩm) theo các chuẩn mực, yêu cầu mà Vinamilk cam kết tuân thủ (luật định, khách hàng và các bên liên quan có ký kết hợp đồng/thỏa thuận, yêu cầu nội bộ).	Thiết lập và thường xuyên kiểm tra các kiểm soát theo yêu cầu của các tiêu chuẩn. Thiết lập các tiêu chuẩn đánh giá riêng hệ thống kiểm soát của rủi ro xuyên suốt chuỗi cung ứng để đảm bảo các kiểm soát luôn hiệu quả và tối ưu. Hệ thống cảnh báo được xác lập để nhận diện kịp thời các sự kiện và có hướng xử lý.
8	Rủi ro dịch bệnh đàn bò	Nguy cơ xảy ra dịch bệnh trên đàn bò dẫn tới bò chết hoặc giảm chất lượng sữa.	Áp dụng vệ sinh an toàn sinh học cho các trang trại, chăm sóc sức khỏe đàn bò, có biện pháp xử lý y tế phù hợp đối với các trường hợp phát sinh.
9	Rủi ro triển khai kế hoạch kinh doanh	Thất bại trong việc triển khai các kế hoạch kinh doanh.	Các kế hoạch kinh doanh được triển khai thực hiện, giám sát, đánh giá và báo cáo theo đúng các quy trình.
10	Rủi ro an ninh thông tin	Gián đoạn hệ thống, bảo mật thông tin và bị tấn công từ các tội phạm công nghệ thông tin.	Tiếp tục duy trì áp dụng hệ thống An ninh thông tin ISO 27000, các hệ thống bảo vệ máy tính, người dùng. Thường xuyên đánh giá mối nguy an ninh thông tin từ bên trong và bên ngoài.
RỦI RO TÀI CHÍNH			
11	Biến động tỷ giá	Những biến động trong tỷ giá hối đoái gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động và lợi nhuận của doanh nghiệp.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.

Các rủi ro quan trọng đều được thực hiện các biện pháp kiểm soát để đảm bảo đạt được các mục tiêu của Công ty trong năm 2019 kể cả về tài chính lẫn hoạt động. Về khía cạnh hoạt động, Vinamilk cũng xác lập danh mục các rủi ro thuộc chương trình Phát triển bền vững, để từ đó đưa vào các mục tiêu, các chỉ số đo lường cụ thể. Danh mục rủi ro thuộc chương trình Phát triển bền vững:

STT	Nhóm	Rủi ro
1	Rủi ro chiến lược	Rủi ro nhận thức người tiêu dùng
2		Rủi ro nhân sự kế thừa
3	Rủi ro hoạt động	Rủi ro sản phẩm không đạt chất lượng
4		Rủi ro hỏa hoạn
5		Rủi ro thiên tai
6		Rủi ro biến đổi khí hậu
7		Rủi ro dịch bệnh đàn bò
8		Rủi ro sức khỏe và an toàn lao động
9		Rủi ro tuyển dụng và giữ chân nhân sự giỏi
10		Rủi ro đình công
11		Rủi ro gian lận
12		Rủi ro tham nhũng
13	Rủi ro tài chính	Rủi ro thuế
14	Rủi ro tuân thủ	Rủi ro tuân thủ quy định pháp luật
15		Rủi ro trách nhiệm môi trường

QUẢN LÝ RỦI RO 2020

Hoạt động Quản lý rủi ro năm 2020 tập trung chủ yếu vào việc tích hợp để gia tăng hiệu quả của hệ thống QLRR thông qua các hoạt động chính:





VI.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINAMILK 2017-2020

- (i) Hoàn thiện phân cơ cấu quản lý và thực thi về phát triển
- (ii) Đánh giá toàn diện hiện trạng về lĩnh vực phát triển bền vững xuyên suốt toàn công ty
- (iii) Tham gia các tổ chức chuyên ngành, đào tạo nhận thức
- (iv) Tích hợp sâu rộng hơn nội dung phát triển bền vững vào hoạt động sản xuất kinh doanh
- (v) Xây dựng lộ trình đảm bảo theo các chỉ tiêu GRI 4 cho báo cáo liên quan chặt chẽ đến các lĩnh vực trọng yếu và thành tựu từng thời kỳ

2. CÁC LĨNH VỰC TRỌNG YẾU TẠI VINAMILK

Lĩnh vực	Khía cạnh	Lĩnh vực trọng yếu	Icon
Kinh tế	Hiệu quả hoạt động kinh tế	Tăng trưởng bền vững	1 NO POVERTY, 9 INDUSTRY, INNOVATION AND INFRASTRUCTURE
		Giá trị mang lại cho cổ đông và nhà đầu tư	
		Giá trị mang lại cho chính phủ	2 ZERO HUNGER, 16 PEACE, JUSTICE AND STRONG INSTITUTIONS
	Tác động kinh tế gián tiếp	Lương và phúc lợi nhân viên	8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH, 17 PARTNERSHIPS FOR THE GOALS
		Đầu tư vào hoạt động cộng đồng	
		Giá trị giao dịch với nhà cung cấp	
Xã hội	Lao động và việc làm	Tạo việc làm bền vững	
		Phát triển kinh tế địa phương	
		Lương thưởng và phúc lợi	3 GOOD HEALTH AND WELL-BEING, 8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH
		Gắn kết và trung thành	4 QUALITY EDUCATION, 10 REDUCED INEQUALITIES
		An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	5 GENDER EQUALITY
	Đào tạo và phát triển	Đa dạng, bình đẳng và trao đổi mở	
		Quan hệ lao động	
	Trách nhiệm sản phẩm	Sản phẩm an toàn và chất lượng	2 ZERO HUNGER, 12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION
		Thông tin ghi nhãn minh bạch	
		Truyền thông và tiếp thị có trách nhiệm	3 GOOD HEALTH AND WELL-BEING
Môi trường	Nguyên vật liệu	Nguồn nguyên vật liệu bền vững và kinh tế tuần hoàn	6 CLEAN WATER AND SANITATION, 12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION
	Chất thải và nước thải	Kiểm soát nước thải và chất thải và kinh tế tuần hoàn	7 AFFORDABLE AND CLEAN ENERGY, 13 CLIMATE ACTION
	Năng lượng	Sử dụng năng lượng hiệu quả	8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH, 14 LIFE BELOW WATER
		Công nghệ hiện đại 4.0 và năng lượng xanh	9 INDUSTRY, INNOVATION AND INFRASTRUCTURE, 15 LIFE ON LAND
	Đất	Quản lý nguồn đất bền vững	11 SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES
	Nước	Sử dụng nguồn nước có trách nhiệm, hiệu quả và tuần hoàn	
	Phát thải	Giảm lượng khí thải CO2	
Chống Biến đổi khí hậu			
Tiêu chuẩn ngành	Phúc lợi động vật	Phúc lợi động vật cho đàn bò	2 ZERO HUNGER, 9 INDUSTRY, INNOVATION AND INFRASTRUCTURE
	Sức khỏe và dinh dưỡng	Nguồn dinh dưỡng thích hợp và chất lượng	3 GOOD HEALTH AND WELL-BEING, 12 RESPONSIBLE CONSUMPTION AND PRODUCTION
		Sản phẩm xanh, sạch và hữu cơ	
Đa dạng hóa sản phẩm	Sản phẩm đáp ứng đa dạng nhu cầu	8 DECENT WORK AND ECONOMIC GROWTH, 13 CLIMATE ACTION	

3. HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI VINAMILK TRONG NĂM 2019 VỚI 17 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

- 1 Xóa nghèo**
 - Việc làm cho hơn 9.803 lao động
 - Phát triển kinh tế địa phương
- 2 Xóa đói**
 - Danh mục sản phẩm trên 200 mặt hàng sữa và các sản phẩm từ sữa của Vinamilk được phủ đều 63/63 tỉnh thành
 - Hơn 35 triệu ly sữa cho gần 441.000 trẻ em khó khăn
- 3 Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc**
 - Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2019 (đứng hạng thứ 1) (Nielsen & Anphabe)
 - >50% danh mục sản phẩm là thực phẩm bổ sung
 - Cung cấp SHĐ tại 21 tỉnh, thành đang thực hiện chương trình SHĐ trên toàn quốc.
 - Tổ chức 29 buổi tập huấn về dinh dưỡng
- 4 Giáo dục chất lượng**
 - 560 khóa đào tạo với 28.024 lượt học viên
 - Đào tạo nghề và hỗ trợ thực hành chăn nuôi bò sữa tại địa phương
- 5 Bình đẳng giới**
 - Không phân biệt đối xử
 - 40% lãnh đạo cấp cao là nữ
 - Ban hành Chính sách và phúc lợi dành thêm cho lao động Nữ
- 6 Nước sạch và điều kiện vệ sinh**
 - 100% nước thải nguy hại được xử lý
 - 100% đơn vị khai thác nước đúng công suất cho phép
- 7 Năng lượng sạch và giá hợp lý**
 - Tỷ lệ năng lượng xanh/nhiên liệu: 94,01% (KSX)
 - Năng lượng mặt trời tại Trang trại Organic Đà Lạt
- 8 Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế**
 - Việc làm thu nhập cao cho 9.803 lao động
 - Xuất khẩu sang 53 quốc gia và vùng lãnh thổ
 - Hệ thống quản lý an toàn sứ khỏe nghề nghiệp theo ISO 45001
 - Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (Forbes VN) – 2,2 tỷ USD
 - Doanh nghiệp Việt Nam duy nhất góp mặt trong Top 50 của Asia300 – Danh sách các công ty niêm yết xuất sắc nhất Châu Á



SUSTAINABLE DEVELOPMENT GOALS

- 9 Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng**
 - Triển khai 56 sáng kiến về tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững
 - 100% cơ sở hạ tầng được đánh giá rà soát và tìm kiếm cơ hội đầu tư mới
- 10 Giảm bất bình đẳng**
 - Không có khiếu nại về bất bình đẳng
 - Không có khiếu nại về phân biệt đối xử
 - Không lao động cưỡng bức, không lao động trẻ em
- 11 Các thành phố và cộng đồng bền vững**
 - 100% nước thải đầu ra được xử lý đạt chuẩn
 - 100% nhà cung cấp dịch vụ xử lý rác thải có giấy phép hành nghề
- 12 Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm**
 - Hệ thống nhà máy đạt chứng nhận FSSC 22000, ISO 14001, ISO 50001, Organic EU
 - Hệ thống trang trại được chứng nhận Global G.A.P., Organic EU
 - Tuân thủ trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SMETA Sedex 4 Pillars
 - Minh bạch thông tin đến các bên liên quan
 - Dịch vụ khách hàng tốt
 - Top 10 Doanh nghiệp bền vững lĩnh vực Sản xuất
- 13 Ứng phó với biến đổi khí hậu**
 - Triển khai 26 sáng kiến về tiết kiệm năng lượng, phát triển bền vững
 - Ứng dụng năng lượng xanh và kinh tế tuần hoàn
- 14 Đời sống dưới nước**
 - 100% nước thải được xử lý đúng chuẩn
- 15 Đời sống trên cạn**
 - Hệ thống trang trại đang hoạt động đạt Global G.A.P.
 - 3 trang trại đạt chuẩn Organic EU
 - Quý 1 triệu cây xanh: 851.000 cây xanh các loại với tổng giá trị 11 tỷ đồng tại 38 địa điểm của 17 tỉnh, thành
- 16 Hòa bình, công lý và thể chế hiệu quả**
 - Tham vấn xây dựng và điều chỉnh văn bản pháp luật
 - Hỗ trợ và đồng hành cùng Nhà nước hướng đến mục tiêu phát triển bền vững
- 17 Hợp tác đạt mục tiêu**
 - Thúc đẩy đẩy mạnh và thiết lập cơ chế của ngành sữa tại Việt Nam trong việc xuất khẩu Trung Quốc
 - Đồng hành bền vững cùng Nhà cung cấp, đối tác và Hộ chăn nuôi
 - Hợp tác cùng MARD xây dựng vùng chăn nuôi bò sữa an toàn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (THEO VAS)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nội dung	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	136
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	137
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	138
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	140
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	143
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	145
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	148

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thông tin về công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số

4103001932 ngày 20 tháng 11 năm 2003
0300588569 ngày 12 tháng 10 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300588569 ngày 12 tháng 10 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch
Bà Mai Kiều Liên Thành viên	Thành viên
Ông Lee Meng Tat	Thành viên
Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên
Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên
Ông Đỗ Lê Hùng Thành viên	Thành viên
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên (đến ngày 15 tháng 8 năm 2019)
Ông Alain Xavier Cany	Thành viên

Ban Điều hành

Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành – Nhân sự – Hành chính và Đối ngoại
Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành – Kinh doanh Quốc tế
Ông Lê Thành Liêm	Giám đốc Điều hành – Tài chính
Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành – Tiếp thị
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành – Chuỗi cung ứng Giám đốc Điều hành – Sản xuất
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành – Nghiên cứu và Phát triển
Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành – Phát triển vùng nguyên liệu

Trụ sở đăng ký

10 Tân Trào, Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Báo cáo của Ban Điều hành

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi cơ sở này không còn thích hợp.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, được trình bày từ trang 140 đến trang 197, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành

Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2020, được trình bày từ trang 140 đến trang 197.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00231-20-11

**Chang Hung Chun**Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh NghịGiấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2020

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		24.721.565.376.552	20.559.756.794.837
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V2	2.665.194.638.452	1.522.610.167.671
Tiền	111		2.378.583.764.655	1.072.610.167.671
Các khoản tương đương tiền	112		286.610.873.797	450.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.435.744.328.964	8.673.926.951.890
Chứng khoán kinh doanh	121	V.5(a)	1.153.041.048	443.154.262.451
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.5(a)	(840.586.787)	(605.728.258)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.5(b)	12.435.431.874.703	8.231.378.417.697
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.503.154.728.959	4.639.447.900.101
Phải thu khách hàng	131	V.3(a)	3.474.498.518.959	3.380.017.354.930
Trả trước cho người bán	132		576.013.061.394	876.158.254.325
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		31.170.336.327	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4(a)	438.267.517.904	394.535.471.938
Dự phòng phải thu khó đòi	137	V.3(c)	(16.794.705.625)	(11.263.181.092)
Hàng tồn kho	140	V6	4.983.044.403.917	5.525.845.959.354
Hàng tồn kho	141		4.996.114.799.978	5.538.304.348.980
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.070.396.061)	(12.458.389.626)
Tài sản ngắn hạn khác	150		134.427.276.260	197.925.815.821
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12(a)	68.634.341.838	54.821.120.257
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		60.875.991.566	142.642.380.500
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		4.916.942.856	462.315.064

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		19.978.308.009.482	16.806.351.859.342
Các khoản phải thu dài hạn	210		21.169.968.995	88.443.241.642
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3(b)	-	67.658.410.631
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		545.312.000	3.143.509.548
Phải thu dài hạn khác	216	V.4(b)	20.624.656.995	17.641.321.463
Tài sản cố định	220		14.893.540.216.703	13.365.353.599.098
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	13.743.909.618.601	13.047.771.431.436
Nguyên giá	222		26.227.436.154.249	22.952.360.450.312
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.483.526.535.648)	(9.904.589.018.876)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.149.630.598.102	317.582.167.662
Nguyên giá	228		1.297.664.982.735	475.569.436.392
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(148.034.384.633)	(157.987.268.730)
Bất động sản đầu tư	230	V.9	62.018.116.736	90.248.200.759
Nguyên giá	231		81.481.271.444	147.320.450.623
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(19.463.154.708)	(57.072.249.864)
Tài sản dở dang dài hạn	240		943.845.551.903	868.245.878.253
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.10	249.633.893.396	214.398.200.249
Xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	694.211.658.507	653.847.678.004
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		986.676.290.429	1.068.660.695.119
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	V.5(c)	688.112.587.059	497.498.739.617
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	V.5(c)	104.537.010.212	72.083.527.154
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	V.5(c)	(5.973.306.842)	(921.571.652)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.5(b)	200.000.000.000	500.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.071.057.864.716	1.325.400.244.471
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12(b)	678.630.479.869	750.599.476.304
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13(a)	26.367.280.852	36.460.665.848
Lợi thế thương mại	269	V.14	2.366.060.103.995	538.340.102.319
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		44.699.873.386.034	37.366.108.654.179

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.968.618.181.670	11.094.739.362.252
Nợ ngắn hạn	310		14.442.851.833.360	10.639.592.009.462
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	3.648.445.576.699	3.991.064.706.111
Người mua trả tiền trước	312		245.247.666.160	535.552.943.437
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	V.17	619.393.665.850	341.669.047.623
Phải trả người lao động	314		239.520.745.753	215.270.553.609
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.738.321.908.844	1.437.232.532.734
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.111.168.658	6.910.881.322
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	1.956.364.398.828	2.540.327.951.932
Vay ngắn hạn	320	V.16(a)	5.351.461.260.191	1.060.047.652.329
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	8.048.885.766	4.502.303.315
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	V.21	633.936.556.611	507.013.437.050
Nợ dài hạn	330		525.766.348.310	455.147.352.790
Phải trả người bán dài hạn	331		427.916.520	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	2.054.753.617
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	415.848.218
Phải trả dài hạn khác	337		27.418.573.520	29.607.431.175
Vay dài hạn	338	V.16(b)	122.992.982.893	215.798.919.361
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13(b)	374.926.875.377	204.757.714.031
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	-	2.512.686.388
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		29.731.255.204.364	26.271.369.291.927
Vốn chủ sở hữu	410	V.22	29.731.255.204.364	26.271.369.291.927
Vốn cổ phần	411	V.23	17.416.877.930.000	17.416.877.930.000
Cổ phiếu quỹ	415	V.23	(11.644.956.120)	(10.485.707.360)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	417		23.174.494.894	27.635.831.784
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.200.188.373.195	1.191.672.373.593
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.875.462.401.924	7.155.434.314.256
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.543.346.786.755	3.560.050.505.957
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.332.115.615.169	3.595.383.808.299
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.227.196.960.471	490.234.549.654
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	400		44.699.873.386.034	37.366.108.654.179

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Lê Thành Liêm

Người duyệt:



Mai Kiều Liên

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	56.400.229.726.717	52.629.230.427.284
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	82.106.963.973	67.280.456.692
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	56.318.122.762.744	52.561.949.970.592
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	29.745.906.112.117	27.950.543.501.501
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.572.216.650.627	24.611.406.469.091
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	807.316.707.483	759.917.391.001
Chi phí tài chính	22	VI.4	186.969.681.828	118.007.001.674
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		108.824.893.987	51.367.418.852
(Lỗ)/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	24	V.5(c)	(5.716.591.103)	22.433.720.557
Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.993.454.552.852	12.265.936.906.433
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.396.302.416.955	1.133.300.231.790
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		12.797.090.115.372	11.876.513.440.752
Thu nhập khác	31	VI.7	249.446.259.179	450.247.329.980
Chi phí khác	32	VI.8	250.826.735.994	275.064.504.609
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.380.476.815)	175.182.825.371
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.795.709.638.557	12.051.696.266.123
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.238.365.796.113	1.874.905.225.483
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	3.011.961.553	(28.838.670.599)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		10.554.331.880.891	10.205.629.711.239

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		10.554.331.880.891	10.205.629.711.239
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu công ty	61		10.581.175.671.989	10.227.281.151.464
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		(26.843.791.098)	(21.651.440.225)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	5.478	5.295

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Lê Thành Liêm
Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.795.709.638.557	12.051.696.266.123
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.948.072.775.534	1.626.632.382.351
Phân bổ lợi thế thương mại	02	V.14	67.951.918.380	56.921.527.942
Các khoản dự phòng	03		7.332.833.362	(91.866.480.156)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	04		6.458.209.059	(1.358.149.087)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		(1.513.217.385)	1.982.981.082
Thu nhập từ cổ tức, lãi tiền gửi và hoạt động đầu tư khác	05		43.964.070.239	70.047.516.026
Lỗ/(lợi nhuận) được chia từ công ty liên kết	05		(726.647.904.760)	(683.136.419.878)
Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.716.591.103	(22.433.720.557)
			108.824.893.987	51.367.418.852
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		14.255.869.808.076	13.059.853.322.698
Biến động các khoản phải thu	09		373.595.051.949	(108.535.667.272)
Biến động hàng tồn kho	10		401.995.429.191	(1.685.436.671.924)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(399.803.073.537)	(14.512.675.616)
Biến động chi phí trả trước	12		16.409.131.564	68.658.670.747
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		(4.480.040.000)	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(227.916.555.489)	(110.740.338.598)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(2.033.592.165.968)	(1.879.580.376.609)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(972.149.044.096)	(1.189.467.230.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.409.928.541.690	8.140.239.032.649

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.158.249.206.676)	(3.185.795.437.639)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		114.089.987.662	94.475.512.924
Tiền (chi)/thu hồi tiền gửi có kì hạn	23		(3.215.379.727.631)	1.199.161.995.594
Tiền thu hồi cho vay	24		2.598.197.548	2.230.048.674
Tiền thu hồi từ bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	190.785.778.116
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(12.250.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	26		1.513.217.385	18.467.703.509
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		665.791.014.375	782.637.018.033
Khoản tiền thuận chi cho hợp nhất kinh doanh	28	V.1	(2.158.238.334.831)	(134.857.255.395)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.747.874.852.168)	(1.045.144.636.184)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32		(1.159.248.760)	(3.325.885.560)
Tiền thu từ góp vốn của cổ đông không kiểm soát	32		127.768.725.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		10.426.775.268.658	4.827.980.040.068
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.233.112.646.051)	(4.103.588.818.554)
Tiền chi trả cổ tức	36		(7.836.250.770.500)	(7.256.172.407.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.515.978.671.653)	(6.535.107.071.546)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2019 VND	2018 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.146.075.017.869	559.987.324.919
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.522.610.167.671	963.335.914.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(1.895.678.528)	(1.230.025.973)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	62		(1.594.868.560)	516.954.561
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61 + 62)	70	V.2	2.665.194.638.452	1.522.610.167.671

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Người lập:



Lê Thành Liêm
Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Mai Kiểu Liên
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành, và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các cột mốc quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được ghi nhận như sau:

- ▶ Ngày 29/4/1993: Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- ▶ Ngày 1/10/2003: Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- ▶ Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một công ty cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932.
- ▶ Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPNY. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- ▶ Ngày 19/1/2006: Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Bất Động Sản Quốc Tế thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 4104000260 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- ▶ Ngày 12/12/2006: Công ty TNHH Một Thành Viên Bò sữa Việt Nam được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 150400003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Tuyên Quang cấp.
- ▶ Ngày 14/12/2006: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số 2603000521 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- ▶ Ngày 26/2/2007: Công ty Cổ Phần Sữa Lam Sơn được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Lam Sơn.
- ▶ Ngày 30/9/2010: Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Dielac được đăng ký thành lập dựa trên đăng ký lại từ Công ty TNHH Thực phẩm F&N Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 463041000209, do Ban quản lý Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore cấp.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- ▶ Ngày 18/9/2012: Công ty đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành Viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac. Tháng 7 năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac đã hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.
- ▶ Ngày 21/10/2013: Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801971744 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.
- ▶ Ngày 6/12/2013: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 663/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Công ty Driftwood Dairy Holding Corporation tại Bang California, Hoa Kỳ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư 7 triệu USD và nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu tại Driftwood Dairy Holding Corporation.
- ▶ Ngày 6/1/2014: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 667/BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, đầu tư vào Angkor Dairy Products Co., Ltd. tại Phnom Penh, Campuchia với tỷ lệ sở hữu 51%.
- ▶ Ngày 24/2/2014: Hội đồng quản trị Công ty đã ra nghị quyết giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế. Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 14191/15 giải thể Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản Quốc tế.
- ▶ Ngày 30/5/2014: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 709//BKHĐT-ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, để thành lập Vinamilk Europe sp.z.o.o tại Ba Lan do Vinamilk sở hữu 100% vốn.
- ▶ Ngày 19/5/2016: Công ty đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 201600140 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, phê duyệt tăng vốn đầu tư thêm 3 triệu USD vào Driftwood Dairy Holding Corporation. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư trị giá 3 triệu USD, nâng tổng số vốn đầu tư lên 10 triệu USD và tăng tỷ lệ sở hữu tại Driftwood Dairy Holding Corporation từ 70% lên 100%.
- ▶ Ngày 19/1/2017: Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25, ngày 18 tháng 1 năm 2017 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Theo đó Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn được sáp nhập vào Công ty (trước khi sáp nhập là Công ty con 100% vốn của Công ty). Công ty đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào ngày 1 tháng 3 năm 2017.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- ▶ Ngày 31/7/2017: Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh lần thứ nhất ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam liên quan đến Angkor Dairy Products Co., Ltd. ("Angkormilk"). Theo đó vốn đầu tư của Công ty tại Angkormilk sẽ tăng từ 10.210.000 USD lên 20.995.390 USD. Lý do tăng vốn là mua lại toàn bộ phần vốn góp của đối tác tại Angkormilk. Tại ngày 31 tháng 7 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư, nâng tổng số vốn đầu tư lên 20,9 triệu USD và tăng tỷ lệ sở hữu tại Angkormilk từ 51% lên 100%.
- ▶ Ngày 21/10/2017: Ngày 30 tháng 9 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua lại 3,89% vốn chủ sở hữu tại Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa từ cổ đông không kiểm soát. Ngày 21 tháng 10 năm 2017, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi quyền sở hữu.
- ▶ Ngày 01/11/2017: Vào ngày 25 tháng 10 năm 2017, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng mua cổ phần mới phát hành của Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa và nắm giữ 65% vốn chủ sở hữu của Công ty này. Giao dịch hoàn tất vào ngày 1 tháng 11 năm 2017. Ngày 14 tháng 11 năm 2017, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hòa đã chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Đường Việt Nam.
- ▶ Ngày 23/11/2018: Vào tháng 7 năm 2018, Công ty đã tiến hành ký kết hợp đồng đầu tư nắm giữ 51% cổ phần của Công ty Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd để phát triển tổ hợp trang trại bò sữa và bò thịt công nghệ cao. Giao dịch này hoàn tất vào ngày 23 tháng 11 năm 2018. Ngày 29 tháng 1 năm 2019 và ngày 7 tháng 10 năm 2019, Công ty đã đầu tư thêm lần lượt là 51.547 triệu VND và 128.889 triệu VND theo tỷ lệ sở hữu trong công ty này theo quyết định của các cổ đông. Vào ngày 1 tháng 4 năm 2019 Công ty đã thanh toán 154.391 triệu VND cho chủ sở hữu trước đây theo hợp đồng mua cổ phần.
- ▶ Ngày 12/9/2019: Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 201600140, đăng ký điều chỉnh lần thứ 2 về việc tăng vốn đầu tư của Công ty tại công ty con do Công ty sở hữu 100% là Driftwood Dairy Holding Corporation, bang California, Hoa Kỳ, từ 10 triệu USD lên 20 triệu USD. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển tiền đầu tư.
- ▶ Ngày 19/9/2019: Trong năm 2019 và đến ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc mua 75% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần GTNFoods thông qua nhiều giao dịch mua cổ phần.

2. Hoạt động chính

Những hoạt động chính của Tập đoàn là:

- ▶ Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- ▶ Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (theo quy định tại điều 11.3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014);

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- ▶ Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải;
- ▶ Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty;
- ▶ Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- ▶ Sản xuất và mua bán bao bì, sản phẩm nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- ▶ Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở);
- ▶ Chăn nuôi, trồng trọt;
- ▶ Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột và thực phẩm khác; và
- ▶ Bán lẻ đồ uống có cồn, đồ uống không chứa cồn (các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga), nước khoáng thiên nhiên, rượu vang và bia cồn ở nồng độ thấp hoặc không chứa cồn;
- ▶ Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ trà và vang; và
- ▶ Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi và hỗn hợp bột phục vụ hoạt động chăn nuôi.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 10 công ty con và 14 công ty liên kết (1/1/2019: 7 công ty con và 3 công ty liên kết) và các đơn vị trực thuộc như sau:

(a) Công ty con

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế	
			31/12/2019	1/1/2019
Các công ty con sở hữu trực tiếp				
▶ Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	Chăn nuôi bò sữa	100,00%	100,00%
▶ Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Khu phố 1, Thị trấn Thống nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất sữa và chăn nuôi gia súc	100,00%	100,00%
▶ Driftwood Dairy Holding Corporation	Số 10724, giao lộ Lower Azusa và El Monte Boulevards, California 91731-1390, Mỹ	Sản xuất sữa	100,00%	100,00%

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế	
			31/12/2019	1/1/2019
▶ Angkor Dairy Products Co., Ltd.	Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan posechey, Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia	Sản xuất sữa	100,00%	100,00%
▶ Vinamilk Europe Spółka z Ograniczoną Odpowiedzialnością	Ul. Gwiazdzista 7a/401-651 Warszawa, Ba Lan	Kinh doanh nguyên liệu sữa và động vật sống	100,00%	100,00%
▶ Công ty Cổ phần Đường Việt Nam	Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và tinh luyện đường	65,00%	65,00%
▶ Lao-Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.	Làng Boungvene, quận Paek, tỉnh Xiengkhouang, Lào	Chăn nuôi bò sữa và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp	51,00%	51,00%
▶ Công ty Cổ phần GTNFoods	Tầng 9, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ sữa, trà và vang	75,00%	-
Các công ty con sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods				
▶ Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – Công ty Cổ phần	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm chăn nuôi	55,87%	-
▶ Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu	Km194 Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Phiêng Luông, Huyện Mộc Châu, Tỉnh Sơn La	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	28,49%	-

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Công ty liên kết

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính	Lợi ích kinh tế	
			31/12/2019	1/1/2019
Các công ty liên kết sở hữu trực tiếp				
▶ Miraka Holdings Limited	108 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand	Sản xuất sữa	22,81%	22,81%
▶ Công ty Cổ phần APIS	Số 18A, VSIP II-A, đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh nguyên liệu thực phẩm	20,00%	20,00%
▶ Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Khu công nghiệp Giao Long, Giai Đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng từ dừa	25,00%	25,00%
Các công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods Có 11 công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTNFoods				

(c) Các đơn vị trực thuộc

Các chi nhánh bán hàng

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội – Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng – Tầng 7 Tòa nhà Bưu Điện, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ – Số 77-77B Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất

- Nhà máy Sữa Thống Nhất – Số 12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhà máy Sữa Trường Thọ – Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhà máy Sữa Dielac – Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.
- Nhà máy Sữa Cần Thơ – Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ.
- Nhà máy Sữa Sài Gòn – Khu CN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nhà máy Sữa Nghệ An – Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Nhà máy Sữa Bình Định – 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.
8. Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam – Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
9. Nhà máy Sữa Tiên Sơn – Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
10. Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.
11. Nhà máy Sữa bột Việt Nam – 9 Đại lộ Tự Do – Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
12. Nhà máy Sữa Việt Nam – Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
13. Nhà máy Sữa Lam Sơn – Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Các kho vận

1. Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh – Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Quận Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Phòng khám

1. Phòng khám đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm thu mua sữa tươi:

1. Trung tâm sữa tươi nguyên liệu Củ Chi – Lô B14-1, B14-2 đường D4, Khu Công nghiệp Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn có 9.803 nhân viên (1/1/2019: 8.082 nhân viên).

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. NĂM KẾ TOÁN**

Năm kế toán của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ KẾ TOÁN VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ ĐO LƯỜNG

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

1. CƠ SỞ HỢP NHẤT**(a) Công ty con**

Công ty con là những đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết tiềm tàng có thể được thực thi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thay đổi vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(c) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như NCI và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(d) Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(e) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư, giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(f) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

2. NGOẠI TỆ**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản tại ngày kết thúc năm kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch và có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc năm kế toán. Thu nhập và chi phí của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái bình quân trong năm.

Các chênh lệch quy đổi tiền tệ phát sinh do quy đổi cơ sở hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch quy đổi tiền tệ" thuộc vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**(a) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- ▶ Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- ▶ Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Dự phòng được lập khi giá thị trường của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

(c) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**6. HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- ▶ Nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 50 năm
- ▶ Máy móc và thiết bị 2 – 20 năm
- ▶ Phương tiện vận chuyển 4 – 10 năm
- ▶ Thiết bị văn phòng 2 – 12 năm
- ▶ Gia súc 3 – 25 năm
- ▶ Tài sản khác 3 – 20 năm

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH****(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- ▶ Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- ▶ Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp;
- ▶ Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; và
- ▶ Quyền thuê đất có được thông qua hợp nhất kinh doanh.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Quyền thuê đất có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(b) Thương hiệu

Thương hiệu có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(c) Vùng nguyên liệu

Vùng nguyên liệu có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 18 năm.

(d) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 – 8 năm.

(e) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 – 10 năm.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--|-------------|
| ▶ Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định | 13 - 50 năm |
| ▶ Cơ sở hạ tầng | 8 - 10 năm |
| ▶ Nhà cửa | 6 - 50 năm |

10. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(b) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 – 5 năm.

c) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 – 3 năm.

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban Điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**15. DỰ PHÒNG**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc năm kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

16. VỐN CỔ PHẦN**(a) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(b) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

17. THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

18. DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuận sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(c) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(d) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(e) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(f) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tập đoàn ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp trong năm và được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

21. CÁC KHOẢN THANH TOÁN THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

22. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

23. PHÂN PHỐI CỔ TỨC

Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được trong năm. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong năm kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**24. CÁC QUỸ**

Các quỹ được trích lập dựa theo Điều lệ của Công ty như sau:

- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế
- ▶ Quỹ đầu tư phát triển 10% lợi nhuận sau thuế

Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc, tùy thuộc vào bản chất và quy mô của nghiệp vụ đã được nêu trong Điều lệ Công ty. Khi quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

26. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

27. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Tập đoàn. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO**
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Trong năm và cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2019, Công ty đã mua, thông qua nhiều giao dịch, 40,53% vốn cổ phần của Công ty Cổ phần GTNFoods ("GTN") với số tiền 1.478.191 triệu VND. Vào tháng 11 và 12 năm 2019, Công ty đã mua thêm 34,47% vốn cổ phần của GTN với số tiền 1.969.141 triệu VND, tăng tỷ lệ sở hữu tại đơn vị này lên 75%. Tổng giá trị giao dịch mua là 3.460.086 triệu VND bao gồm giá mua trực tiếp bằng tiền, phí giao dịch và lợi nhuận được chia từ GTN khi còn là công ty liên kết.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.289.093.610.006	-	1.289.093.610.006
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	689.953.475.500	-	689.953.475.500
Các khoản phải thu – ngắn hạn	102.549.756.276	-	102.549.756.276
Hàng tồn kho	263.952.522.120	-	263.952.522.120
Tài sản ngắn hạn khác	17.557.465.861	-	17.557.465.861
Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000	-	5.000.000
Tài sản cố định – thuần	1.062.324.709.093	-	1.062.324.709.093
Tài sản dở dang dài hạn	33.274.624.556	-	33.274.624.556
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	236.853.426.944	-	236.853.426.944
Lợi thế thương mại	322.646.602.633	-	322.646.602.633
Tài sản dài hạn khác	8.977.954.624	-	8.977.954.624
Nợ ngắn hạn	(288.060.294.101)	-	(288.060.294.100)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(177.326.047.360)	-	(177.326.047.360)
Nợ dài hạn	(2.913.200.000)	-	(2.913.200.000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(1.042.808.724.476)	-	(1.042.808.724.476)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	2.516.080.881.676	-	2.516.080.881.676
Tài sản thuần nhận được (75%)			1.887.060.661.257
Lợi thế thương mại			1.573.025.317.423
Khoản thanh toán cho việc mua			3.460.085.978.680
Lợi nhuận được chia từ GTN khi còn là công ty liên kết			(12.754.033.843)
Khoản tiền thu được			(1.289.093.610.006)
Khoản tiền thuần chi ra			2.158.238.334.831

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ sự cộng hưởng mà Ban Điều hành kỳ vọng từ việc sáp nhập GTN vào hoạt động kinh doanh hiện tại của Tập đoàn.

Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp được mua đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn từ ngày được mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 được xác định là không đáng kể.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh, Tập đoàn đã kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh bằng cách sử dụng giá trị hợp lý dựa trên các thông tin có sẵn tại thời điểm báo cáo và đang trong quá trình cập nhật việc đánh giá lại tài sản và nợ phải trả và giá trị hợp lý của các khoản đầu tư hiện có trong GTN tại ngày mua lại.

2. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	2.104.240.925	1.853.588.837
Tiền gửi ngân hàng	2.376.479.523.730	988.996.467.314
Tiền đang chuyển	-	81.760.111.520
Các khoản tương đương tiền	286.610.873.797	450.000.000.000
	2.665.194.638.452	1.522.610.167.671

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**(a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải thu khách hàng	3.474.498.518.959	3.380.017.354.930

(b) Phải thu khách hàng dài hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
SIG Combibloc Ltd	-	67.658.410.631

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**(c) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Số dư đầu năm	(11.263.181.092)	(13.193.973.536)
Tăng dự phòng trong năm	(3.106.480.618)	(4.925.309.687)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(6.808.032.855)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	546.079.319	21.001.389
Sử dụng dự phòng trong năm	3.831.045.005	6.933.068.631
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	5.864.616	(97.967.889)
Số dư cuối năm	(16.794.705.625)	(11.263.181.092)

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Lãi tiền gửi	270.788.283.103	202.996.875.720
Phải thu từ nhân viên	1.439.352.746	3.086.744.596
Tạm ứng cho nhân viên	46.455.711.459	39.971.327.489
Ký quỹ ngắn hạn	8.100.031.282	5.056.861.106
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	947.730.977	6.487.398.794
Các khoản thu nhập được hỗ trợ từ nhà cung cấp	16.220.762.319	67.394.546.080
Phải thu khác	94.315.646.018	69.541.718.153
	438.267.517.904	394.535.471.938

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	16.119.656.995	12.641.321.463
Phải thu khác	4.505.000.000	5.000.000.000
	20.624.656.995	17.641.321.463

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu:				Dự phòng giảm giá VND
▶ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt	-	-	442.000.000.000	442.000.000.000
▶ Các khoản đầu tư khác	1.153.041.048	312.492.361	1.154.262.451	548.543.733
	1.153.041.048	312.492.361	443.154.262.451	442.548.543.733
				(605.728.258)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (*)	12.435.431.874.703	8.231.378.417.697
▶ Tiền gửi có kỳ hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	200.000.000.000	500.000.000.000
▶ Tiền gửi có kỳ hạn		

(*) Đây là các khoản tiền gửi có thời gian còn lại đến ngày đáo hạn từ 1 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng và hưởng lãi suất năm từ 7,10% đến 8,60% (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 3,80% đến 8,00%/năm).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào các công ty liên kết				
▲ Miraka Holdings Limited	368.041.190.003	(*)	383.178.796.529	(*)
▲ Công ty Cổ phần APIS	27.129.550.095	(*)	24.143.852.671	(*)
▲ Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	83.857.374.574	(*)	90.176.090.417	(*)
▲ Các công ty liên kết sở hữu gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần GTN-Foods	209.084.472.387	(*)	-	-
	688.112.587.059		497.498.739.617	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác				
▲ Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	69.261.607.154	(*)	69.261.607.154	(*)
▲ Nhà thuốc – Phòng khám đa khoa An Khang	300.000.000	(*)	300.000.000	(*)
▲ Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	1.688.700.000	(*)	1.688.700.000	(*)
▲ Các đơn vị khác	33.286.703.058	(*)	833.220.000	(*)
	104.537.010.212		72.083.527.154	
	792.649.597.271		569.582.266.771	
				(921.571.652)

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	497.498.739.617	481.282.722.569
Các khoản đầu tư	1.630.761.731.739	12.250.000.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	209.084.472.387	-
Giả định thanh lý	(1.643.515.765.581)	-
Cổ tức nhận được	-	(18.467.703.509)
(Lỗ)/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(5.716.591.103)	22.433.720.557
Số dư cuối năm	688.112.587.059	497.498.739.617

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	(605.728.258)	(675.708.019)
Tăng dự phòng trong năm	(236.103.624)	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	83.783.711
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	1.245.095	(13.803.950)
Số dư cuối năm	(840.586.787)	(605.728.258)

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	(921.571.652)	(8.121.391.011)
Tăng dự phòng trong năm	(366.306.689)	(301.697.683)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(4.685.428.501)	-
Sử dụng dự phòng trong năm	-	7.501.517.042
Số dư cuối năm	(5.973.306.842)	(921.571.652)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	749.979.994.029	-	1.238.073.977.728	-
Nguyên vật liệu	2.661.481.393.725	(10.038.265.185)	2.768.993.402.085	(6.086.246.473)
Công cụ và dụng cụ	36.772.262.332	-	28.371.666.681	-
Sản phẩm dở dang	170.681.379.523	-	104.353.403.803	-
Thành phẩm	1.340.143.116.595	(3.032.130.876)	1.338.140.872.718	(6.372.143.153)
Hàng hóa	29.311.606.981	-	59.011.157.448	-
Hàng gửi đi bán	7.745.046.793	-	1.359.868.517	-
	4.996.114.799.978	(13.070.396.061)	5.538.304.348.980	(12.458.389.626)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	(12.458.389.626)	(20.243.661.977)
Tăng dự phòng trong năm	(29.790.124.288)	(30.540.848.073)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	28.237.030.891	35.609.112.758
Sử dụng dự phòng trong năm	941.086.962	2.717.007.666
Số dư cuối năm	(13.070.396.061)	(12.458.389.626)

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyên	Thiết bị văn phòng	Gia súc	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	4.495.227.310.593	15.705.241.140.444	1.091.063.924.291	645.341.744.810	999.183.103.832	16.303.226.342	22.952.360.450.312	
Tăng trong năm	39.848.213.040	434.467.589.924	57.566.803.880	60.123.121.833	27.585.774.385	1.045.327.800	620.636.830.862	
Chuyển từ hàng tồn kho	-	-	-	-	399.741.923.305	-	399.741.923.305	
Chuyển từ bất động sản đầu tư	63.784.035.554	2.055.143.625	-	-	-	-	65.839.179.179	
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	269.949.632.767	934.347.517.986	44.886.244.275	4.228.936.612	-	-	1.253.412.331.640	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	367.881.793.205	766.598.218.652	75.923.735.627	1.376.063.180	77.942.312.860	6.369.163.924	1.296.091.287.448	
Tăng khác	-	-	-	-	173.835.000	-	173.835.000	
Phân loại lại	(413.790.650)	1.003.020.970	(64.200.000)	-	-	-	-	
Thanh lý	(16.609.811.323)	(24.776.227.449)	(51.994.352.272)	(5.490.189.788)	(254.200.546.439)	(4.142.006.468)	(357.213.133.739)	
Giảm khác	(20.848.514)	(416.763.618)	-	(39.849.935)	(1.591.617.094)	-	(2.069.079.161)	
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(215.592.352)	(1.167.481.049)	(28.758.023)	(38.744.545)	(82.539.354)	(4.355.274)	(1.537.470.597)	
Số dư cuối năm	5.219.430.942.320	17.817.352.159.485	1.217.353.397.778	704.976.051.847	1.248.752.246.495	19.571.356.324	26.227.436.154.249	
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm	1.440.392.325.920	7.137.290.803.408	555.678.581.045	454.853.028.048	314.811.353.523	1.562.926.932	9.904.589.018.876	
Khấu hao trong năm	234.457.783.661	1.354.352.491.506	100.820.960.797	55.652.219.611	177.148.385.798	632.283.706	1.923.064.125.079	
Chuyển từ bất động sản đầu tư	39.325.113.984	1.894.488.466	-	-	-	-	41.219.602.450	
Tăng khác	-	-	-	-	32.561.845	-	32.561.845	
Tăng do hợp nhất kinh doanh	218.410.160.374	508.457.152.344	53.707.871.005	994.318.547	31.471.586.394	5.255.381.471	818.296.470.135	
Phân loại lại	(35.949.100)	109.223.797	(52.965.000)	(20.309.697)	-	-	-	
Thanh lý	(12.462.677.195)	(20.795.062.107)	(48.464.164.103)	(5.479.562.755)	(114.412.251.765)	(550.722.445)	(202.164.440.370)	
Giảm khác	(20.848.513)	-	(33.617.371)	(201.092.328)	(444.614.407)	-	(700.172.619)	
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(91.918.360)	(635.783.982)	(1.709.269)	(32.888.372)	(46.869.822)	(1.459.943)	(810.629.748)	
Số dư cuối năm	1.919.973.990.771	8.980.673.313.432	661.654.957.104	505.765.713.054	408.560.151.566	6.898.409.721	12.483.526.535.648	
Giá trị còn lại								
Số dư đầu năm	3.054.834.984.673	8.567.950.337.036	535.385.343.246	190.488.716.762	684.371.750.309	14.740.299.410	13.047.771.431.436	
Số dư cuối năm	3.299.456.951.549	8.836.678.846.053	555.698.440.674	199.210.338.793	840.192.094.929	12.672.946.603	13.743.909.618.601	

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.784.674 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 3.051.391 triệu VND).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Vùng nguyên liệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	275.787.746.133	-	-	149.557.040.259	50.224.650.000	475.569.436.392
Tăng trong năm	154.390.500.600	-	-	778.078.240	-	155.168.578.840
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.796.970.000	-	1.796.970.000
Tăng do hợp nhất kinh doanh	140.579.011.356	276.413.594.392	164.964.058.635	3.429.000.000	-	585.385.664.383
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	112.529.876.900	-	-	-	-	112.529.876.900
Xóa sổ	-	-	-	(32.498.901.455)	-	(32.498.901.455)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(230.367.825)	-	-	(2.024.500)	(54.250.000)	(286.642.325)
Số dư cuối năm	683.056.767.164	276.413.594.392	164.964.058.635	123.060.162.544	50.170.400.000	1.297.664.982.735
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	11.313.596.385	-	-	112.650.522.345	34.023.150.000	157.987.268.730
Khấu hao trong năm	6.896.996.940	-	-	14.501.146.224	-	21.398.143.164
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	855.772.603	-	855.772.603
Phân loại lại từ chi phí trả trước dài hạn	331.039.633	-	-	-	-	331.039.633
Xóa sổ	-	-	-	(32.498.901.455)	-	(32.498.901.455)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(2.188.042)	(36.750.000)	(38.938.042)
Số dư cuối năm	18.541.632.958	-	-	95.506.351.675	33.986.400.000	148.034.384.633
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	264.474.149.748	-	-	36.906.517.914	16.201.500.000	317.582.167.662
Số dư cuối năm	664.515.134.206	276.413.594.392	164.964.058.635	27.553.810.869	16.184.000.000	1.149.630.598.102

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 56.267 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 54.118 triệu VND).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Cơ sở hạ tầng VND	Nhà cửa VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	39.821.793.375	6.464.218.561	101.034.438.687	147.320.450.623
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.994.290.197)	(59.844.888.982)	(65.839.179.179)
Số dư cuối năm	39.821.793.375	469.928.364	41.189.549.705	81.481.271.444
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.610.911.366	5.798.297.944	46.663.040.554	57.072.249.864
Khấu hao trong năm	865.672.681	211.744.707	2.533.089.906	3.610.507.294
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.540.114.287)	(35.679.488.163)	(41.219.602.450)
Số dư cuối năm	5.476.584.047	469.928.364	13.516.642.297	19.463.154.708
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	35.210.882.009	665.920.617	54.371.398.133	90.248.200.759
Số dư cuối năm	34.345.209.328	-	27.672.907.408	62.018.116.736

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Trong bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 470 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 7.892 triệu VND).

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển vào tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi đạt giai đoạn mười sáu tháng, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	653.847.678.004	1.746.890.968.380
Tăng trong năm	1.360.141.492.392	2.522.897.009.069
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	41.775.811.751
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.253.412.331.640)	(3.506.082.322.887)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.796.970.000)	(9.493.334.500)
Chuyển sang hàng tồn kho	(5.507.091.233)	(7.369.748.224)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(13.371.239.438)	(1.578.803.935)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(30.607.848.661)	(92.804.867.250)
Thanh lý	(3.005.364.532)	(29.427.130.703)
Giảm khác	(11.991.087.321)	(11.114.841.576)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(85.579.064)	154.937.879
Số dư cuối năm	694.211.658.507	653.847.678.004

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn đang thực hiện như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	334.702.066.025	199.731.336.725
Công ty TNHH Một Thành viên Bò sữa Việt Nam	133.837.220.407	102.154.976.125
Công trình khác	225.672.372.075	351.961.365.154
	694.211.658.507	653.847.678.004

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Bảo trì hệ thống và triển khai phần mềm	9.572.209.173	5.593.701.960
Quảng cáo	9.658.640.649	1.760.281.563
Thuê hoạt động	5.626.854.948	1.604.474.481
Công cụ và dụng cụ	14.812.274.870	17.012.413.694
Cải tạo và sửa chữa	8.718.925.773	11.759.637.267
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	20.245.436.425	17.090.611.292
Tổng cộng	68.634.341.836	54.821.120.257

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	422.774.698.476	227.889.846.740	99.934.931.088	750.599.476.304
Tăng trong năm	3.195.576.200	138.188.053.706	56.268.697.705	197.652.327.611
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	6.823.239.850	2.154.714.773	8.977.954.623
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	10.771.023.049	19.836.825.612	30.607.848.661
Phân bổ trong năm	(8.850.176.814)	(137.993.212.158)	(47.026.454.524)	(193.869.843.496)
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình	(112.198.837.267)	-	-	(112.198.837.267)
Giảm khác	-	(775.555)	(3.084.789.494)	(3.085.565.049)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(33.678.033)	(18.265.790)	(937.695)	(52.881.518)
Số dư cuối năm	304.887.582.562	245.659.909.842	128.082.987.465	678.630.479.869

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.257.402.544	4.506.066.449
Chi phí phải trả và dự phòng	23.109.878.308	31.954.599.399
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	26.367.280.852	36.460.665.848

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Phải thu khách hàng	1.526.659.840	1.172.386.830
Hàng tồn kho	909.887.600	941.746.905
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	29.950.457.200	31.369.020.270
Chi phí phải trả	6.864.189.280	5.670.987.900
Khác	2.854.973.200	2.500.562.655
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	42.106.167.120	41.654.704.560
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Tài sản cố định	(392.607.456.097)	(221.960.420.440)
Khác	(24.425.586.400)	(24.451.998.151)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(417.033.042.497)	(246.412.418.591)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(374.926.875.377)	(204.757.714.031)

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	538.340.102.319	474.930.098.235
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh V.1)	1.573.025.317.423	120.331.532.026
Lợi thế thương mại có sẵn tại bên được mua (Thuyết minh V.1)	322.646.602.633	-
Phân bổ trong năm	(67.951.918.380)	(56.921.527.942)
Số dư cuối năm	2.366.060.103.995	538.340.102.319

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2019		1/1/2019	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Các nhà cung cấp khác	3.648.445.576.699	3.648.445.576.699	3.991.064.706.111	3.991.064.706.111

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần APIS	12.362.064.763	17.295.725.739
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	1.776.358.247	-

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019 VND	Tăng thêm VND	Chi trả VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2019 VND
Vay ngắn hạn	1.002.185.152.329	10.152.720.171.563	(5.823.995.612.490)	(256.451.211)	5.330.653.260.191
Vay dài hạn đến hạn trả	57.862.500.000	20.860.200.000	(57.945.000.000)	30.300.000	20.808.000.000
	1.060.047.652.329	10.173.580.371.563	(5.881.940.612.490)	(226.151.211)	5.351.461.260.191

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	USD	2,70%	2.320.900.000.000	-
Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	USD	2,24%	2.554.200.000.000	-
Ngân hàng HSBC Mỹ	(ii)	USD	3,52%	140.403.085.136	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Khánh Hòa	(iii)	VND	6,50%	155.169.168.643	135.014.812.812
Ngân hàng HSBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(iv)	VND	4,90% – 5,50%	159.981.006.412	-
Ngân hàng Tokyo-Mitsubishi UFJ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		VND	5,15% – 5,30%	-	700.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh Khánh Hòa		VND	5,50% – 6,50%	-	100.000.000.000
Wells Fargo		USD	4,57%	-	67.170.339.517
				5.330.653.260.191	1.002.185.152.329

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này không được đảm bảo.
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị còn lại là 750.071 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- (iii) Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 229.724 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (1/1/2019: 250.736 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho trị giá 160.000 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(b) Vay dài hạn

	1/1/2019 VND	Tăng thêm VND	Chi trả VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2019 VND
Vay dài hạn	273.661.419.361	278.136.000.000	(408.027.936.468)	31.500.000	143.800.982.893
Vay dài hạn đến hạn trả	(57.862.500.000)	(20.860.200.000)	57.945.000.000	(30.300.000)	(20.808.000.000)
	215.798.919.361	257.275.800.000	(350.082.936.468)	1.200.000	122.992.982.893

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng HSBC Mỹ	(i)	USD	4,11%	2020	138.720.000.000	-
Các cá nhân	(ii)	VND	5,40%	2039	5.080.982.893	7.493.919.361
Sumitomo Mitsui Banking Corporation, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh		USD	4,33%	2020	-	266.167.500.000
					143.800.982.893	273.661.419.361

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản có giá trị còn lại là 750.071 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.
(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

17. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	1/1/2019 VND	Phải nộp VND	Tổng do hợp nhất kinh doanh VND	Đã nộp VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	31/12/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	72.767.678.106	2.304.673.106.362	1.933.795.992	(2.236.398.727.547)	(2.803.434)	142.973.049.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	240.617.447.257	2.238.365.796.113	2.842.306.937	(2.033.592.165.968)	34.561.820	448.267.946.159
Thuế thu nhập cá nhân	13.883.959.734	227.371.036.397	735.128.415	(226.890.990.551)	(630.169)	15.098.503.826
Thuế nhập khẩu	12.600.974.855	262.384.739.344	-	(265.971.783.667)	(2.932.796)	9.010.997.736
Thuế khác	1.798.987.671	78.979.091.954	656.779.000	(77.389.757.521)	(1.932.454)	4.043.168.650
	341.669.047.623	5.111.773.770.170	6.168.010.344	(4.840.243.425.254)	26.262.967	619.393.665.850

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	772.113.174.851	776.107.581.197
Chi phí quảng cáo	528.630.512.164	94.497.076.043
Chi phí vận chuyển	80.462.406.538	79.971.625.109
Chi phí bảo trì và sửa chữa	27.555.234.704	28.619.830.706
Chi phí nhiên liệu	9.088.689.260	13.191.035.875
Chi phí nhân công thuê ngoài	75.439.919.727	102.360.840.273
Chi phí thuê kệ trưng bày	11.421.374.844	4.735.827.809
Chi phí lãi vay ngắn hạn	111.732.978.978	230.824.640.480
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	121.877.617.778	106.924.075.242
	1.738.321.908.844	1.437.232.532.734

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính	-	461.267.419.155
Nhận ký quỹ ngắn hạn	23.018.045.907	35.007.209.187
Bảo hiểm và kinh phí công đoàn	6.257.352.031	3.967.101.640
Cổ tức phải trả	1.790.475.448.000	1.741.407.855.000
Vượt chi so với hạn mức tài khoản	-	43.268.352.898
Thuế nhập khẩu phải nộp	-	13.862.123.850
Quỹ hỗ trợ thu từ và quản lý cho các hộ nông dân	53.845.326.860	-
Phải trả ngắn hạn khác	82.768.226.030	241.547.890.202
	1.956.364.398.828	2.540.327.951.932

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ – NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc (*)	5.223.048.135	4.502.303.315
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	1.680.238.911	-
Dự phòng khác	1.145.598.720	-
	8.048.885.766	4.502.303.315

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	7.014.989.703	102.523.428.175
Tăng dự phòng trong năm	5.135.186.530	3.235.466.057
Sử dụng dự phòng trong năm	(4.408.869.921)	(3.588.000.731)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.518.258.177)	(95.155.903.798)
Số dư cuối năm	5.223.048.135	7.014.989.703
Trong đó:		
Dự phòng ngắn hạn	5.223.048.135	4.502.303.315
Dự phòng dài hạn	-	2.512.686.388

21. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2019 VND	2018 VND
Số dư đầu năm	507.013.437.050	692.489.769.561
Tăng do hợp nhất kinh doanh	58.057.048.774	-
Trích quỹ trong năm	1.042.687.225.216	1.006.694.001.566
Tăng khác	-	149.174.000
Sử dụng quỹ trong năm	(973.821.154.429)	(1.192.319.508.077)
Số dư cuối năm	633.936.556.611	507.013.437.050

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch quy đổi tiền tệ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(7.159.821.800)	18.367.457.133	2.851.905.410.228	5.736.920.629.462	497.790.228.077	23.873.057.813.861
Tăng vốn từ cổ phiếu thưởng	2.902.343.640.000	(260.699.620.761)	-	-	(2.641.644.019.239)	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(3.325.885.560)	-	-	-	-	(3.325.885.560)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	981.410.982.604	10.227.281.151.464	(21.651.440.225)	10.205.629.711.239
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(981.410.982.604)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh V.21)	-	-	-	-	-	(1.006.694.001.566)	-	(1.006.694.001.566)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	(6.820.662.482.500)	14.095.761.802	14.095.761.802
Cổ tức (Thuyết minh V.24)	-	-	-	-	-	-	-	(6.820.662.482.500)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	9.268.374.651	-	-	-	9.268.374.651
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	17.416.877.930.000	-	(10.485.707.360)	27.635.831.784	1.191.672.373.593	7.155.434.314.256	490.234.549.654	26.271.369.291.927
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	1.671.828.944.895	1.671.828.944.895
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	127.768.725.000	127.768.725.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(1.159.248.760)	-	-	-	-	(1.159.248.760)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.581.175.671.989	(26.843.791.098)	10.554.331.880.891
Trích quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	1.008.515.999.602	(1.008.515.999.602)	-	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh V.21)	-	-	-	-	-	(1.042.687.225.216)	-	(1.042.687.225.216)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	26.276.249.997	(35.791.467.980)	(9.515.217.983)
Cổ tức (Thuyết minh V.24)	-	-	-	-	-	(7.836.220.609.500)	-	(7.836.220.609.500)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	(4.461.336.890)	-	-	-	(4.461.336.890)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	17.416.877.930.000	-	(11.644.956.120)	23.174.494.894	2.200.188.373.195	7.875.462.401.924	2.227.196.960.471	29.731.255.204.364

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.741.687.793	17.416.877.930.000	1.741.687.793	17.416.877.930.000
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.741.687.793	17.416.877.930.000	1.741.687.793	17.416.877.930.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(310.099)	(11.644.956.120)	(276.210)	(10.485.707.360)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.741.377.694	17.405.232.973.880	1.741.411.583	17.406.392.222.640

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần:

	31/12/2019 và 1/1/2019	
	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	6.270.638.350.000	36,00%
Vốn góp của cổ đông khác	11.146.239.580.000	64,00%
	17.416.877.930.000	100,00%

24. CỔ TỨC

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, ngày 3 tháng 9 năm 2019 và ngày 2 tháng 12 năm 2019, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định chia cổ tức trên kết quả kinh doanh năm 2018 và 2019 với tổng số tiền là 7.836.221 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu cho phần còn lại của năm 2018, 2.000 VND/cổ phiếu cho cổ tức đợt 1 năm 2019 và 1.000 VND/cổ phiếu cho đợt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2019) (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.820.662 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu cho phần còn lại của năm 2017, 2.000 VND/cổ phiếu cho cổ tức đợt 1 năm 2018 và 1.000 VND/cổ phiếu cho đợt tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018)).

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Trong vòng một năm	26.573.411.505	27.981.487.983
Từ hai đến năm năm	61.288.770.406	71.434.602.290
Trên năm năm	372.475.927.006	435.377.745.996
	460.338.108.917	534.793.836.269

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	18.849.582,01	427.479.136.071	5.789.336,73	133.994.198.570
EUR	1.070,24	27.562.961	3.219,93	84.845.156
		427.506.699.032		134.079.043.726

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2019 VND	1/1/2019 VND
Đã được duyệt và ký kết hợp đồng	2.250.010.458.648	2.623.320.438.226

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2019 VND	2018 VND
Tổng doanh thu		
▶ Bán thành phẩm	54.051.206.283.709	50.583.075.569.589
▶ Bán hàng hóa	2.121.875.131.531	1.776.434.735.965
▶ Các dịch vụ khác	57.429.475.380	61.508.966.437
▶ Cho thuê bất động sản đầu tư	11.081.348.335	16.985.591.588
▶ Doanh thu khác	158.637.487.762	191.225.563.705
	56.400.229.726.717	52.629.230.427.284
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▶ Chiết khấu thương mại	35.320.204.853	24.468.134.008
▶ Hàng bán bị trả lại	46.786.759.120	42.812.322.684
	82.106.963.973	67.280.456.692
Doanh thu thuần	56.318.122.762.744	52.561.949.970.592

Trong đó, doanh thu với khách hàng là bên liên quan như sau:

	2019 VND	2018 VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần APIS	302.263.750	300.586.875

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2019 VND	2018 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▶ Thành phẩm đã bán	27.399.359.100.623	25.966.686.345.927
▶ Hàng hoá đã bán	1.968.762.621.193	1.570.999.389.716
▶ Thành phẩm, hàng khuyến mãi	245.378.295.206	256.520.352.313
▶ Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư	4.285.651.543	8.429.185.015
▶ Dịch vụ khác	7.175.585.374	13.149.311.550
▶ Tổn thất hàng tồn kho	-	77.588.612
▶ Chi phí hoạt động dưới công suất	79.028.613.103	75.786.414.033
▶ Tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.553.093.397	(5.068.264.685)
▶ Giá vốn hàng bán khác	40.363.151.678	63.963.179.020
	29.745.906.112.117	27.950.543.501.501

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Lãi tiền gửi	724.201.948.913	665.813.438.377
Lãi trái phiếu doanh nghiệp	-	10.936.582.192
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	45.677.155.030	55.684.233.977
Cổ tức	26.388.617	1.826.192.791
Doanh thu hoạt động tài chính khác	37.411.214.923	25.656.943.664
	807.316.707.483	759.917.391.001

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2019 VND	2018 VND
Chi phí lãi vay	108.824.893.987	51.367.418.852
Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	209.154.467	1.309.845.580
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	60.074.270.250	58.022.973.593
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	602.410.313	217.913.972
Chiết khấu thanh toán	16.644.639.654	5.102.194.900
Chi phí tài chính khác	614.313.157	1.986.654.777
	186.969.681.828	118.007.001.674

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	662.893.692.363	603.641.303.823
Chi phí nguyên vật liệu	58.598.092.914	62.452.892.303
Chi phí công cụ, dụng cụ	101.797.093.375	123.607.444.086
Chi phí khấu hao	32.209.218.234	40.456.552.631
Chi phí bảo hành	47.010.411.525	44.550.977.735
Chi phí vận chuyển hàng	656.573.934.636	623.818.802.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	538.070.812.541	488.367.274.042
Chi phí quảng cáo, nghiên cứu thị trường	2.099.837.013.737	1.754.565.156.017
Chi phí dịch vụ khuyến mại, trưng bày, giới thiệu sản phẩm và hỗ trợ bán hàng	8.796.464.283.527	8.524.476.503.546
	12.993.454.552.852	12.265.936.906.433

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nhân viên	593.317.535.442	430.316.233.422
Chi phí vật liệu quản lý	40.456.896.979	43.307.886.827
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.033.022.257	22.088.490.674
Chi phí khấu hao	91.973.691.054	91.455.776.516
Thuế, phí và lệ phí	17.487.095.595	13.474.172.283
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng trợ cấp thôi việc	7.541.515.077	7.448.548.203
Chi phí vận chuyển	42.897.711.789	38.430.575.736
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.849.426.955	257.840.111.482
Chi phí nhập hàng	30.064.181.864	28.000.035.605
Công tác phí	56.796.678.410	51.120.138.866
Chi phí dịch vụ ngân hàng	14.954.730.837	11.841.257.499
Chi phí quản lý khác	159.929.930.696	137.977.004.677
	1.396.302.416.955	1.133.300.231.790

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. THU NHẬP KHÁC

	2019 VND	2018 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	115.441.098.773	188.199.147.154
Bồi thường nhận từ các bên khác	6.090.919.888	6.713.533.550
Các khoản thuế được hoàn	4.532.009.470	-
Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	91.200.000.000	127.151.102.534
Thu nhập khác	32.182.231.048	128.183.546.742
	249.446.259.179	450.247.329.980

8. CHI PHÍ KHÁC

	2019 VND	2018 VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang đã thanh lý	158.054.057.901	256.035.363.737
Chi phí khác	92.772.678.093	19.029.140.872
	250.826.735.994	275.064.504.609

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	23.085.598.914.758	22.569.828.439.864
Chi phí nhân công	2.461.783.667.411	2.116.120.236.299
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.937.044.165.899	1.617.572.091.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.714.954.382.152	2.473.261.223.328
Chi phí khác	11.839.165.502.615	11.200.481.378.273

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**10. THUẾ THU NHẬP****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2019 VND	2018 VND
Chi phí thuế hiện hành	2.238.365.796.113	1.874.905.225.483
<i>Trong đó: Chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế các năm trước</i>	124.920.226.014	26.933.057.444
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.011.961.553	(28.838.670.599)
Chi phí thuế thu nhập	2.241.377.757.666	1.846.066.554.884

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.795.709.638.557	12.051.696.266.123
Thuế theo thuế suất của Công ty	2.559.141.927.711	2.410.339.253.225
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các công ty con, các chi nhánh và các nhà máy của Công ty	(54.414.533.305)	(27.413.862.476)
Thu nhập không bị tính thuế	(5.277.723)	(365.238.558)
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.588.846.243	8.775.122.365
Ưu đãi thuế	(407.864.910.964)	(549.214.718.352)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trước đây chưa được ghi nhận	4.011.479.690	(22.987.058.764)
Chi phí thuế hiện hành liên quan đến thu nhập chịu thuế các năm trước	124.920.226.014	26.933.057.444
	2.241.377.757.666	1.846.066.554.884

(c) Thuế suất áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn chịu thuế thu nhập theo các mức thuế suất khác nhau từ 10% đến 21% tính trên thu nhập chịu thuế tùy thuộc vào hoạt động kinh doanh chính của các nhà máy. Công ty và tất cả công ty con đã phát sinh chi phí thuế thu nhập.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận thuần trong năm – thuộc về cổ đông phổ thông trước khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	10.581.175.671.989	10.227.281.151.464
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(1.042.687.225.216)	(1.006.694.001.566)
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	9.538.488.446.773	9.220.587.149.898

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2019 Số cổ phiếu	2018 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	1.741.411.583	1.451.278.520
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	-	290.253.883
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(20.259)	(56.328)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	1.741.391.324	1.741.476.075

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tập đoàn không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	2019 VND	2018 VND
Miraka Limited	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	71.979.909.120	92.116.872.865
Công ty Cổ phần APIS	Công ty liên kết	Mua hàng hóa Góp vốn	86.589.779.905 -	368.669.693.195 12.250.000.000
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	14.275.545.286	41.201.750 -
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Thù lao	107.144.571.099	105.156.020.454
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		Cổ tức	3.448.851.092.500	2.612.765.980.000

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là bộ phận chia theo khu vực địa lý.

Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác Việt Nam ("Nước ngoài"). Tài sản bộ phận và chi tiêu vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và có cơ sở sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

	Trong nước (Khách hàng tại Việt Nam)		Nước ngoài (Khách hàng ở các nước khác Việt Nam)		Tổng	
	2019 VND	2018 VND	2019 VND	2018 VND	2019 VND	2018 VND
Doanh thu thuần	47.554.538.149.171	44.747.261.858.074	8.763.584.613.573	7.814.688.112.518	56.318.122.762.744	52.561.949.970.592
Giá vốn hàng bán	(25.120.703.133.945)	(23.804.252.809.032)	(4.625.202.978.172)	(4.146.290.692.469)	(29.745.906.112.117)	(27.950.543.501.501)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	22.433.835.015.226	20.943.009.049.042	4.138.381.635.401	3.668.397.420.049	26.572.216.650.627	24.611.406.469.091

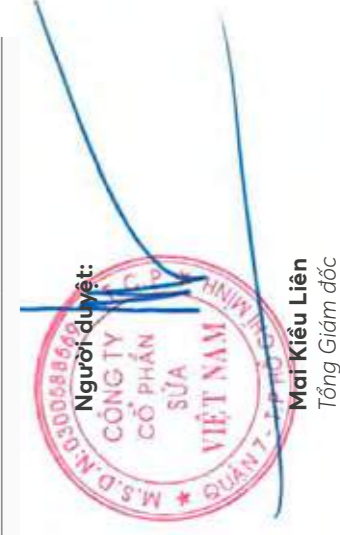
Người lập:



Lê Thành Liêm
Giám đốc Điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 2 năm 2020

Người duyệt:



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Báo cáo tài chính hợp nhất (theo IFRS)

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
Tài sản ngắn hạn	24.690.283	20.182.792
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.665.195	1.522.610
Các khoản đầu tư khác	12.435.744	8.231.927
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.637.582	4.837.374
Hàng tồn kho	4.951.762	5.501.458
Tài sản phát sinh từ chương trình chi trả bằng cổ phiếu	-	89.423
Tài sản dài hạn	20.384.251	16.888.080
Phải thu khách hàng và phải thu khác	435.833	415.816
Chi phí đất trả trước	-	422.775
Quyền sử dụng tài sản	517.088	-
Các khoản đầu tư khác	298.564	571.162
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	13.810.973	13.230.522
Tài sản sinh học	1.121.205	923.610
Tài sản vô hình	3.426.086	701.983
Bất động sản đầu tư	62.018	90.248
Đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	688.112	497.499
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	24.372	34.465
TỔNG TÀI SẢN	45.074.534	37.070.872

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	31/12/2019 Triệu VND	31/12/2018 Triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
NỢ PHẢI TRẢ	15.390.489	10.793.838
Nợ ngắn hạn	14.438.986	10.188.810
Vay ngắn hạn	5.351.461	1.060.048
Phải trả người bán và phải trả khác	8.222.883	8.251.540
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	448.268	240.617
Thuế phải nộp khác	171.126	101.052
Người mua trả tiền trước	245.248	535.553
Nợ dài hạn	951.503	605.028
Vay dài hạn	122.993	215.799
Phải trả người bán và phải trả khác	27.846	32.078
Nợ thuê tài sản	258.642	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	167.095	152.393
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	374.927	204.758
VỐN CHỦ SỞ HỮU	29.684.045	26.277.034
Vốn chủ sở hữu của cổ đông Công ty	27.456.848	25.786.799
Vốn cổ phần	17.416.878	17.416.878
Thặng dư vốn cổ phần	1.883.570	1.878.130
Cổ phiếu quỹ	(11.645)	(10.486)
Chênh lệch giá trị hợp lý	(1.601)	(1.000)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	23.186	27.649
Các quỹ khác	2.200.188	1.191.672
Lợi nhuận chưa phân phối	5.946.272	5.283.956
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.227.197	490.235
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	45.074.534	37.070.872

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập toàn diện khác hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
I. Báo cáo lãi lỗ		
Doanh thu	49.822.326	45.955.195
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(30.306.791)	(28.600.243)
Lợi nhuận gộp	19.515.535	17.354.952
Thu nhập khác	134.005	166.892
Chi phí bán hàng	(6.823.427)	(6.026.678)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(1.610.443)	(1.336.154)
Lỗ khác – thuần	(118.622)	(65.534)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	11.097.048	10.093.478
Doanh thu hoạt động tài chính	724.228	678.576
Chi phí tài chính	(120.250)	(52.677)
Thu nhập tài chính thuần	603.978	625.899
(Lỗ)/Lợi nhuận được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	(5.717)	22.434
Lợi nhuận trước thuế	11.695.309	10.741.811
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.241.378)	(1.846.067)
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động còn tiếp tục	9.453.931	8.895.744
Lỗ thuần từ các hoạt động đã dừng (sau khi trừ thuế thu nhập doanh nghiệp)	-	-
Lợi nhuận thuần	9.453.931	8.895.744

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập toàn diện khác hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
II. Báo cáo toàn diện khác		
Các khoản mục sẽ không được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ		
Các khoản đầu tư vốn thông qua FVOCI – thay đổi thuần trong giá trị hợp lý	(601)	(232)
Các khoản mục có thể được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ		
Hoạt động ở nước ngoài – chênh lệch quy đổi ngoại tệ	(4.463)	9.282
Tổng các nhóm thu nhập	9.448.867	8.904.794
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:		
Cổ đông Công ty	9.480.775	8.917.395
Cổ đông không kiểm soát	(26.844)	(21.651)
Lợi nhuận thuần	9.453.931	8.895.744
Tổng các nhóm thu nhập phân bổ cho:		
Cổ đông Công ty	9.475.711	8.926.445
Cổ đông không kiểm soát	(26.844)	(21.651)
Tổng thu nhập	9.448.867	8.904.794
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)	5.444	5.121
Lãi cơ bản trên cổ phiếu từ hoạt động kinh doanh còn tiếp tục (bằng VND)	5.444	5.121

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	11.695.309	10.741.811
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao và phân bổ	1.965.537	1.636.063
Lỗi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.458	(1.358)
Lỗi từ thanh lý nhà xưởng, máy móc, thiết bị và tài sản sinh học	43.962	70.046
Chi phí lãi vay	109.034	51.367
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	(724.228)	(678.576)
Lỗi/(lợi nhuận) được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	5.717	(22.434)
Lãi từ hoạt động đầu tư khác	(1.513)	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành theo Chương trình trả bằng cổ phiếu cho người lao động ("ESOP")	94.863	191.215
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	13.195.139	11.988.134
Biến động các khoản phải thu	151.881	(50.493)
Biến động hàng tồn kho	818.874	(1.463.749)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	64.400	(309.179)
	14.230.294	10.164.713
Tiền lãi vay đã trả	(228.126)	(110.740)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.033.592)	(1.879.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	11.968.576	8.174.393

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo)

	2019 Triệu VND	2018 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
Tiền chi mua nhà xưởng, máy móc và thiết bị, tài sản vô hình và tài sản sinh học	(2.704.592)	(3.257.228)
Tiền chi thuê đất trả trước	-	(256)
Tiền thu từ thanh lý nhà xưởng, máy móc và thiết bị và tài sản sinh học	114.090	130.547
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	(12.250)
Tiền thu hồi cho vay	2.599	2.230
Tiền thu hồi đầu tư vào đơn vị khác	1.513	18.468
Tiền thu hồi từ việc bán chứng khoán nợ của đơn vị khác (Chi)/thu hồi tiền gửi có kỳ hạn – thuận	(3.215.380)	1.199.160
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	665.791	782.637
Tiền chi mua công ty con – thuận	(2.154.390)	(133.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(7.290.369)	(1.079.299)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	127.769	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	(1.159)	(3.326)
Tiền thu từ đi vay	10.426.775	6.246.077
Tiền chi trả nợ gốc vay	(6.233.113)	(5.521.686)
Tiền chi trả nợ thuê tài sản	(16.152)	-
Tiền chi trả cổ tức	(7.836.251)	(7.256.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(3.532.131)	(6.535.107)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.146.076	559.987
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	1.522.610	963.336
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	(1.896)	(1.230)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	(1.595)	517
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	2.665.195	1.522.610

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

TRỤ SỞ

10 Tân Trào, Phường Tân Phú,
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 54 155 555

Fax: (+84. 28) 54 161 226

CHI NHÁNH BÁN HÀNG

1. CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI

Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

ĐT: (+84. 24) 37 246 019

Fax: (+84. 24) 37 246 005

2. CHI NHÁNH TẠI ĐÀ NẴNG

Tầng 7- tòa nhà Bưu điện – 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung Quận Thanh Khê TP. Đà Nẵng

ĐT: (+84. 236) 3 584 848

Fax: (+84. 236) 3 897 223

3. CHI NHÁNH TẠI CẦN THƠ

Tầng 4-5-6 số 77-77B Đường Võ Văn Tấn – Phường Tân An Quận Ninh Kiều – TP. Cần Thơ

ĐT: (+84. 292) 6 256 555

Fax: (+84. 292) 6 255 969

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1. NHÀ MÁY SỮA CẦN THƠ

Khu Công nghiệp Trà Nóc, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam

ĐT: (+84. 292) 6 258 555

Fax: (+84. 292) 6 255 998

2. NHÀ MÁY SỮA TRƯỜNG THỌ

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 62 527 555

Fax: (+84. 28) 38 966 884

3. NHÀ MÁY SỮA THỐNG NHẤT

12 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 62 529 555

Fax: (+84. 28) 62 885 727

4. NHÀ MÁY SỮA SÀI GÒN

Lô 1-18 Khu G1- KCN Tân Thới Hiệp, Hương lộ 80, Phường Hiệp Thành, Q.12, TP. HCM

ĐT: (+84. 28) 62 528 555

Fax: (+84. 28) 37 176 353

5. NHÀ MÁY SỮA DIELAC

KCN Biên Hòa 1, Xa lộ Hà Nội-Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

ĐT: (+84. 251) 6 256 555

Fax: (+84. 251) 3 836 015

6. NHÀ MÁY SỮA BỘT VIỆT NAM

Số 9, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore 1, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

ĐT: (+84. 274) 3 799 628

Fax: (+84. 274) 3 799 625

7. NHÀ MÁY SỮA VIỆT NAM

Lô A-4,5,6,7-CN, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: (+84. 274) 3 559 888

Fax: (+84. 274) 3 559 960

8. NHÀ MÁY NƯỚC GIẢI KHÁT VIỆT NAM

Lô A, Đường NA7, KCN Mỹ Phước 2, Phường Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

ĐT: (+84. 274) 3 556 839

Fax: (+84. 274) 3 556 890

9. NHÀ MÁY SỮA ĐÀ NẴNG

Lô Q, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

ĐT: (+84. 236) 6 259 777

Fax: (+84. 236) 6 259 555

10. NHÀ MÁY SỮA BÌNH ĐỊNH

87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

ĐT: (+84. 256) 6 253 555

Fax: (+84. 256) 3 746 065

11. NHÀ MÁY SỮA NGHỆ AN

Đường Sào Nam, Phường Nghi Thu, Thị Xã Cửa Lò, Nghệ An

ĐT: (+84. 238) 6 259 555

Fax: (+84. 238) 3 824 717

12. NHÀ MÁY SỮA TIÊN SƠN

Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh

ĐT: (+84. 222) 3 739 568

Fax: (+84. 222) 3 714 814

13. NHÀ MÁY SỮA LAM SƠN

Khu Công nghiệp Lê Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

ĐT: (+84. 237) 3 912 540

Fax: (+84. 237) 3 912 541

14. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HCM

32 Đặng Văn Bi, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 62 526 555

Fax: (+84. 28) 38 960 804

15. XÍ NGHIỆP KHO VẬN HÀ NỘI

Km 10, Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Huyện3n Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: (+84. 24) 36 789 489

Fax: (+84. 24) 38 276 966

16. PHÒNG KHÁM AN KHANG

184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 39 302 785

Fax: (+84. 28) 39 302 708

17. TRUNG TÂM SỮA TƯƠI NGUYÊN LIỆU CỬ CHI

Lô B14-1; B14-2; đường D4; KCN Đông Nam, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 37 350 001

Fax: (+84. 28) 37 350 003

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT TRONG NƯỚC

1. CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (+84. 28) 54 155 555

Fax: (+84. 28) 54 161 226

2. CÔNG TY TNHH MTV BÒ SỮA THỐNG NHẤT THANH HÓA

Khu phố Sao Đỏ, Thị trấn Thống Nhất, Huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa

ĐT: (+84. 237) 3 514 020

Fax: (+84. 237) 3 599 008

3. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG VIỆT NAM

Thôn Thủy Xương, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa

ĐT: (+84. 258) 3 745 453

(+84. 258) 3 745 424

Fax: (+84. 258) 3 744 440

Website: www.vietsugar.com.vn

4. CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN DỪA Á CHÂU

Lô EI-2, EI-3, EI-4, KCN Giao Long, Giai Đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre

ĐT: (+84. 275) 3 656 999

Fax: (+84. 275) 3 626 999

Website: www.acp.com.vn

5. CÔNG TY CỔ PHẦN APIS

77 Hoàng Văn Thái, P. Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: ((+84. 274) 54 165 166

Fax: (+84. 274) 54 111 066

Website: www.apis-corp.com

6. CÔNG TY CỔ PHẦN GTNFOODS

Tầng 9, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (+84. 24) 6276 6366

Fax: (+84. 24) 6276 6466

Website: www.gtnfoods.com.vn

CÁC CÔNG TY CON, LIÊN KẾT NƯỚC NGOÀI

1. DRIFTWOOD DAIRY HOLDING CORPORATION

10724 E. Lower Azusa Road, El Monte, California 91731-1390, United States

ĐT: (+626) 444 9591

Website: www.driftwood-dairy.com

2. CÔNG TY TNHH VINAMILK CHÂU ÂU

Gwiazdzista 7a/4, 01-065 Warszawa, Ba Lan

ĐT: (+48) 22 118 59 76

Fax: (+48) 22 416 48 29

Website: http://vinamilk.pl

3. ANGKOR DAIRY PRODUCTS CO., LTD.

Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Sangkat Boeung Thomm, Khan PoSenChey, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia

ĐT: (+855) 24683 9999

Website: www.angkormilk.com.kh

4. CÔNG TY TNHH MIRAKA HOLDINGS

108 Tuwharetoa St, Po Box 740, Taupo 3351, New Zealand

ĐT: (+64) 7 376 0075

Fax: (+64) 7 377 0694

Website: www.miraka.co.nz

5. CÔNG TY TNHH LAO-JAGRO DEVELOPMENT XIENKHOANG

Bản Pongvène, huyện Paek, tỉnh Xiengkhouang, Lào

ĐT: (+856) 21563053

Fax: (+856) 21563054

Email: laojagro@yahoo.com



VINAMILK

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

ĐT: (+84 28) 54 155 555

Fax: (+84 28) 54 161 226

Email: vinamilk@vinamilk.com.vn

www.vinamilk.com.vn

Designed & Produced by RIO Agency